

CỦNG CỐ **NỘI LỰC**
NẮM BẮT **THỜI CƠ**



Giới thiệu
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2023



CỦNG CỐ NỘI LỰC, NẮM BẮT THỜI CƠ

Năm 2023 với những biến động, thăng trầm nằm ngoài tất cả các kịch bản mà chúng ta có thể hình dung. Nhưng bằng sức mạnh đoàn kết, niềm tin vững chắc, đội ngũ KSB đã cùng nhau tạo nên vị thế vững mạnh trên thị trường ngành VLXD Việt Nam, được đánh giá bởi chính Đối tác, Khách hàng. Thời gian vừa qua, Công ty đang đi vào giai đoạn quyết liệt xây dựng cấu trúc tinh giản và vững mạnh, tập trung củng cố nội lực; phát huy tính hệ thống; tăng cường tính kết nối giữa các Dự án/Phòng/Ban trong Công ty; đặc biệt là phát triển kỹ năng lãnh đạo cho Ban Lãnh đạo và các Quản lý cấp cao. Từ đó, xây vững nền tảng KSB, nắm bắt thời cơ để tiếp tục vươn tới các đỉnh cao trong những năm tiếp theo.

MỤC LỤC

- 6 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 8 Chỉ số tài chính nổi bật 2019-2023
- 10 Giải thưởng tiêu biểu

01

Tổng quan về KSB

- 14 Thông tin chung
- 16 Tâm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 18 Lịch sử Hình thành và Phát triển
- 20 Lĩnh vực và địa bàn sản xuất kinh doanh
- 22 Đối tác và Khách hàng tiêu biểu
- 24 Sản phẩm và Dịch vụ chính
- 26 Đơn vị thành viên

02

Báo cáo tình hình Quản trị Công ty

- 30 Sơ đồ tổ chức và cơ cấu quản lý
- 32 Mô hình hoạt động của Công ty
- 34 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 37 Giới thiệu Ủy ban Kiểm toán
- 38 Giới thiệu Ban Điều hành
- 40 Báo cáo của HĐQT về Quản trị Công ty và Hoạt động sản xuất kinh doanh
- 48 Đánh giá hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám Đốc
- 52 Triển vọng kinh tế vĩ mô và Định hướng chiến lược
- 60 Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán
- 63 Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập HĐQT
- 64 Thông tin Cổ đông và Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư
- 68 Quản trị rủi ro
- 71 Giao dịch của Công ty, Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và người có liên quan

03

Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh

- 78 Hoạt động Sản xuất kinh doanh và Đầu tư năm 2023
- 86 Phân tích tình hình tài chính
- 98 Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

04

Báo cáo phát triển bền vững (tóm tắt)

- 102 Phát triển bền vững – Hòa lợi ích các bên liên quan
- 106 Người lao động: Tinh gọn - chuyên nghiệp – đảm bảo quyền lợi
- 114 Môi trường: Quản lý giảm thiểu tác động - Giảm phát thải
- 119 Cộng đồng: Đóng góp và chia sẻ trách nhiệm

05

Báo cáo tài chính năm 2023

- 124 Thông tin chung
- 126 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 127 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 129 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 131 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 132 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 134 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Kính thưa Quý Cổ đông, Đối tác, Khách hàng và toàn thể CBNV

Trước tiên, tôi xin thay mặt HĐQT, Ban TGD cùng toàn thể CBNV Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (KSB) xin bày tỏ lòng tri ân, cảm kích sâu sắc đến toàn thể quý vị Cổ đông, quý Khách hàng, Đối tác đã luôn đồng hành cùng KSB trên suốt chặng đường phát triển hơn ba thập kỷ qua.

Năm 2023 vừa qua, bức tranh kinh tế toàn cầu ẩn chứa những gam màu đầy bất ngờ. Khi nền kinh tế thế giới tiếp tục phải đối mặt với những bất ổn chính trị giữa Nga – Ukraine, lạm phát tăng cao kỷ lục, khủng hoảng năng lượng,... Tại Việt Nam, thị trường tài chính biến động mạnh; bất động sản đóng băng; mặt bằng lãi suất tăng cao khiến việc huy động vốn gặp khó khăn; vốn đầu tư công để kích cầu kinh tế chưa được giải ngân mạnh; nhiều điểm nghẽn chính sách vẫn chưa được khơi thông,...

Năm 2023 với những biến động, thăng trầm nằm ngoài tất cả các kịch bản mà chúng ta có thể hình dung. Nhưng bằng sức mạnh đoàn kết, niềm tin vững chắc, đội ngũ KSB đã cùng nhau tạo nên vị thế vững mạnh trên thị trường ngành VLXD Việt Nam, được đánh giá bởi chính Đối tác, Khách hàng.

”

Đối với KSB khi thị trường càng khó khăn, thách thức thì vai trò tiên phong và bản lĩnh của doanh nghiệp càng được khắc họa đậm nét. Năm 2023 khép lại, KSB ghi nhận doanh thu hoạt động SXKD đạt 528,62 tỷ đồng, Lợi nhuận trước thuế đạt 105,28 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế ở mức 73,77 tỷ đồng.

Trong tình hình suy giảm sản lượng khai thác, KSB thực hiện nhiều giải pháp tối ưu hoá chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, đảm bảo thực hiện các

chế độ chính sách tốt nhất đối với người lao động trong điều kiện cho phép.

Trong lĩnh vực bất động sản KCN, KSB đang tích cực liên hệ, tìm hiểu thông tin các dự án để mở rộng, làm việc với các Nhà tư vấn, Đối tác, Khách hàng tiềm năng để cung cấp thông tin năng lực, kinh nghiệm nhằm tiếp tục tìm kiếm khả năng hợp tác.

Với quyết tâm dám nghĩ, dám làm, KSB đã hoàn thành chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2023 và để thành công hơn trong năm 2024, KSB cần nghiên cứu cơ chế phù hợp để triển khai các giải pháp khác. Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như công tác quản trị. Kiểm soát biến động nâng cao hiệu quả dòng tiền, tái cơ cấu tổ chức. Tiếp tục hoạt động tìm kiếm và M&A các mỏ qua đó tăng trữ lượng, mở rộng vùng hoạt động cũng là nhiệm vụ trọng tâm.

Với giá trị của người KSB “Sáng tạo đổi mới, thích ứng linh hoạt, trách nhiệm và sẻ chia” tôi tin rằng: Tập thể lao động KSB sẽ sẵn sàng vượt qua thách thức và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm 2024, tiếp tục phát triển hơn nữa, xứng đáng với niềm tin của Khách hàng và Đối tác.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, cùng tập thể CBNV, tôi xin kính chúc quý vị Cổ đông, quý Khách hàng, Đối tác và các bên hữu quan sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng.

PHAN TẤN ĐẠT
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

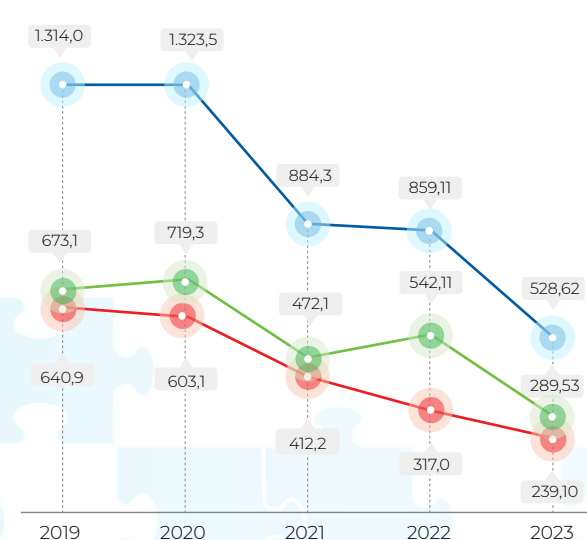
Chỉ số tài chính nổi bật 2019-2023

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023	2023 so với 2022 (%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.313,99	1.322,46	884,27	859,15	528,62	-38,5%
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	673,12	719,34	472,06	542,11	289,53	-46,6%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	640,87	603,11	412,22	317,00	239,10	-24,6%
Doanh thu hoạt động tài chính	32,14	63,01	102,75	93,90	79,67	-15,2%
Chi phí tài chính	81,50	101,47	94,59	135,11	160,61	18,9%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	80,59	99,04	94,58	135,11	160,59	18,9%
Phân lãi/lỗ trong công ty liên kết	(6,51)	(4,34)	(5,26)	(2,21)	9,82	-
Chi phí bán hàng	89,17	88,89	55,05	40,31	12,98	-67,8%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	83,13	73,06	61,72	52,95	50,43	-4,8%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	412,68	398,36	298,35	180,32	104,56	-42,0%
Thu nhập khác	20,65	21,20	18,53	27,11	38,29	41,2%
Chi phí khác	18,16	17,61	15,57	23,34	37,57	61,0%
Lợi nhuận khác	2,49	3,59	2,96	3,77	0,72	-81,0%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	415,18	401,95	301,31	184,09	105,28	-42,8%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	330,14	327,76	252,81	152,08	73,77	-51,5%

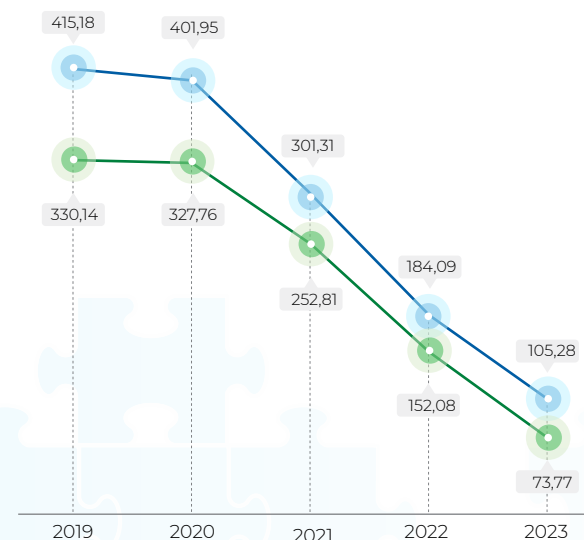
Doanh thu - Lợi nhuận gộp (Tỷ đồng)

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ



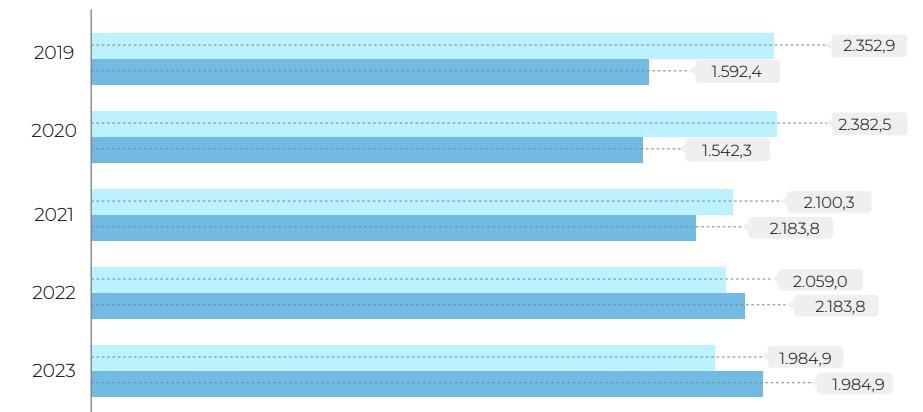
Lợi nhuận trước thuế - Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)

- Lợi nhuận trước thuế
- Lợi nhuận sau thuế



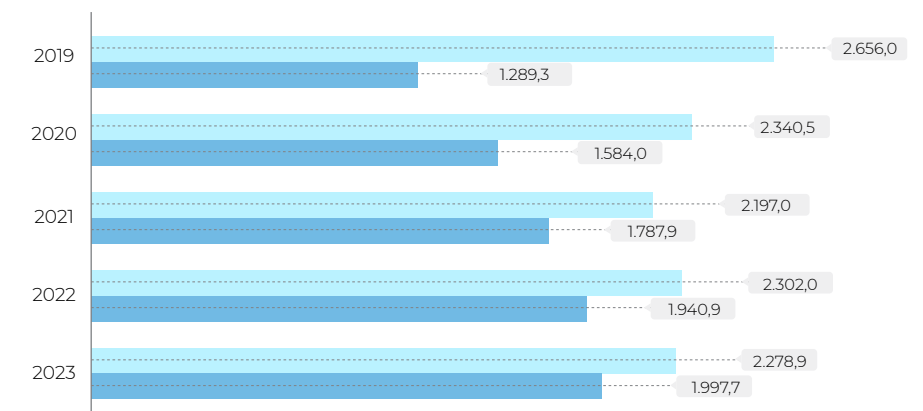
Cơ cấu tổng tài sản (Tỷ đồng)

- Tài sản ngắn hạn
- Tài sản dài hạn



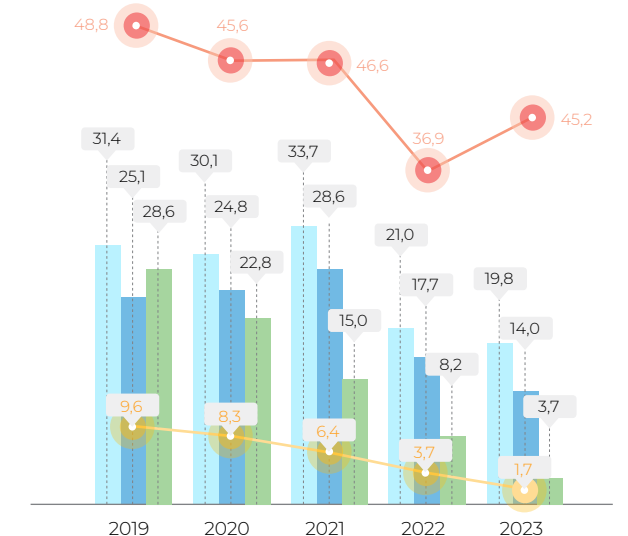
Cơ cấu nguồn vốn (Tỷ đồng)

- Nợ phải trả
- Vốn chủ sở hữu



Chỉ tiêu Khả năng sinh lời (%)

- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ DTT
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROEA)
- Hệ số lợi nhuận gộp
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROAA)



Giải thưởng tiêu biểu



VINH DỰ NHẬN
**HUÂN
CHƯƠNG
LAO ĐỘNG
HẠNG I**
do Chủ tịch nước trao tặng

TOP 10
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỐT NHẤT MID CAP
Giải thưởng Doanh nghiệp Niêm yết
Việt Nam năm 2020 và 2022

DOANH NGHIỆP
NIÊM YẾT ĐẠT CHUẨN
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG
CHỨNG KHOÁN
NĂM 2022-2023
IR Awards 2022-2023

TOP 10
SAO VÀNG ĐẤT VIỆT
NĂM 2021
Hội Doanh nhân trẻ
Việt Nam trao tặng

GIẢI THƯỞNG
DOANH NGHIỆP
TIÊU BIỂU VIỆT NAM –
ASEAN +3
NĂM 2020
Enterprise Asia tổ chức

GIẢI THƯỞNG
KINH DOANH
XUẤT SẮC CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG
NĂM 2021 VÀ 2022
Enterprise Asia tổ chức

TOP 100
SAO VÀNG ĐẤT VIỆT
NĂM 2018
Hội Doanh nhân trẻ
Việt Nam trao tặng

TOP 200
DOANH NGHIỆP KINH
DOANH HIỆU QUẢ
CỦA CHÂU Á 9.
LẦN THỨ 3
do Forbes bình chọn

GIẢI THƯỞNG
RỒNG VÀNG 2018
& THƯƠNG HIỆU
MẠNH VIỆT NAM
NĂM 2017 – 2018
Do Thời báo Kinh tế
Việt Nam bình chọn

TOP 50
CÔNG TY KINH
DOANH HIỆU QUẢ
NHẤT VIỆT NAM
NĂM 2022
Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư và
CTCK Thiên Việt tổ chức

ĐƯỢC VINH DANH
DOANH NGHIỆP
VẬT LIỆU XÂY DỰNG
BMF NĂM 2018
Do Diễn đàn Doanh nghiệp
Vật liệu Xây dựng bình chọn



01

TỔNG QUAN VỀ
BIMICO

- 14 Thông tin chung
- 16 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 18 Hành trình phát triển
- 20 Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh
- 22 Đối tác và Khách hàng tiêu biểu
- 24 Sản phẩm và Dịch vụ chính
- 26 Nhà máy, Xí nghiệp và Công ty trực thuộc

Thông tin chung

THÔNG TIN CÔNG TY

Tên giao dịch
**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG
BÌNH DƯƠNG**

Tên tiếng Anh
**BINH DUONG MINERAL AND CONSTRUCTION
JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt
BIMICO

Trụ sở chính
Số 8 Nguyễn Thị Minh Khai, Tổ 9, Khu phố Hòa Lân 1,
P. Thuận Giao, TP. Thuận An, Bình Dương.

Đăng ký kinh doanh
Giấy CNĐKDN do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương
cấp lần đầu ngày 27/4/2006, cấp thay đổi lần thứ 24 ngày
16/02/2023.

Kiểm toán độc lập
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.



THÔNG TIN NIÊM YẾT

Mã cổ phiếu
KSB

Địa chỉ niêm yết
Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM - HOSE

Vốn điều lệ
766,31 tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu
1.997,7 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2023)

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Điện thoại
(0274) 3822 602

Fax
(0274) 3823 922

Email
info@bimico.com.vn

Website
www.bimico.com.vn

Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi



Tầm nhìn

Đến năm 2025 trở thành nhà cung cấp hàng đầu Đông Nam Bộ và Khu vực phía Nam về sản phẩm vật liệu xây dựng, đặc biệt là đá xây dựng chất lượng cao.

Sứ mệnh



Luôn luôn sáng tạo, mở rộng nguồn tài nguyên và quy mô hoạt động, áp dụng công nghệ tiên tiến, tiêu chuẩn hóa các sản phẩm và dịch vụ. Trở thành Đối tác tin cậy của các nhà thầu xây dựng, tham gia vào các công trình trọng điểm của đất nước tại Đông Nam Bộ, TP.HCM và các vùng lân cận.

Giá trị cốt lõi



- Đoàn kết
- Năng động
- Sáng tạo
- Phát triển bền vững

Lịch sử Hình thành và Phát triển

DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU TRONG LĨNH VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN LÂM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

- » Từ ngày 24 đến ngày 26/02/2016, SCIC đã bán toàn bộ số cổ phiếu đang nắm giữ tại Công ty, KSB trở thành doanh nghiệp ngoài nhà nước. Cổ phần được nắm bởi các công ty, các quỹ, nhân viên nội bộ và các Cổ đông.
- » KSB chứng minh được doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

2016

ĐÓN NHẬN HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG II LẦN 2- THÀNH LẬP CÔNG TY PHÁT TRIỂN KCN

- » Công ty phát hành thêm 23.400.000 cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, tăng vốn điều lệ lên 468 tỷ đồng; Kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Công ty, đón nhận Huân chương Lao động hạng II lần 2; Bắt đầu sản xuất đá ly tâm VSI và cát nhân tạo thay thế cát tự nhiên; Tham gia cung cấp vật liệu xây dựng cho tòa nhà cao nhất Việt Nam Landmark 81.
- » Thành lập Công ty TNHH MTV Phát triển công nghiệp KSB với vốn điều lệ lên đến 300 tỷ đồng, đầu tư chiến lược vào hệ sinh thái Khu công nghiệp.

2017

THÀNH LẬP CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ KSB

- » Thành lập Công ty TNHH Đầu tư KSB, mở rộng hoạt động mảng BĐS khu công nghiệp. KSB còn thành lập Công ty TNHH Cao lanh Minh Long KSB, mở rộng hoạt động khai thác, chế biến cao lanh

2019

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC - PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ESOP

- » Phát hành Cổ phiếu để trả cổ tức và Phát hành cổ phiếu ESOP ưu đãi cho người lao động, vốn điều lệ tăng lên hơn 537,80 tỷ đồng.

2018

KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ HÀNG ĐẦU

- » Doanh thu thuần đạt 1.322,5 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 327,8 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu đạt gần 1.584 tỷ đồng.
- » Được trao tặng Giải thưởng Top 10 Báo cáo Thường niên Tốt nhất Mid Cap – Giải thưởng Doanh nghiệp Niềm yết Việt Nam năm 2020 và Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam – ASEAN +3.

2020

VƯỢT QUA THÁCH THỨC

- » Mặc dù bị ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 khiến thị trường bất động sản và xây dựng bị đình trệ. Tuy nhiên, với bản lĩnh vững vàng và các giải pháp linh hoạt, tập thể KSB đã vượt qua thách thức và gặt hái kết quả kinh doanh khá tích cực so với thị trường, với doanh thu đạt 884,27 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế ghi nhận 252,81 tỷ đồng, tương đương với 90,3% kế hoạch.

2021

THÀNH TÍCH ĐÁNG KHÍCH LỆ

- » Doanh thu thuần năm 2022 đạt mức 859,1 tỷ đồng, chỉ giảm nhẹ 2,8% so với năm trước.
- » Lợi nhuận trước thuế 184,1 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế ghi nhận 152,1 tỷ đồng.
- » Đạt giải thưởng doanh nghiệp xuất sắc châu Á - Thái Bình Dương.
- » Top 10 Sao vàng Đất Việt.

2022

MỎ ĐÁ TAM LẬP 3 ĐƯỢC CHẤP THUẬN ĐẦU TƯ

- » Năm qua, vượt qua nhiều thách thức, KSB ghi nhận doanh thu hoạt động SXKD đạt 528,62 tỷ đồng, Lợi nhuận trước thuế đạt 105,28 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế ở mức 73,77 tỷ đồng.
- » Cuối năm 2023, KSB đã được UBND tỉnh Bình Dương chấp thuận chủ trương đầu tư đối với Mỏ đá xây dựng lộ thiên Tam Lập 3, mở ra cơ hội tăng trưởng tiềm năng trong thời gian tới.

2023

1993

THÀNH LẬP CÔNG TY

- » KSB được thành lập ngày 13/01/1993 theo Quyết định số 62/QĐ-UB của UBND tỉnh Sông Bé nay là tỉnh Bình Dương, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước.

1997

ĐỔI TÊN CÔNG TY

- » Khi tỉnh Sông Bé được chia tách thành hai tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước, Công ty Khai thác và Xuất khẩu Khoáng sản tỉnh Sông Bé được đổi tên thành Công ty Khai thác và Xuất khẩu Khoáng sản tỉnh Bình Dương, theo quyết định số 568/QĐ-UB ngày 01/03/1997 của UBND tỉnh Bình Dương.

2000

ĐỔI TÊN CÔNG TY

- » Công ty Khai thác và Xuất khẩu Khoáng sản tỉnh Bình Dương đổi tên thành Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương, theo Quyết định số 179/2000/QĐ-UB ngày 29/12/2000 của UBND tỉnh Bình Dương và đây cũng là tên gọi chính thức của Công ty cho đến nay.

2006

CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY

- » Tháng 05/2006, Công ty được cổ phần hóa với vốn điều lệ là 70 tỷ đồng, trong đó Cổ đông Nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ.

2007

TRỞ THÀNH CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

- » Công ty chính thức được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký Công ty đại chúng.

2010

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ - NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

- » Tháng 1/2010, Công ty tăng vốn điều lệ lần thứ nhất lên 107 tỷ đồng và niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) với mã chứng khoán KSB, vốn nhà nước 50,5%.

2012

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

- » Ngày 9/3/2012, Công ty tăng vốn điều lệ lần hai lên 180 tỷ đồng, vốn nhà nước 50,5%.

2015

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

- » Tháng 7/2015, Công ty phát hành thêm 5.400.000 cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, tăng vốn điều lệ lên 234 tỷ đồng, vốn nhà nước (SCIC) 50,05%.

Lĩnh vực và địa bàn sản xuất kinh doanh

01 LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH

1. Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản
2. Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng
3. Sản xuất các cấu kiện bê tông đúc sẵn
4. Xử lý môi trường (Khu xử lý nước thải tại KSB IDC)
5. Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp



02 ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chủ yếu tập trung tại các tỉnh **Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai và Thanh Hoá**. Tại Bình Dương, hoạt động sản xuất kinh doanh tại **Thành phố Thuận An** và các huyện **Bắc Tân Uyên, Phú Giáo**,...

Công ty đã tiến hành đầu tư một số mỏ mới, mở rộng địa bàn sản xuất kinh doanh tại Đồng Nai và Thanh Hóa.

Khách hàng và Đối tác tiêu biểu



Sản phẩm và dịch vụ chính



01 VẬT LIỆU XÂY DỰNG

KSB chủ trương phát triển những sản phẩm xây dựng mang tính cải tiến để đáp ứng nhu cầu của các dự án khác nhau từ dự án cao ốc đến cơ sở hạ tầng và thân thiện hơn với môi trường. Các sản phẩm đá xây dựng của KSB hiện được đánh giá cao về chất lượng và đạt tiêu chuẩn ngành, đặc biệt là sản phẩm đá ly tâm. Ngoài ra, các sản phẩm cốt bê tông của KSB cũng được đánh giá cao nhờ công nghệ tiên tiến, hiện đại.



02 KAOLIN

KSB sở hữu mỏ Kaolin với trữ lượng lớn, Công ty hiện đang khai thác và chế biến các loại cao lanh lọc và cao lanh bột phục vụ cho các ngành công nghiệp như: Gốm sứ, ceramic, sơn, nhựa, chế biến cao su và chất độn cho các nhà máy sản xuất phân bón, thức ăn gia súc. Đây cũng là một trong những sản phẩm được đánh giá có chất lượng cao của KSB.



03 PHÁT TRIỂN BDS KHU CÔNG NGHIỆP

Dựa trên lợi thế sẵn có là khai thác, chế biến khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng, KSB đầu tư vào bất động sản công nghiệp và dịch vụ bất động sản nhằm đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa.

Năm 2023 với những biến động, thăng trầm nằm ngoài tất cả các kịch bản mà chúng ta có thể hình dung. Nhưng bằng sức mạnh đoàn kết, niềm tin vững chắc, đội ngũ KSB đã cùng nhau tạo nên vị thế vững mạnh trên thị trường ngành VLXD Việt Nam, được đánh giá bởi chính Đối tác, Khách hàng.

Đơn vị thành viên



XÍ NGHIỆP ĐƠN VI TRỰC THUỘC

01 XÍ NGHIỆP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ PHƯỚC VĨNH

- » **Địa chỉ:** Khu phố 3, Thị trấn Phước Vĩnh, Huyện Phú Giáo, Bình Dương.
- » **Diện tích:** 30 ha.
- » **Trữ lượng:** 6 triệu m³/năm.
- » **Công suất:** 1.2 triệu m³/năm.
- » Sản phẩm đa dạng: 1x2, 0x4, 4x6, mi bụi, mi sàng, đá học.
- » **Khai thác mỏ lộ thiên:** Bằng công nghệ tiên tiến, hệ thống nghiền sàng 150 - 350 tấn/h.
- » **Hệ thống quản lý chất lượng:** ISO 9001:2015.

02 XÍ NGHIỆP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ TÂN MỸ

- » **Địa chỉ:** Ấp 1, Xã Tân Mỹ, Huyện Bắc Tân Uyên, Bình Dương.
- » **Diện tích khai thác:** 41 ha.
- » **Trữ lượng:** 22 triệu m³ (nguyên khối), tương đương 32 triệu m³ nở rời.
- » **Công suất:** 1.5 triệu m³/năm, tương đương 2,2 triệu m³ (nở rời)/năm.
- » **Khai thác mỏ lộ thiên:** Bằng công nghệ tiên tiến, hệ thống nghiền sàng 150 - 250 tấn/h, đường vận tải và hệ thống cảng sông độc lập thuận lợi cho việc vận chuyển thủy và bộ.
- » **Hệ thống quản lý chất lượng:** ISO 9001:2015.

03 XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT BÊ TÔNG

- » **Địa chỉ:** N4-D3, Khu Công nghiệp KSB, Xã Đất Cước, Huyện Bắc Tân Uyên, Bình Dương.
- » **Công nghệ:** Công nghệ quay ly tâm, công nghệ rung lõi của CHLB Đức.
- » **Công suất:** 60.000 m³/năm.
- » Xí nghiệp sản xuất bê tông sản xuất các loại cống tròn, cống hộp và các cấu kiện bê tông đúc sẵn với nhiều loại kích thước khác nhau. Đội ngũ công nhân lành nghề, cung cấp các dịch vụ vận chuyển, cấu rập cống theo yêu cầu của Khách hàng.
- » **Hệ thống quản lý chất lượng:** ISO 9001:2015.

04 XÍ NGHIỆP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN CAO LẠNH TÂN THÀNH

- » **Địa chỉ 1:** Ấp Suối Sâu, Xã Đất Cước, Huyện Bắc Tân Uyên, Bình Dương.
- » **Địa chỉ 2:** Ấp 1, Xã Tân Lập, Huyện Bắc Tân Uyên, Bình Dương.
- » **Hệ thống quản lý chất lượng:** ISO 9001:2015.

05 XÍ NGHIỆP KHAI THÁC SÉT GẠCH NGÓI PHƯỚC HÒA

- » **Địa chỉ 1:** Ấp Bó Lá, Xã Phước Hòa, Huyện Phú Giáo, Bình Dương.
- » **Diện tích khai thác:** 11,717 ha.
- » **Trữ lượng:** 1,5 triệu m³/năm. 32 triệu m³ nở rời.
- » **Công suất:** 250.000 m³ năm (đất sét nguyên khối), tương đương với 325.000 m³/ năm (đất sét rời).
- » **Khai thác mỏ lộ thiên:** Bằng cách sử dụng máy xúc thủy lực để xúc bốc trực tiếp lên phương tiện vận chuyển.
- » **Hệ thống quản lý chất lượng:** ISO 9001:2015.

CÔNG TY CON - CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP KSB (KSB IDC)

- » **Địa chỉ:** Xã Đất Cước, Huyện Bắc Tân Uyên, Bình Dương.
- » Khu Công nghiệp KSB nằm trong tổng thể khu vực phát triển kinh tế - đô thị của tỉnh Bình Dương. Với địa thế đẹp, giao thông thuận lợi, hạ tầng hoàn chỉnh, là nơi lý tưởng sẽ mang đến sự thành công cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.
- » **Hệ thống quản lý chất lượng:** ISO 9001:2015.

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ KSB

- » **Địa chỉ:** Số 8 Nguyễn Thị Minh Khai, Tổ 9, Khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ VẬN TẢI KHAI KHOÁNG THĂNG LONG

- » **Địa chỉ:** Ấp Ông Hường, Đường Tân Hiền, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai.
- » **Diện tích khai thác:** 5,7 ha.
- » **Trữ lượng:** 5,3 triệu m³ nguyên khối, tương đương 7,8 triệu m³ nở rời.

CÔNG TY TNHH CAO LẠNH MINH LONG KSB

- » **Địa chỉ:** Khu phố 1, Phường Minh Long, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
- » **Diện tích khai thác:** 64 ha.
- » **Trữ lượng:** 12 tấn cao lanh.
- » **Công suất:** 450.000 tấn/năm.
- » Mỏ Cao Lanh Minh Long là nơi cung cấp nguồn nguyên liệu Cao Lanh chất lượng, ổn định và lâu dài đến năm 2038 cho các nhà máy Ceramic và nhà máy phân bón trong khu vực miền Nam.
- » **Hệ thống quản lý chất lượng:** ISO 9001:2015.

CTCP PHÚ NAM SƠN, THANH HOÁ (VỐN KSB 51%)

- » **Địa chỉ:** Thôn Tân Phúc, Xã Tân Trường, Huyện Tĩnh Gia, Thanh Hoá.
- » **Hệ thống quản lý chất lượng:** ISO 9001:2015.

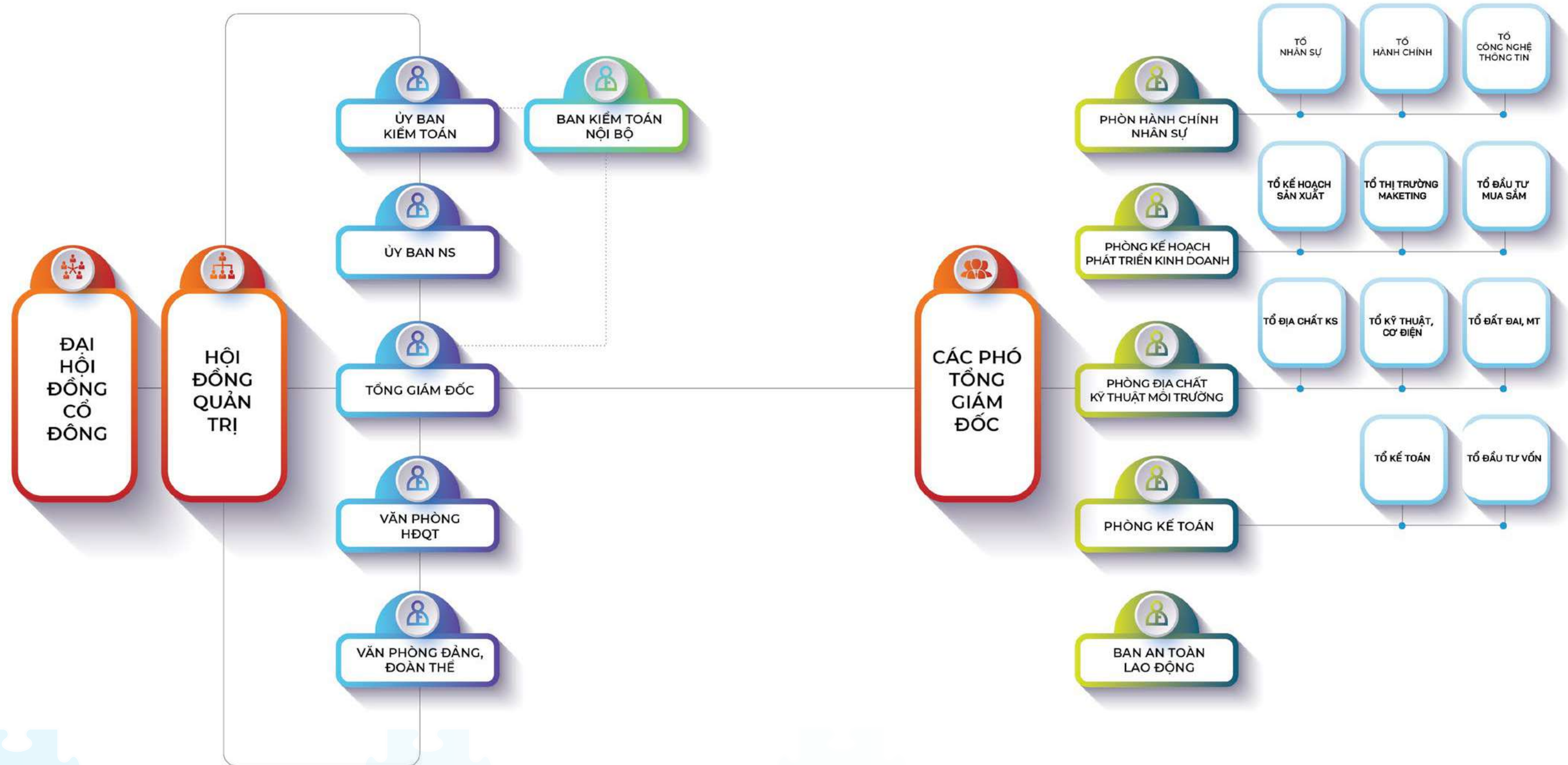
02

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 30 Sơ đồ tổ chức và cơ cấu quản lý
- 32 Mô hình hoạt động của Công ty
- 34 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 37 Giới thiệu Ủy ban Kiểm toán
- 38 Giới thiệu Ban Điều hành
- 40 Báo cáo của HĐQT về Quản trị Công ty và Hoạt động SXKD
- 48 Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- 52 Triển vọng kinh tế vĩ mô và Định hướng chiến lược
- 60 Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán
- 63 Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập HĐQT
- 64 Thông tin Cổ đông và Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư
- 68 Quản trị rủi ro
- 71 Giao dịch của Công ty, Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và người có liên quan

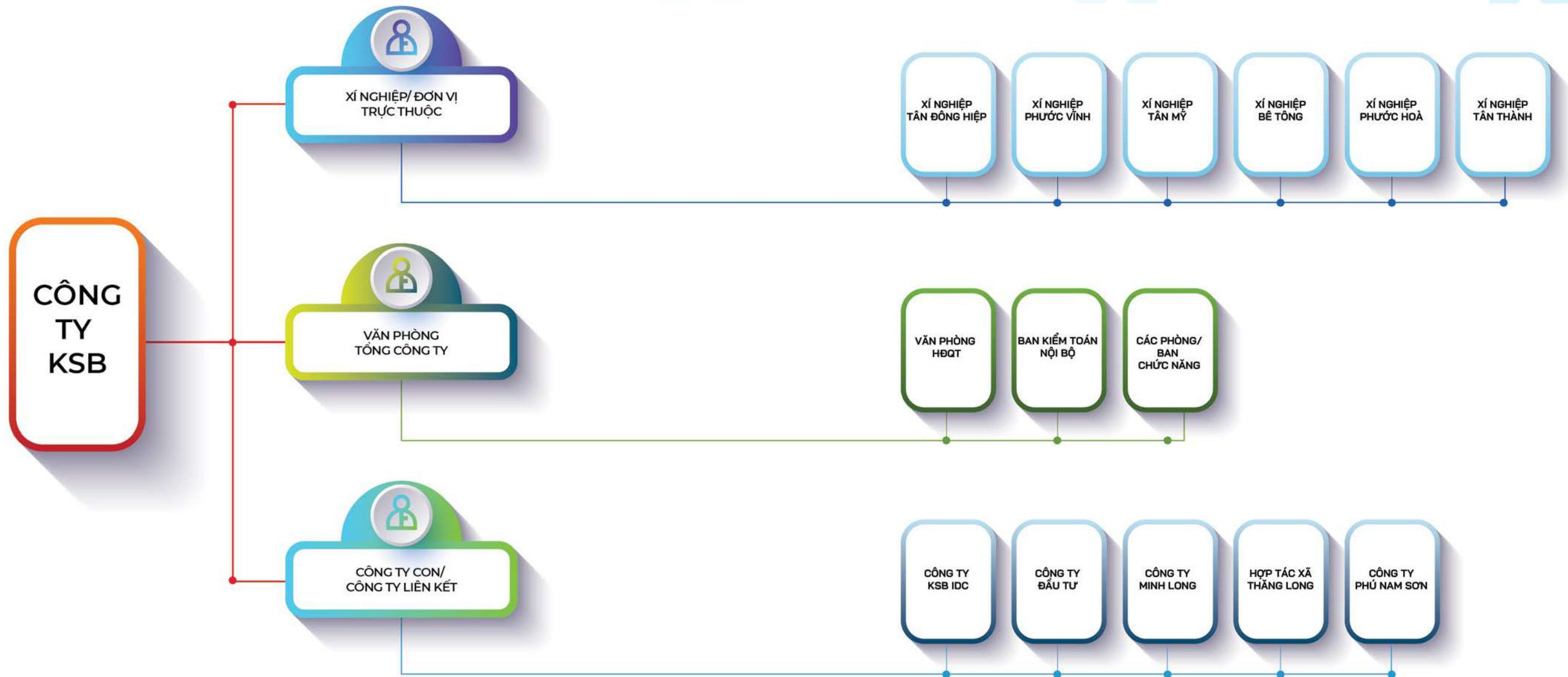


Sơ đồ tổ chức và cơ cấu quản lý



———— Báo cáo trực tiếp
..... Báo cáo theo chức năng được quy định

Mô hình hoạt động của Công ty



Stt	Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	% sở hữu	Hoạt động chính
I Công ty con				
1	Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB	Bình Dương	100%	Phát triển khu công nghiệp
2	Hợp tác xã dịch vụ Vận tải - Khai khoáng Thăng Long	Đông Nai	100%	Khai thác khoáng sản
3	Công ty TNHH Đầu tư KSB	Bình Dương	100%	Quản lý vốn đầu tư
3	Công ty TNHH Cao Lanh Minh Long KSB	Bình Phước	100%	Khai thác, chế biến khoáng sản
II Công ty liên kết				
1	Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Thanh Hóa	51%	Khai thác khoáng sản

Giới thiệu Hội đồng quản trị



Ông **PHAN TẤN ĐẠT**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- » Ông Phan Tấn Đạt từng đảm nhiệm những vị trí then chốt tại các ngân hàng, doanh nghiệp lớn.
- » Giai đoạn năm 2009-2014, Ông giữ chức vụ Phó Giám đốc Đầu tư Tài chính tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank).
- » Từ năm 2016 đến tháng 8 năm 2020, Ông là Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (KSB).
- » Từ tháng 08/2020 đến nay, ông Phan Tấn Đạt giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty.
- » Ngoài ra, Ông còn giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP DRH Holdings.



Ông **TRẦN ĐÌNH HÀ**
Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- » Ông Trần Đình Hà bắt đầu tham gia công tác quản lý, điều hành tại KSB từ năm 2000 và từng giữ các vị trí quản lý cấp cao ở nhiều đơn vị trực thuộc Công ty.
- » Năm 2013, Ông là Phó Tổng Giám đốc CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương và trực tiếp quản lý 04 đơn vị trực thuộc KSB.
- » Từ tháng 8 năm 2020 đến nay, Ông Trần Đình Hà được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc Công ty.



Ông **TÔN THẮT DIÊN KHOA**
Thành viên Độc lập Hội đồng quản trị

- » Ông Tôn Thất Diên Khoa là người có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý tại doanh nghiệp, am hiểu sâu rộng trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
- » Từ tháng 08/1995 đến tháng 06/2006, Ông đảm nhiệm nhiều chức vụ tại Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank).
- » Hiện ông Tôn Thất Diên Khoa là Giám đốc Đầu tư Tài chính - Ngân hàng Eximbank Chi nhánh TP.HCM và là thành viên thành viên độc lập Hội đồng Quản trị CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (KSB) và là thành viên Ủy ban kiểm toán.



Ông **HOÀNG NGUYỄN BÌNH**
Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

- » Ông Hoàng Nguyên Bình đã tốt nghiệp Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh và đảm nhiệm các vai trò quan trọng tại các Công ty hoạt động về lĩnh vực Chứng khoán, Tài chính.
- » Ông từng đảm nhận chức vụ Kế toán Trưởng tại Công ty Cổ phần Môi giới Thương Mại Châu Á; Phụ trách Tư vấn Tài chính doanh nghiệp khu vực phía Nam Công ty TNHH Chứng Khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TP.HCM.
- » Từ năm 2019, Ông là Thành viên độc lập Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.



Ông **TRẦN HOÀNG ANH**
Thành viên Hội đồng Quản trị

- » Ông Trần Hoàng Anh tốt nghiệp cử nhân Kế toán – Kiểm toán của trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh và thạc sĩ Kế toán - Tài chính của trường Swinburne University of Technology và có hàng loạt các chứng chỉ có uy tín về Kế toán - Tài chính.
- » Ông có thâm niên gần 20 năm công tác trong lĩnh vực kế toán - tài chính, giữ những chức vụ quan trọng tại những tổ chức lớn như Phó phòng kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C và Trưởng ban Tài chính ngành đường của Tập đoàn TTC.
- » Tại ĐHCĐ thường niên năm 2022, Ông Trần Hoàng Anh được bầu vào Hội đồng Quản trị Công ty, nhiệm kỳ 2022 – 2026.

Giới thiệu Hội đồng quản trị



Ông **LÊ HOÀI NAM**
Thành viên Hội đồng Quản trị

- » Ông Lê Hoài Nam gia nhập KSB từ tháng 08/2017 với vai trò là Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB.
- » Ngày 06/01/2021 Hội đồng Quản trị KSB quyết định bổ nhiệm Ông Lê Hoài Nam giữ chức vụ Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB.
- » Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, Ông Lê Hoài Nam được bầu vào Hội đồng Quản trị Công ty, nhiệm kỳ 2022 – 2026.



Ông **NGUYỄN VĂN ĐÔNG**
Phụ trách Quản trị Công ty

- » Ông Nguyễn Văn Đông tốt nghiệp Thạc Sĩ Luật, đã tham gia công tác tại KSB từ năm 2010.
- » Từ năm 2013 được bổ nhiệm Phó phòng Tổ chức Hành chính, đến năm 2019 được bổ nhiệm Trưởng phòng Tổ chức Hành chính.
- » Đồng thời từ năm 2019 đến nay Ông Nguyễn Văn Đông được bổ nhiệm là Người Phụ trách Quản trị Công ty.

THAY ĐỔI NHÂN SỰ TRONG NĂM:

- » Ông Nguyễn Quốc Phòng không còn đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kể từ ngày 09/6/2023.

Giới thiệu Ủy ban Kiểm toán



Ông **HOÀNG NGUYỄN BÌNH**
Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

Xem thông tin giới thiệu Hội đồng Quản trị.



Ông **TÔN THẮT DIÊN KHOA**
Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
kiêm thành viên Ủy ban kiểm toán

Xem thông tin giới thiệu Hội đồng Quản trị.

Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc



Ông **TRẦN ĐÌNH HÀ**
Thành viên Hội đồng Quản trị
khiêm Tổng Giám đốc

Xem thông tin giới thiệu
Hội đồng Quản trị.



Ông **NGUYỄN HOÀNG SƠN**
Phó Tổng Giám đốc

- » Ông Nguyễn Hoàng Sơn tốt nghiệp Đại học Mở- Địa chất chuyên ngành chế biến khoáng sản; Thạc sỹ Tài chính-Ngân hàng tại Đại học Khoa học Ứng dụng Tây Bắc Thụy Sĩ – FNHW.
- » Ông đã từng làm trưởng Ban quản lý dự án Titan Pigment, trợ lý Hội đồng Quản trị tại Tổng Công ty KS và Thương mại Hà Tĩnh. Từ năm 2010-2016, Ông giữ vị trí Tổng Giám đốc Công ty TNHH Công nghiệp nặng FPT.
- » Từ tháng 11/2016 đến nay, Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (KSB), phụ trách quản lý điều hành Công ty cổ phần Phú Nam Sơn.



Ông **NGUYỄN HOÀNG TÂM**
Kế toán trưởng

- » Ông Nguyễn Hoàng Tâm có nhiều năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực Tài chính Kế toán. Ông tham gia công tác và được bổ nhiệm chức vụ Phó trưởng phòng Kế toán KSB từ năm 2003.
- » Từ ngày 01/02/2019 đến nay, ông Nguyễn Hoàng Tâm chính thức đảm nhiệm vai trò Kế toán trưởng của KSB.

THAY ĐỔI NHÂN SỰ TRONG NĂM:

- » Ông Đặng Quang Trung không còn đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 31/3/2023.
- » Ông Nguyễn Quốc Phòng không còn đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 18/5/2023.
- » Ông Lê Hoài Nam, Ông Lê Đình Vũ Long và Ông Nguyễn Đình Đông được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 19/02/2024.

Báo cáo của HĐQT về Quản trị Công ty và Hoạt động sản xuất kinh doanh

HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Năm 2023, KSB đã triệu tập một phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên vào ngày 09/06/2023. ĐHĐCĐ đã ban hành Nghị quyết 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ nhằm thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD 2022 và kế hoạch năm 2023.

Đồng thời, ĐHĐCĐ cũng đã thông qua các tờ trình liên quan đến nhiều vấn đề quan trọng của Công ty như: phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, việc chào bán cổ phiếu ra công chúng, sửa đổi Quy chế nội bộ về QTCT....

CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KSB đã kịp thời đưa ra các ý kiến và giải pháp một cách khách quan, đảm bảo hoạt động HĐQT cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả

Trong năm qua, HĐQT có biến động nhân sự khi Ông Nguyễn Quốc Phòng không còn đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kể từ ngày 09/6/2023.

ĐHĐCĐ thường niên 2023 đã thông qua việc từ nhiệm này đồng thời chấp thuận Tờ trình giảm số lượng thành viên HĐQT xuống còn 06 người, trong đó có hai thành viên độc lập chiếm tỷ lệ hơn 33%. Các thành viên độc lập này cũng như các thành viên còn lại đều là những chuyên gia có kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, tài chính, đầu tư, kinh doanh. Điều này đã giúp Công ty kịp thời đưa ra các ý kiến

và giải pháp một cách khách quan, đảm bảo hoạt động HĐQT cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, vì lợi ích của Cổ đông và các bên liên quan.

KSB đã thực hiện tách bạch chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc từ năm 2020, nhằm thực hiện Quản trị Công ty minh bạch, hiệu quả, theo thông lệ tốt về Quản trị Công ty. Cụ thể, ông Phan Tấn Đạt chỉ còn giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, trong khi đó ông Trần Đình Hà đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc tham gia HĐQT với tư cách là một thành viên điều hành.

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT		Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm			
1	Phan Tấn Đạt	Chủ tịch HĐQT	31/05/2022		20/20	100%	
2	Nguyễn Quốc Phòng	TV HĐQT	27/05/2022	09/06/2023	09/20	45%	Miễn nhiệm ngày 09/06/2023
3	Trần Đình Hà	TV HĐQT	27/05/2022		20/20	100%	
4	Tôn Thất Diên Khoa	TV HĐQTĐL	27/05/2022		20/20	100%	
5	Hoàng Nguyên Bình	TV HĐQTĐL	27/05/2022		20/20	100%	
6	Lê Hoài Nam	TV HĐQT	27/05/2022		20/20	100%	
7	Trần Hoàng Anh	TV HĐQT	27/05/2022		20/20	100%	

Báo cáo của HĐQT về Quản trị Công ty và Hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong một năm có bối cảnh vĩ mô biến động cực kỳ phức tạp, thị trường bất động sản và vật liệu xây dựng chưa có dấu hiệu phục hồi, khả năng hấp thụ tín dụng yếu... HĐQT đã tăng cường các cuộc họp để nhận định tình hình, đưa ra các định hướng phù hợp, linh hoạt, kịp thời để Công ty vượt qua khó khăn, thách thức. HĐQT đặt ra các mục tiêu hàng tháng, quý, đồng thời thường xuyên giám sát, hỗ trợ Ban Điều hành trong quá trình triển khai các quyết sách trên thực tế.

HĐQT đã tổ chức 20 cuộc họp để thảo luận nhiều vấn đề thường nhật cũng như phát sinh đột xuất, bên cạnh các hoạt động trao đổi, thảo luận trực tiếp và qua email với Ban điều hành. HĐQT đã thảo luận và tư vấn nhiều vấn đề của Công ty một cách dân chủ, minh bạch, khoa học, đồng thời đưa ra các giải pháp để đảm bảo lợi ích cao nhất cho Cổ đông và các bên liên quan.

Nội dung cụ thể của các cuộc họp HĐQT trong năm 2023 như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
I NGHỊ QUYẾT				
1	01/2023/NQ-HĐQT	09/01/2023	Thông qua chủ trương ký kết và thực hiện hợp đồng/giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan	100%
2	02/2023/NQ-HĐQT	07/04/2023	Gia hạn tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2023	100%
3	03A/2023/NQ-HĐQT	12/04/2023	Vay vốn tại ngân hàng Vietcombank	100%
4	03/2023/NQ-HĐQT	20/04/2023	Cấp tín dụng tại ngân hàng Vietbank	100%
5	04/2023/NQ-HĐQT	18/05/2023	Dự thảo tài liệu ĐHCĐ thường niên năm 2023	100%
6	05/2023/NQ-HĐQT	19/05/2023	Thông qua tài liệu ĐHCĐ thường niên năm 2023	100%
7	06/2023/NQ-HĐQT	31/05/2023	Triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng	100%
8	07/2023/NQ-HĐQT	31/05/2023	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng	100%
9	08/2023/NQ-HĐQT	08/06/2023	Sửa đổi tài liệu ĐHCĐ thường niên năm 2023	100%
10	09/2023/NQ-HĐQT	21/06/2023	Vay vốn tại ngân hàng Indovina	100%
11	10/2023/NQ-HĐQT	29/06/2023	Chọn đơn vị kiểm toán năm 2023	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
12	11/2023/NQ-HĐQT	9/8/2023	Điều chỉnh bổ sung NQ 06/2023/NQ-HĐQT về phát hành ra công chúng	100%
13	12/2023/NQ-HĐQT	9/8/2023	Thông qua hồ sơ chào bán lần 2	100%
14	12A/2023/NQ-HĐQT	27/8/2023	Nhận ủy quyền toàn quyền sd đất và tài sản	100%
15	13/2023/NQ-HĐQT	30/8/2023	Về việc điều chỉnh phương thức bảo lãnh phát hành	100%
16	14/2023/NQ-HĐQT	30/8/2023	Về việc cấp tín dụng Vietbank	100%
17	15/2023/NQ-HĐQT	30/8/2023	Về việc cấp tín dụng Vietbank	100%
18	16/2023/NQ-HĐQT	6/10/2023	Về việc cấp tín dụng Vietbank	100%
19	17/2023/NQ-HĐQT	10/10/2023	Về việc đăng ký giao dịch trái phiếu	100%
20	18/2023/NQ-HĐQT	13/12/2023	Về việc chấm dứt dự án nhà máy bê tông	100%
II QUYẾT ĐỊNH				
1	04/2023/QĐ-HĐQT	31/03/2023	Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc của ông Đặng Quang Thung	100%
2	09/2023/QĐ-HĐQT	19/05/2023	Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc của ông Nguyễn Quốc Phòng	100%



Báo cáo của HĐQT về Quản trị Công ty và Hoạt động sản xuất kinh doanh

CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ

01 Ngay sau khi ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua các nội dung tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/6/2023, HĐQT đã tổ chức triển khai thực hiện trên thực tế đảm bảo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và các quy chế nội bộ Công ty, cụ thể hoá bằng các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT giao Ban điều hành triển khai đúng tiến độ đã đề ra.

02 HĐQT thường xuyên trao đổi, giám sát hoạt động của Ban điều hành, thông qua các báo cáo và tham dự trực tiếp các buổi họp giao ban, sơ, tổng kết định kỳ để đánh giá hiệu quả hoạt động của Ban điều hành, đồng

03 thời có định hướng, chỉ đạo phù hợp theo từng thời điểm trong năm, đảm bảo đạt hiệu quả cao nhất trong hoạt động của Công ty.

Kết quả thực hiện những nội dung được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đã thông qua:

» **Về các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:** mặc dù đã dự báo và chuẩn bị nhiều phương án triển khai thực hiện kế hoạch năm 2023 nhưng những nguyên nhân khách quan đã ảnh hưởng lớn đến quá trình triển khai trên thực tế. Từ tháng 02/2023, Công ty phải tạm dừng hoạt động mỏ đá Phước Vĩnh do hết thời hạn khai thác của Giấy phép, trong khi đó dự án mỏ đá Tam Lập 3 vừa được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp phép khai thác ngày 13/04/2024, đã ảnh hưởng đến kế hoạch bán hàng, công việc của người lao động. Bên cạnh đó, các thủ tục về mặt pháp lý tại Khu công nghiệp, lĩnh vực kinh doanh lớn thứ hai sau lĩnh vực khai thác khoáng sản cũng gặp nhiều trở ngại do sự thay đổi quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng đã làm chậm các hồ sơ pháp lý, ảnh hưởng đến kế hoạch đưa sản phẩm vào kinh doanh. Với những chỉ đạo sâu sát từ HĐQT, sự quản lý linh hoạt từ Ban điều hành và sự phấn đấu nỗ lực không ngừng của tập thể người lao động, Công ty đã đạt được kết quả đáng khích lệ, doanh thu đạt 646,58 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế được ghi nhận mức 73,77 tỷ đồng đạt 43,9% kế hoạch và 48,5% so cùng kỳ

(các số liệu chi tiết được công bố tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023, tại website Công ty: www.bimico.com.vn).

» **Về lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2023:** HĐQT đã thống nhất thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 là Công ty TNHH Earst & Young Việt Nam.

» **Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty,** Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ quản trị công ty đúng trình tự, thủ tục và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

» **Việc phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2023:** HĐQT trình ĐHĐCĐ tại Tờ trình số/2024/KSB/ĐHĐCĐ-TTr.

» **Chủ trương phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ** (Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021; Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động; Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu): sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, bằng nhiều nỗ lực, quyết liệt triển khai hồ sơ phát hành, Công ty đã được UBCK Nhà nước cấp phép phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) đã được thực hiện xong theo đúng trình tự, thủ tục luật định, đảm bảo nguồn vốn thu được sử dụng hiệu quả. Do sự



thay đổi quy định của pháp luật, hồ sơ phát hành liên quan đến nhiều nội dung, tài liệu nên đến thời điểm hiện nay Công ty vẫn chưa thực hiện xong chủ trương phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp mà ĐHĐCĐ 2023 thông qua, với kết quả đó, tại Đại hội này, HĐQT đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc tiếp tục thực hiện các phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 và Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đã thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/5/2022 và Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/6/2023 theo nội dung tại các Tờ trình đính kèm.

Báo cáo của HĐQT về Quản trị Công ty và Hoạt động sản xuất kinh doanh

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2023

- » Cùng cố nhân sự HĐQT đảm bảo thực hiện hiệu quả chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật và các thông lệ quản trị tốt nhất.
- » Đảm bảo cân đối nguồn vốn, sử dụng dòng tiền hợp lý cho các hoạt động SXKD và đầu tư để đạt được hiệu quả cao nhất, không làm tổn hại lợi ích của Cổ đông và các bên liên quan.
- » Không ngừng nghiên cứu triển khai các chiến lược kinh doanh hiệu quả, bám sát thực tiễn thị trường, ngành đồng thời tăng cường các biện pháp quản trị rủi ro trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều bất định.
- » Tiếp tục quản lý và vận hành Công ty theo những thông lệ quản trị tốt nhằm đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và các bên liên quan.
- » Liên tục cập nhật và tìm phương pháp áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng quản lý và hoạt động của Công ty.
- » Các chế độ, chính sách đối với người lao động đã được Công ty thực hiện tốt tạo được niềm tin của người lao động đối với Công ty. Ngoài ra, công tác an sinh xã hội, hỗ trợ các địa phương cũng được thực hiện đầy đủ, tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
- » Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, cũng như các thông tin liên quan đến tình hình quản trị, hoạt động SXKD đều được công bố đúng thời hạn quy định tại trang web Công ty nhằm gia tăng tính minh bạch trong hoạt động của công ty.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- » HĐQT thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc thông qua các báo cáo định kỳ, đột xuất. Tại các cuộc họp của mình, HĐQT đã mời Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các Trưởng phòng ban cùng tham dự. Qua các báo cáo tại cuộc họp, HĐQT kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc, trở ngại trong thực tiễn quản lý, điều hành để điều chỉnh chủ trương phù hợp.
- » Chủ tịch HĐQT duy trì thường xuyên các buổi họp giao ban đầu tháng với Ban Tổng Giám đốc, các Trưởng phòng, ban, đơn vị, từ đó nhanh chóng nắm bắt được tình hình hoạt động của Công ty.
- » Hội đồng quản trị, Chủ tịch HĐQT ghi nhận và đánh giá cao những kết quả đạt được trong quản lý, điều hành của tập thể Ban Tổng giám đốc trong năm qua, bằng ý chí, khát vọng vươn lên, Ban Tổng Giám đốc cùng tập thể người lao động Công ty luôn phấn đấu, nỗ lực thực hiện và đạt được kết quả cao nhất, dù kết quả đó chưa đáp ứng được kỳ vọng của quý cổ đông.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Năm 2023, tiếp tục là một năm có nhiều khó khăn do nền kinh tế chưa thoát khỏi tình trạng suy thoái, hầu hết các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty như xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, tài chính, logistic...đều trong vòng xoáy của sự suy thoái, chưa có dấu hiệu phục hồi. Tình hình xung đột vũ trang ở một số nơi trong khu vực và Thế giới vẫn chưa có hồi kết, dẫn đến tâm lý thận trọng của các nhà đầu tư trong triển khai các dự án cũng như dịch chuyển đầu tư sang Quốc gia khác đã làm ảnh hưởng lớn đến lợi thế về kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp của KSB.

Bên cạnh đó, sự chồng chéo giữa các quy định của pháp luật có liên quan cũng ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch sản xuất kinh doanh ("SXKD") đã được ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua, tiến độ cấp phép mới, cấp phép gia hạn khai thác các mỏ khoáng sản mất nhiều thời gian hơn so với trước đây.

Tuy nhiên, với sự nhạy bén, tích cực bám sát tình hình chung của nền kinh tế trong nước và Thế giới, HĐQT đã kịp thời đề ra nhiều chủ trương, chính sách nhằm thích ứng với từng thời điểm, chu kỳ trong năm, phấn đấu đạt mức cao nhất kế hoạch ĐHĐCĐ thường niên 2023 giao và chúng ta đã đạt được những hiệu quả nhất định, duy trì cơ bản việc làm, thu nhập cho người lao động, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước và cộng đồng xã hội.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024

Dự đoán năm 2024 sẽ còn nhiều khó khăn, trở ngại, nhưng với những tiền đề đã được chuẩn bị kỹ lưỡng, thận trọng, cùng sự phân tích thấu đáo, chắc chắn qua từng giai đoạn, HĐQT tin tưởng hoạt động SXKD năm 2024 sẽ có nhiều khởi sắc.



Với những khó khăn, bất cập từ năm 2023, chắc chắn ít nhiều ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD của năm 2024. HĐQT đã họp và đánh giá tình hình một cách thận trọng, phân tích thấu đáo và đưa ra nhiều kịch bản có thể xảy ra, để có những bước chuẩn bị kỹ lưỡng, chắc chắn nhằm đưa hoạt động của Công ty dần đi vào ổn định và phát triển bền vững, trong năm 2024, HĐQT xác định các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

» Triển khai ngay các nội dung được ĐHĐCĐ thường niên 2024 thông qua.

» Tập trung mọi nguồn lực sớm đưa mỏ đá Tam Lập 3 vào khai thác, cung cấp vật liệu xây dựng cho các công trình trọng điểm của đất nước.

» Tiếp tục bám sát hồ sơ xin gia hạn, xuống sâu mỏ đá Phước Vĩnh, mục tiêu tạo ra cụm mỏ Phước Vĩnh – Tam Lập.

» Triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phương án phát hành riêng lẻ theo các nội dung ĐHĐCĐ 2024 thông qua.

» Rà soát các quy trình, quy phạm nội bộ, áp dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào quản trị, điều hành, đẩy mạnh chuyển đổi số doanh nghiệp.

» Sớm đưa dự án Khu công nghiệp Hoa Lư vào khai thác, hoàn thiện các thủ tục pháp lý nhằm đón đầu làn sóng dịch chuyển đầu tư từ các nước vào Việt Nam.

Đánh giá hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc

Ban Điều hành đã tích cực đề xuất các phương án kế hoạch giúp HĐQT xử lý, tháo gỡ những vướng mắc nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo đời sống cho người lao động, hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.



Năm 2023, những căng thẳng địa chính trị tiếp tục diễn biến phức tạp khắp thế giới. Trong khi cuộc chiến tranh giữa Nga và Ukraine có dấu hiệu kéo dài khi đã bước sang năm thứ ba thì xung đột tại khu vực Trung Đông đã gây biến động mạnh trên thị trường tài chính và giá hàng hóa toàn cầu như năng lượng và lương thực. Điều này khiến triển vọng tăng trưởng và kiểm chế lạm phát trở nên khó lường đối với các nhà hoạch định chính sách.

Ở thị trường trong nước, tiến độ giải ngân vốn đầu tư công vốn được kỳ vọng là lực đẩy phục hồi đã diễn ra khá chậm so với mong đợi. Ngoài ra, biến động trên thị trường trái phiếu và tổng cầu, khả năng hấp thụ tín dụng thấp khiến kinh tế trong nước chưa có tín hiệu khởi sắc. Hoạt động xây dựng và thị trường bất động sản tiếp tục đóng băng đẩy nhiều doanh nghiệp vào tình trạng cạn kiệt dòng tiền, giải thể phá sản, M&A.

Trước bối cảnh đối diện với nhiều khó khăn từ thị trường, đặc biệt là các khó khăn trong việc triển khai, giải ngân vốn đầu tư công và khó khăn của doanh nghiệp bất động sản – hai lĩnh vực có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của KSB. Trong ngắn hạn, biên lợi nhuận của ngành Xây dựng đang chịu nhiều áp lực khi chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao và lượng cung bất động sản trên thị trường nhà ở suy giảm, cũng như tác động lan tỏa từ đầu tư công chưa đạt kỳ vọng.

Tuy nhiên, nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng (đặc biệt là đường cao tốc và sân bay) và bất động sản tại Việt Nam vẫn rất lớn và đang phát triển, Ban Điều hành đã tích cực đề xuất các phương án kế hoạch giúp HĐQT xử lý, tháo gỡ những vướng mắc nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo đời sống cho người lao động, hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

Ban Điều hành đã tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành, và các Nghị quyết của ĐHQĐ cũng như Quyết định của HĐQT trong công tác quản lý và điều hành. Ngoài ra, Ban Điều hành đã đưa ra những giải pháp linh hoạt trong công tác điều hành cũng như hoạt động đầu tư, SXKD, và tích cực đóng góp ý kiến giúp HĐQT có những điều chỉnh kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế, đạt được kết quả kinh doanh đáng khích lệ.



Ban Điều hành đã đưa ra những giải pháp linh hoạt trong công tác điều hành cũng như hoạt động đầu tư, SXKD và tích cực đóng góp ý kiến giúp HĐQT có những điều chỉnh kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế, đạt được kết quả kinh doanh đáng khích lệ.



Công ty luôn duy trì và thực hiện công tác hướng dẫn, kiểm tra, trang cấp các thiết bị an toàn tại các đơn vị. Công tác bảo vệ môi trường luôn được Công ty coi trọng và thường xuyên kiểm tra, yêu cầu các đơn vị thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết. Mặc dù gặp nhiều thách thức trong môi trường kinh doanh, nhưng Công ty luôn đảm bảo công việc ổn định và các chế độ phúc lợi cạnh tranh cho người lao động. Ngoài ra KSB còn tham gia tích cực các chương trình an sinh xã hội, tri ân các thế hệ đi trước, đóng góp vào sự phát triển cộng đồng.

Đánh giá hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Với một tập thể năng động, sáng tạo, bản lĩnh vững vàng, KSB đã quyết liệt thực hiện các giải pháp đồng bộ, linh hoạt để vượt qua khó khăn, thách thức. Năm 2023, KSB ghi nhận doanh thu hoạt động SXKD đạt 528,62 tỷ đồng, Lợi nhuận trước thuế đạt 105,28 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế ở mức 73,77 tỷ đồng. Đây là thành tích đáng khích lệ trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, thể hiện nỗ lực vượt bậc của toàn thể CBNV Công ty và Ban lãnh đạo.

Trong hoàn cảnh khó khăn, KSB đã tiến hành rà soát Đối tác, Khách hàng bị ảnh hưởng để có chính sách hỗ trợ như giảm giá, giãn nợ, chiết khấu... với phương châm chia sẻ khó khăn, đồng hành cùng phát triển bền vững. Nhờ vậy, KSB luôn có một tệp Khách hàng trung thành và gắn bó qua nhiều năm.

Trong thời gian tới, Chính phủ sẽ tiếp tục tập trung đẩy mạnh đầu tư công để phát huy mũi nhọn hồi phục kinh tế, đặc biệt là các công

trình cao tốc và sân bay ở khu vực Đông Nam Bộ. Đây là một lợi thế to lớn cho KSB và công ty sẽ tận dụng triệt để những lợi thế này để phát triển. Cuối năm 2023, KSB đã được UBND tỉnh Bình Dương chấp thuận chủ trương đầu tư đối với Mỏ đá xây dựng lộ thiên Tam Lập 3, mở ra cơ hội tăng trưởng tiềm năng trong thời gian tới. Bên cạnh đó, KSB đang sở hữu nhiều mỏ đã trữ lượng lớn như: mỏ Tân Mỹ, Phước Vĩnh tại Bình Dương, mỏ Thiện Tân 7 tại Đồng Nai... Vị trí các mỏ đá này đều nằm gần các dự án cao tốc và chất lượng sản phẩm tốt. Công ty nhận thấy ngành khai thác vật liệu xây dựng lại tiếp tục được kỳ vọng cao trong thời gian tới nhờ đẩy mạnh đầu tư công, đặc biệt là các công trình cầu đường, xây dựng hạ tầng và thị trường miền Nam phục hồi sau dịch.

Công ty tiếp tục đưa vào quy hoạch xuống sâu mỏ đá Tân Mỹ, gia hạn mỏ Phước Vĩnh, tiếp tục đến bù mở rộng mỏ Thiện Tân 7 tại Đồng Nai để đón đầu các dự án đầu tư công trong thời gian tới. KSB cũng đang là Cổ đông lớn tại CTCP Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa (VLB), doanh nghiệp đang sở hữu nhiều mỏ đá có trữ lượng lớn và tốt nhất khu vực Đông Nam Bộ.

Những nỗ lực không mệt mỏi trong thời gian qua đã giúp KSB củng cố vị thế hàng đầu trong lĩnh vực khai khoáng phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng. Trong năm qua, KSB tự hào được trao tặng nhiều giải thưởng cao quý như: Top 10 Sao vàng Đất Việt, Giải thưởng Kinh doanh xuất sắc Châu Á Thái Bình Dương, Top 10 Báo cáo Thường niên Tốt nhất Mid Cap – Giải thưởng Doanh nghiệp Niềm yết Việt Nam...

Trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh của mình, KSB luôn tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh, môi trường, thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi

trường đã cam kết. Mặc dù hoạt động kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn, Công ty luôn đảm bảo việc làm ổn định, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBNV. Đồng thời luôn hoàn thành trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp thông qua các chương trình an sinh nhiều ý nghĩa.

Ban Điều hành đã phối hợp tích cực cùng HĐQT xử lý, tháo gỡ những vướng mắc nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Triển vọng kinh tế vĩ mô và Định hướng chiến lược

KINH TẾ THẾ GIỚI: Triển vọng kinh tế phục hồi không đồng đều

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 được các tổ chức quốc tế dự báo thấp hơn tốc độ tăng trưởng năm 2022. Cụ thể, EU ước tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 đạt 3,1%; Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2023 đạt 3,0%; Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) nhận định kinh tế toàn cầu năm 2023 tăng trưởng 2,9%...

Đối với năm 2024, các tổ chức lớn có cùng quan điểm về triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu suy giảm. IMF giảm triển vọng tăng trưởng toàn cầu năm 2024 xuống 2,9% và OECD điều chỉnh triển vọng tăng trưởng toàn cầu năm 2024 xuống 2,7%. Triển vọng tăng trưởng năm 2024 tương đối khiêm tốn so với ước tính cho năm 2023, đặc biệt ở các nền kinh tế phát triển. Trong khi triển vọng tăng trưởng của Mỹ, Nhật Bản và Ấn Độ được điều chỉnh tăng hoặc không thay đổi, triển vọng tăng trưởng của khu vực đồng Euro và Trung Quốc được điều chỉnh giảm do 1) khả năng suy thoái kinh tế xảy ra ở một số nền kinh tế lớn trong khu vực đồng Euro và 2) khủng hoảng bất động sản có tác động lâu dài đến hoạt động kinh tế của Trung Quốc.

Kinh tế toàn cầu được dự báo duy trì tăng trưởng trong năm 2024 nhưng với tốc độ chậm hơn do một số trở ngại, bao gồm tác động trễ từ môi trường lãi suất cao (việc cắt giảm lãi suất điều hành sẽ có tác động đáng kể từ cuối năm 2024) khiến tiêu dùng và đầu tư bị thắt chặt, lĩnh vực sản xuất toàn cầu bị ảnh hưởng do sự phân mảnh chuỗi cung ứng và căng thẳng địa chính trị gia tăng tiếp tục tại Nga-Ukraine và khu vực Trung Đông.

VIỆT NAM: Năm 2023 hồi phục chưa như mong đợi. Dự báo tiếp tục chính sách mở rộng trong năm 2024

Số liệu theo Tổng cục Thống kê cho thấy, GDP năm 2023 ước tính tăng 5,05% so với năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2,87% và 2,55% của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%.

Tốc độ tăng trưởng thấp chủ yếu do ảnh hưởng của sự sụt giảm đơn đặt hàng xuất khẩu, nền lãi suất cho vay cao, thị trường trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản trì trệ. Ngành công nghiệp và xây dựng phản ánh rõ nhất những khó khăn của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2023 với tốc độ tăng trưởng cả năm chỉ 3,74%, mức tăng trưởng thấp nhất trong giai đoạn 2011-2023. Chỉ số PMI duy trì dưới ngưỡng 50 điểm trong hầu hết năm 2023, phản ánh tình trạng thiếu đơn hàng sản xuất kéo dài.

Trong khi nguồn vốn đầu tư tư nhân trong nước sụt giảm và giải ngân đầu tư công chưa đạt như kế hoạch, Dòng vốn FDI khởi sắc trong Q4/2023 giúp thu hút vốn FDI đăng ký đạt 36,6 tỷ USD trong năm 2023, tăng trưởng cao nhất trong 5 năm gần đây. Vốn FDI giải ngân đạt mức cao kỷ lục mới là 23,1 tỷ USD.

Hướng đến năm 2024, chính sách tài khóa mở rộng và nền lãi suất trong nước giảm là hai yếu tố chính thúc đẩy sự phục hồi kinh tế của Việt Nam trong nửa cuối năm 2023. Năm 2024, nền kinh tế Việt Nam đã đi qua giai đoạn suy giảm tăng trưởng và dự báo đang bước vào giai đoạn phục hồi.

Triển vọng kinh tế vĩ mô và Định hướng chiến lược

TRIỂN VONG NGÀNH BẮT ĐỘNG SẢN - VẬT LIÊU XÂY DỰNG: Tiếp tục kỳ vọng hoạt động đầu tư công sẽ tạo tác động lan tỏa

01

Quốc hội khóa 15 đã thông qua Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh Bất động sản sửa đổi cũng như Luật Đất đai sửa đổi. Các luật sửa đổi khi đi vào hoạt động sẽ giúp thị trường phát triển theo hướng minh bạch, lành mạnh và bền vững hơn, thông qua việc giải quyết những nút thắt pháp lý tồn đọng, cũng như việc quy định chặt chẽ hơn về các yêu cầu đối với chủ đầu tư và bảo vệ quyền lợi của người mua nhà.

02

Triển vọng ngành bất động sản KCN trong thời gian tới là rất khả quan nhờ tình hình vĩ mô ổn định trở lại cùng việc nâng tầm quan hệ với các cường quốc giúp duy trì đà tăng FDI. Tuy nhiên, thách thức mới sẽ tới từ sự cạnh tranh gia tăng ở các quốc gia khác, rủi ro thiếu điện trong sản xuất cùng thuế thu nhập tối thiểu toàn cầu.

03

Trong kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV vào tháng 12/2023, Chính phủ đã trình kế hoạch dự chi ngân sách cho đầu tư năm 2024. Trong đó, dự toán chi đầu tư phát triển là 677.300 tỷ đồng, tăng 108.000 tỷ đồng so với dự toán năm 2023. Tháng 8/2023, gói thầu 5-10 của dự án Sân bay Long Thành đã chính thức chọn được nhà thầu và tiến hành khởi công ngay trong tháng. Với giá trị hơn 35.000 tỷ đồng, đây là gói thầu lớn nhất và của dự án, đồng thời là động lực quan trọng cho các doanh nghiệp xây lắp trúng thầu.

04

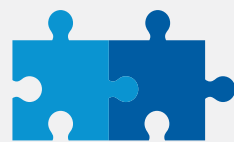
Theo Bộ Giao thông Vận tải, nhu cầu đá xây dựng cho thi công cho dự án sân bay Long Thành, vào khoảng 18 triệu m³ đá xây dựng và có nguy cơ gây khan hiếm cát, đá xây dựng tại khu vực thi công. Đây là cơ hội rất lớn cho các doanh nghiệp kinh doanh đá tại khu vực Đồng Nai, Bình Dương...

Triển vọng kinh tế vĩ mô và Định hướng chiến lược

PHÂN TÍCH SWOT

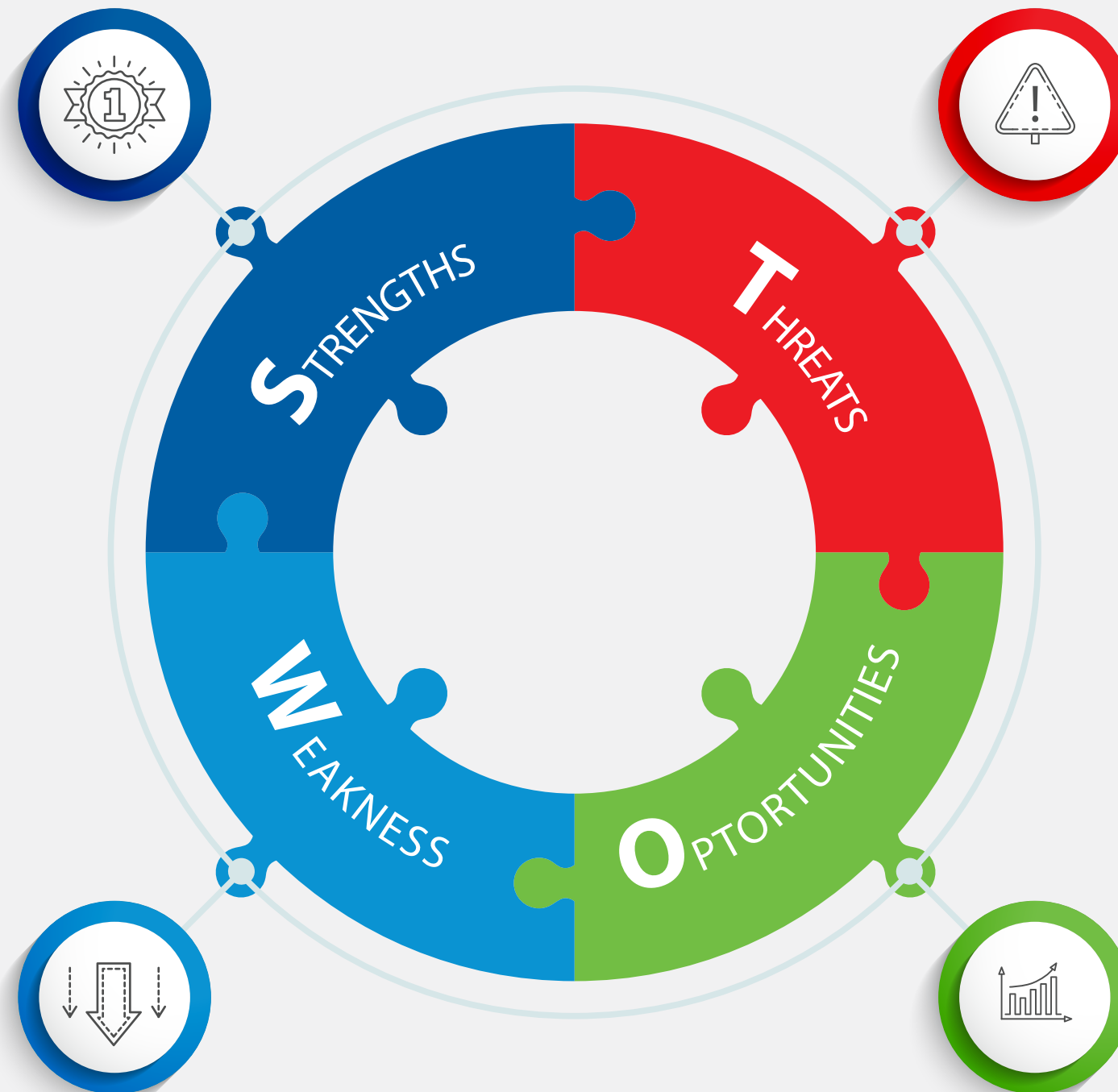
Điểm mạnh

- » Chất lượng sản phẩm được đánh giá cao, đặc biệt là vật liệu xây dựng cao cấp như đá ly tâm, cát nhân tạo.
- » Uy tín thương hiệu trong suốt 30 năm hoạt động.
- » Có các mỏ đá xây dựng tại vị trí đặc địa, gần các khu vực đang phát triển, đẩy mạnh đầu tư công, các khu đô thị, khu công nghiệp và các thành phố của Đông Nam Bộ. Đồng thời, KSB đang tiến hành đầu tư vào các mỏ mới và công ty khác trong ngành để mở rộng quy mô cung cấp.
- » Công nghệ sản xuất tiên tiến và luôn được cập nhật, đầu tư nhằm nâng cao chất lượng và năng suất.
- » Sở hữu bất động sản công nghiệp lớn trong khu vực, có vị trí thuận lợi cho các hoạt động sản xuất và giao thương, hệ thống hạ tầng cơ sở được đầu tư xây dựng hiện đại.



Điểm yếu

- » Tiến độ xin cấp phép mỏ mới và mở rộng mỏ hiện hữu có thể ảnh hưởng đến sản lượng của KSB trong thời gian tới.
- » Tăng cường quản lý về môi trường, gia tăng nhu cầu về vật liệu xanh ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của KSB.



Thách thức

- » Dưới ảnh hưởng biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng, nhu cầu về vật liệu xây dựng mới và xu hướng vật liệu xây dựng xanh đã và đang được đề cao. Điều này đặt ra thách thức về R&D, công nghệ kỹ thuật, và nguồn nhân lực chất lượng cao cho KSB và các doanh nghiệp ngành vật liệu xây dựng.



Cơ hội

- » Nhiều dự án đầu tư công đang được Chính phủ đẩy mạnh, chính sách tiền tệ nới lỏng để phục hồi kinh tế, tạo cơ hội to lớn cho ngành vật liệu xây dựng. Trong khi đó, Đông Nam Bộ là khu vực được dự báo tăng trưởng năng động nhất cả nước và cũng là khu vực hoạt động chính của KSB.
- » Xu hướng đô thị hóa và nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng như sân bay, cảng biển, đường cao tốc... ngày càng gia tăng, mang đến cơ hội tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận cho các doanh nghiệp ngành xây dựng – vật liệu xây dựng nói chung và KSB nói riêng.
- » Làn sóng dịch chuyển sản xuất vào Việt Nam đã và đang tạo cơ hội phát triển cho mảng cho thuê bất động sản khu công nghiệp. Đây là một trong những lĩnh vực kinh doanh được KSB chú trọng trong những năm qua.

Triển vọng kinh tế vĩ mô và Định hướng chiến lược

CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG TRUNG VÀ DÀI HẠN

Dựa trên phân tích triển vọng kinh tế, triển vọng ngành và điểm mạnh - điểm yếu, thách thức - cơ hội, KSB xác định chiến lược phát triển và mục tiêu của công ty trong trung dài hạn như sau:

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- » Khai thác, chế biến khoáng sản là chủ lực, là cốt lõi của Công ty.
- » Duy trì và củng cố các mỏ hiện có, tìm kiếm phát triển mỏ mới.
- » Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu, môi trường...
- » Đầu tư đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đem lại sự ổn định để phát triển bền vững cho công ty và đáp ứng mọi nhu cầu của Khách hàng ngày càng tốt hơn.
- » Giữ vững vị thế của công ty trên thị trường, sẵn sàng hợp tác với tất cả Đối tác, Khách hàng để cùng hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- » Công ty tập trung đầu tư các lĩnh vực chính có chọn lọc phục vụ cho sản xuất kinh doanh hiện tại và mục tiêu lâu dài.
- » Thực hiện đúng các qui định pháp luật đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- » Khai thác, chế biến khoáng sản là ngành kinh doanh trọng yếu, chủ lực là điều kiện để tích lũy và phát triển các lĩnh vực kinh doanh khác.
- » Sản xuất vật liệu xây dựng nguyên liệu chủ yếu từ khoáng sản, bằng công nghệ hiện đại, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.
- » Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư phục vụ các nhà đầu tư trong và ngoài nước, nhu cầu của người dân.
- » Khai thác các nguồn lực, tiềm năng hiện có: Quỹ đất, cơ sở hạ tầng của mỏ sau cải tạo phục hồi môi trường để kinh doanh dịch vụ tạo nguồn thu mới.



CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Với hoạt động chính là khoáng sản, khai khoáng, có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng, Công ty luôn ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình đối với môi trường, cộng đồng và xã hội. Sau đây là mục tiêu cụ thể của Công ty đối với môi trường và xã hội:

Đối với
xã hội,
cộng đồng

- » Bảo vệ sức khỏe an toàn cho người lao động và cộng đồng.
- » Tôn trọng quyền con người, đối xử công bằng, tôn trọng nhân phẩm, văn hoá, tập tục và giá trị con người tham gia hoạt động sản xuất.
- » Quan tâm và chia sẻ đến những trường hợp khó khăn trong địa bàn Công ty hoạt động và các hoàn cảnh cần đến sự giúp đỡ của cộng đồng trong khả năng cho phép.

Đối với
môi
trường

Công ty luôn duy trì mức độ khai thác những nguồn tài nguyên ở một giới hạn nhất định cho phép, không làm thoái hoá các ao hồ, sông ngòi, uy hiếp đời sống sinh vật hoang dã, không lạm dụng hoá chất độc hại trong sản xuất kinh doanh, không gây nhiễm độc nguồn nước và lương thực. Đồng thời, KSB luôn cẩn thận trong việc chọn lựa kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao sản lượng, cũng như mở rộng quy mô sản xuất, khai thác...

Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT được thành lập ngày 21/05/2021 căn cứ theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2021 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Ngày 06/9/2022, HĐQT đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Kiểm toán theo Quyết định số 30/2022/KSB/QĐ-HĐQT.

CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy chế hoạt động UBKT để thực hiện giám sát và kiểm toán theo nội dung báo cáo trong năm 2023. UBKT đã thực hiện:

- » Kiểm toán các Phòng Ban. Xí nghiệp. Đơn vị trực thuộc trong năm 2023. qua đó ghi nhận. đánh giá hoạt động của các đơn vị và có các kiến nghị để tăng hiệu quả kinh doanh cho Công ty.
- » Tham gia các cuộc họp của HĐQT. tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng/hàng tuần với Ban Tổng giám đốc. ghi nhận các chỉ đạo và thông báo tại các cuộc họp để giám sát việc thực hiện. đồng thời có các kiến nghị. góp ý để Ban Tổng giám đốc thực hiện kế hoạch kinh doanh.
- » Phối hợp với Ban Tổng Giám đốc nhằm nâng cao chất lượng công tác khắc phục các kiến nghị của KTNB góp phần hạn chế các rủi ro.
- » Các hoạt động kiểm toán nội bộ được tiến hành năm 2023 theo quy định và kế hoạch được duyệt.
- » Xây dựng kế hoạch hoạt động. phân công nhiệm vụ và các vấn đề liên quan khác phục vụ cho hoạt động của UBKT.

TỔ CHỨC ỦY BAN KIỂM TOÁN

- » Xây dựng kế hoạch hoạt động. phân công nhiệm vụ và các vấn đề liên quan khác phục vụ cho hoạt động của UBKT.
- » Ủy ban Kiểm toán của KSB hiện có hai thành viên, đều là các chuyên gia trong lĩnh vực kế toán-kiểm toán, quản trị doanh nghiệp.



Stt	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Hoàng Nguyên Bình	Chủ tịch	21/05/2021	6/6	100%
2	Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	21/05/2021	6/6	100%

THÙ LAO. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA UBKT

- » Thù lao các thành viên của UBKT năm 2023 được thể hiện trong báo cáo của HĐQT theo nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023. Các thành viên UBKT không hưởng thêm các khoản lợi ích hay thù lao khác.
- » Chi phí hoạt động của UBKT năm 2023 tuân thủ theo các quy định và quy chế của Cty CP Khoáng sản và xây dựng Bình Dương.



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HĐQT. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ủy ban Kiểm toán không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác của Công ty, cụ thể giám sát:

- » Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. UBKT phối hợp tốt với các thành viên HĐQT. Ban Tổng Giám đốc luôn nhận được sự hợp tác từ Ban Tổng Giám đốc. thực hiện quyền hạn. nghĩa vụ của UB theo quy định.
- » Thông qua các cuộc họp và các nghị quyết của HĐQT. đồng thời thực hiện giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc theo cơ chế phân quyền giữa HĐQT. đảm bảo thực hiện đúng chủ trương các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- » Ban Tổng Giám đốc và CBNV ý thức được trách nhiệm đối với vấn đề kiểm soát chi phí và quản lý rủi ro với mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán. thống kê và lập BCTC.



Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán

KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA UBKT TRONG NĂM 2023

GIÁM SÁT BÁO CÁO TÀI CHÍNH. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT

- » UBKT đã thực hiện xem xét Báo cáo tài chính niên độ 2023 của Ban Tổng Giám đốc đảm bảo tính đầy đủ và phù hợp với chuẩn mực kế toán và đồng ý với kết luận của kiểm toán độc lập. Kết quả thực hiện kế hoạch 2023 (Chi tiết ghi nhận trong BCTC. xin tóm lược) như sau:
 - Tổng doanh thu đạt: 646.6 tỷ/980 tỷ đồng, đạt 66% KH năm 2023.
 - Lợi nhuận trước thuế: 105.3 tỷ/210 tỷ đồng, đạt 50.1% KH năm 2023.
- » Ban Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc và báo cáo tình hình thực hiện các nghị quyết của HĐQT đã ban hành.
- » Trong năm 2023, việc giám sát, kiểm tra các giao dịch với người có liên quan được thực hiện chặt chẽ theo đúng quy định pháp luật không phát hiện gian lận hoặc rủi ro gian lận tiềm tàng trong báo cáo tài chính.

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ QUẢN LÝ RỦI RO

- » Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro được duy trì và vận hành đạt được mục tiêu quản lý, đảm bảo thực hiện đúng các định mức kinh tế kỹ thuật, quy định giám sát chi phí và các chỉ tiêu kế hoạch SXKD được giao. Có các kiến nghị góp phần cải tiến quy trình, nâng cao hiệu quả của hệ thống nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.
- » UBKT nhận thông tin từ Trưởng KTNB về các hoạt động liên quan đến KTNB, báo cáo thực hiện kế hoạch KTNB hàng quý. Công tác đánh giá, phân tích hiệu quả giữa thực hiện và kế hoạch hàng quý, được triển khai, cảnh báo tới các phòng nghiệp vụ Công ty để hạn chế rủi ro.
- » Các khuyến nghị của KTNB được các đơn vị đồng thuận, tiếp thu và thực hiện nghiêm túc thông qua các kế hoạch khắc phục và được KTNB theo dõi thường xuyên.
- » HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng trách nhiệm của mình, tuân thủ điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.
- » Các chế độ, chính sách đối với người lao động đã được Công ty thực hiện tốt.

DỊCH VỤ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về việc giám sát hợp đồng kiểm toán BCTC năm 2023 giữa Ban Điều hành và Cty TNHH Ernst & Young đáp ứng các tiêu chí:

- » Công ty kiểm toán đã hoàn thành nhiệm vụ, đáp ứng kỳ vọng của UBKT đảm bảo độ tin cậy và trung thực của BCTC, bảo đảm tính độc lập, chất lượng, không có xung đột lợi ích.
- » Tuân thủ các quy định về nghề nghiệp và khách quan.

KIẾN NGHỊ

UBKT kiến nghị tới Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc các nội dung trọng tâm, bao gồm:

- » Tiếp tục sắp xếp bộ máy quản lý, Lựa chọn mô hình hoạt động cho phù hợp trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn.
- » Tính pháp lý về tài sản luôn được củng cố và tuân thủ các quy định đặc thù của ngành phải được chấp hành nghiêm.
- » Tiếp tục kiểm soát an toàn dòng tiền, kiểm soát nợ quá hạn.
- » Tiếp tục củng cố hệ thống KSNB, nâng cao vai trò chức năng và tăng hiệu quả SXKD của các đơn vị.
- » Nâng cao hiệu quả nguồn vốn, kiểm soát tốt chi phí.

Báo cáo hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Các thành viên độc lập HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tại các cuộc họp này thành viên độc lập HĐQT đã có nhiều phát biểu phản biện, góp ý hiệu quả trong việc hoạch định các chủ trương, chính sách sát với tình hình thực tiễn.

ĐÁNH GIÁ CỦA CÁC THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

HĐQT Công ty đã thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi, thẩm quyền được quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và quy định của pháp luật liên quan. Các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các phiên họp định kỳ, đột xuất, có nhiều đóng góp ý kiến chất lượng, đồng thuận cao trong các quyết sách chiến lược, định hướng cho hoạt động của Công ty.



Thông tin Cổ đông và hoạt động quan hệ Nhà đầu tư

VỐN ĐIỀU LỆ TẠI NGÀY 31/12/2023
766,31
TỶ ĐỒNG

THÔNG TIN CỔ PHẦN TẠI NGÀY 31/12/2023

Tên cổ phiếu:
CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng

Tổng số cổ phiếu phát hành:
76.631.202 cổ phiếu

Cổ phiếu đang lưu hành:
76.295.802 cổ phiếu

Cổ phiếu quỹ:
335.400 cổ phiếu

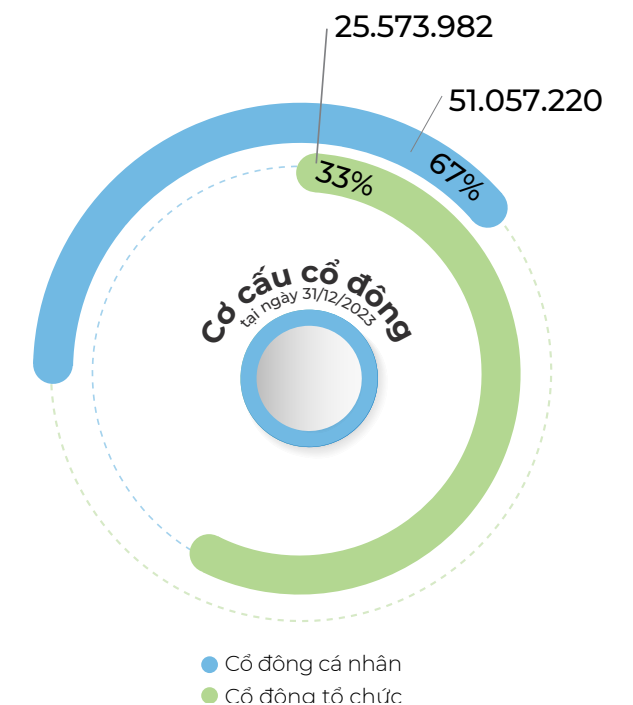
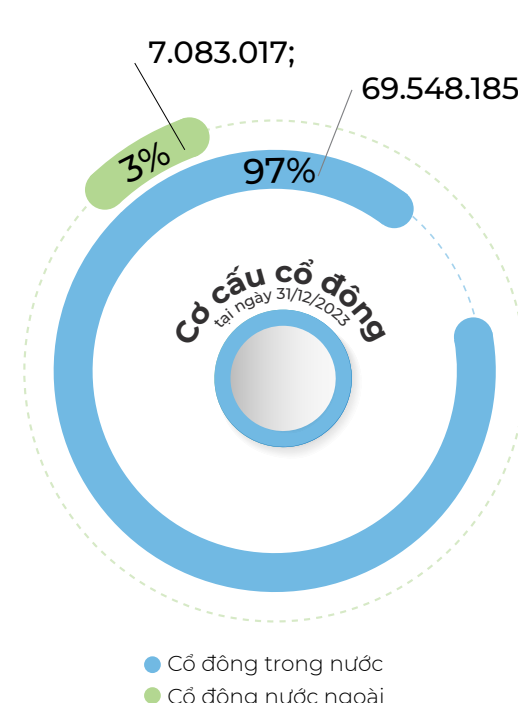
Số cổ phần chuyển nhượng tự do:
76.631.202 cổ phần

Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:
0 cổ phần



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 31/12/2023

STT	Diễn giải	Số lượng Cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	11.500	74.323.063	97%
1.1	Cá nhân	11.464	50.834.277	66%
1.2	Tổ chức	36	23.488.786	31%
2	Cổ đông nước ngoài	112	2.308.139	3%
2.1	Cá nhân	89	222.943	0%
2.2	Tổ chức	23	2.085.196	3%
Tổng cộng		11.612	76.631.202	100%
Cá nhân		11.553	51.057.220	67%
Tổ chức		59	25.573.982	33%



Thông tin Cổ đông và hoạt động quan hệ Nhà đầu tư

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

KSB luôn tâm niệm theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, quản trị minh bạch, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa Công ty và các bên liên quan, trách nhiệm với cộng đồng-xã hội. Vì vậy, hoạt động quan hệ nhà đầu tư luôn được Công ty chú trọng ngay từ khi niêm yết trên thị trường chứng khoán. Công ty luôn tuân thủ các chuẩn mực Quản trị Công ty được quy định trong văn bản lập quy và tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và UBCKNN. Lãnh đạo Công ty luôn chỉ đạo thực hiện nghiêm túc hoạt động công bố thông tin ra thị trường. Đối với các sự kiện có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trên thị trường, Công ty luôn đảm bảo việc truyền tải thông tin chính xác và kịp thời đến các Cổ đông và cộng đồng Nhà đầu tư. Không dừng lại ở việc tuân thủ, Công ty cũng trao đổi với các bên liên quan và Cổ đông, công bố thông tin một cách chủ động. Công ty luôn đảm bảo tính chất lượng và độ xác thực, tin cậy, kịp thời của những thông tin cung cấp cho Cổ đông và Nhà đầu tư để góp phần phát triển bền vững cho KSB.

Với xu thế chuyển đổi số được thúc đẩy mạnh mẽ sau đại dịch Covid-19, các hoạt động gặp gỡ nhà đầu tư trong và ngoài nước được đẩy mạnh qua các kênh truyền thông trực tuyến như: Website, Email, Zoom, Webex Meeting, Google meet... Khi có phát sinh giao dịch, Công ty đều chủ động công bố thông tin đầy đủ đối với các giao dịch liên quan. KSB xây dựng hệ thống làm việc online qua ứng dụng Bitrix24, nhằm đảm bảo việc công bố thông tin kịp thời, các sự kiện không bị đình trệ. Ngoài ra, Công ty cũng đã nâng cấp website với các tính năng hiện đại, thân thiện với người dùng, cung cấp các thông tin cập nhật, chính xác, kịp thời đến cộng đồng nhà đầu tư.

Ban Lãnh đạo đã cùng Văn phòng HĐQT liên tục tiếp đón nhiều Cổ đông, các Quý đầu tư trong và ngoài nước, Công ty chứng khoán, Đối tác chiến lược... để trả lời những thông tin nhà đầu tư quan tâm về công ty, kết quả hoạt động kinh doanh, kế hoạch các dự án và chiến lược phát triển trung và dài hạn. Thông qua các buổi gặp gỡ trực tiếp, tham dự ĐHĐCĐ, cũng như xem Báo cáo thường niên, Cổ đông và Nhà đầu tư đã có cái nhìn rõ ràng toàn cảnh về KSB, từ đó đã có những phản hồi, đóng góp tích cực cho định hướng hoạt động cũng như chiến lược phát triển của công ty. Hàng năm, Công ty luôn duy trì trả cổ tức cho Cổ đông bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu nhằm đảm bảo quyền lợi tài chính cho bên cấp vốn.

Ý thức được tầm quan trọng của thị trường chứng khoán, HĐQT và Ban Lãnh đạo Công ty luôn chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của BỘ TÀI CHÍNH và ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC, quy trình thủ tục luôn được tuân thủ một cách tuyệt đối.

Với những nỗ lực này, Công ty thường xuyên lọt vào Top 10 Doanh nghiệp niêm yết vốn hóa vừa có Báo cáo thường niên xuất sắc nhất, Doanh nghiệp đạt chuẩn Công bố thông tin trên TTCK... Đây là minh chứng cho việc thông tin minh bạch, đầy đủ, cầu thị của Công ty đối với người đọc, Cổ đông, Đối tác, Nhà đầu tư cũng như các bên liên quan. Ngoài ra, KSB cũng liên tục nhận được các giải thưởng danh giá khác như Top 10 Sao Vàng Đất Việt, Giải thưởng kinh doanh xuất sắc Châu Á – Thái Bình Dương...





Quản trị rủi ro



Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc của KSB định kỳ thực hiện hoạt động quản trị rủi ro tương ứng với các hoạt động thực tế trên phạm vi toàn Công ty. Các rủi ro được đánh giá toàn diện, chủ trì thực hiện ở cấp lãnh đạo cao nhất dựa trên các báo cáo chi tiết của tất cả phòng ban, bộ phận.

Từ các rủi ro và mức độ nghiêm trọng đánh giá được, Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc sẽ trực tiếp đưa ra các biện pháp kiểm soát và phân công trách nhiệm triển khai.



RỦI RO VỀ KINH TẾ

Sự tăng trưởng ổn định và bền vững của nền kinh tế tác động tích cực đến nhu cầu tiêu dùng trong nước đối với các sản phẩm nói chung và đối với các sản phẩm của Công ty nói riêng, tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty phát triển ổn định. Tuy nhiên, trong thời kỳ hội nhập kinh tế, nền kinh tế Việt Nam còn chịu ảnh hưởng của các yếu tố khách quan biến động khó lường như: giá nguyên vật liệu tăng, giá dầu, năng lượng... Những nhân tố trên có khả năng làm cho nền kinh tế biến đổi và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Dự báo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và của ngành công nghiệp xây dựng, khai khoáng nói riêng vẫn sẽ tiếp tục đối mặt với các rủi ro khó lường trong tương lai, đặc biệt đối với doanh nghiệp có mảng khai thác, chế biến khoáng sản chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu doanh thu. Vì vậy, Công ty phải luôn trong tư thế chủ động nắm bắt tình hình kinh tế, tránh tâm lý chủ quan để có thể sẵn sàng đương đầu với các rủi ro trong nền kinh tế trong và ngoài nước.



RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng với nền kinh tế quốc tế, do đó nhiều văn bản pháp luật về Công ty cổ phần (Luật Doanh nghiệp), chứng khoán và thị trường chứng khoán (Luật Chứng Khoán), Thuế (Thu nhập Doanh nghiệp), lĩnh vực hoạt động (Luật Khoáng sản, Luật môi trường) và các luật khác đã và đang được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế.

Do đặc thù ngành nghề của Công ty nên doanh thu của KSB phụ thuộc lớn vào mảng khai thác và chế biến khoáng sản. Đồng thời, bản thân ngành khai thác và chế biến khoáng sản cũng có những tác động đến môi trường và dân cư (vận chuyển làm hỏng đường, nổ mìn gây sạt nún, hư hỏng các công trình xây dựng của người dân...) có thể làm gián đoạn hoạt động khai thác, gây ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.



RỦI RO ĐẶC THÙ

Ngành khai thác và chế biến khoáng sản chiếm tỷ trọng rất cao trong cơ cấu tổng doanh thu của Công ty. Các ngành nghề còn lại đang hoạt động với tính chất nhỏ lẻ, chiếm thị phần nhỏ và khả năng cạnh tranh còn yếu trên thị trường. Ngành khai thác và chế biến khoáng sản chịu ảnh hưởng trực tiếp từ việc quản trị tài nguyên của quốc gia nói chung và doanh nghiệp nói riêng. Việt Nam vẫn luôn nằm trong danh sách các nước có chỉ số quản trị tài nguyên tương đối thấp, dẫn đến tình trạng ngành khai khoáng hoạt động kém hiệu quả.



RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

Trong tình trạng trữ lượng tài nguyên khai thác không tái tạo được ngày càng sụt giảm, cộng với đó là sự hạn chế trong việc quản trị tài nguyên môi trường dẫn đến những khó khăn đặc trưng cho Công ty. Ngoài ra, các yếu tố về trữ lượng, hàm lượng khoáng, chất lượng khoáng sản khai thác... cũng một phần ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



RỦI RO ĐẦU RA

Trong lịch sử, giá của khoáng sản đã giảm từ 2-4 lần vào thời kỳ khủng hoảng. Điều này cho thấy ngành khoáng sản rất nhạy cảm với hiện trạng của nền kinh tế.



RỦI RO VỀ THỜI TIẾT

Đây là một rủi ro khá đặc thù của ngành khoáng sản. Hầu hết các mỏ đều lộ thiên. Vì vậy, những thay đổi của thời tiết sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc khai thác mỏ, độ an toàn và sản lượng khai thác của doanh nghiệp.

Quản trị rủi ro



RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo và có trữ lượng hạn chế. Việc khai thác có thể gây ảnh hưởng đến môi trường. Điều này cũng gây tiềm ẩn rủi ro bị rơi vào những vụ tranh cãi pháp lý hay phản đối của dư luận.



RỦI RO CẠNH TRANH TRONG NỘI BỘ NGÀNH

Hiện nay cả nước có khoảng 2.000 điểm khai thác – chế biến khoáng sản có đăng ký hợp pháp, bên cạnh hàng trăm nghìn cơ sở khai thác bất hợp pháp khác cùng cạnh tranh với nhau. Cạnh tranh chủ yếu giữa các doanh nghiệp cùng khai thác một loại khoáng sản là cạnh tranh về giá, cạnh tranh về hàm lượng khoáng sản tinh chế, cạnh tranh trong việc xin cấp phép mỏ.



RỦI RO TRONG VIỆC THĂM DÒ, KHAI THÁC

Một đặc thù của ngành Khoáng sản là trước khi khai thác một mỏ khoáng sản cần phải thực hiện thăm dò trữ lượng, chất lượng của mỏ. Quá trình thăm dò tốn kém nhiều chi phí, nhiều thời gian (2-3 năm), nhưng nếu kết quả thăm dò cho thấy trữ lượng mỏ nhỏ, hoặc điều kiện khai thác không thuận lợi (mỏ nằm quá sâu)... khiến cho việc khai thác không thể thực hiện được vì lí do kinh tế - kỹ thuật thì rủi ro chi phí sẽ là rất lớn. Bên cạnh đó, việc được cấp phép thăm dò và khai thác các mỏ mới được áp dụng theo hình thức đấu thầu, do vậy chi phí ban đầu càng bị đẩy lên cao.



RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa v.v... là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Hàng năm, Công ty luôn có chính sách mua bảo hiểm cho cán bộ, công nhân viên và các tài sản, vật tư, thiết bị có giá trị lớn. Mức bảo hiểm đủ để Công ty không bị thiệt hại khi có sự cố bất khả kháng xảy ra.

Giao dịch của công ty, thành viên HĐQT, Ban TGD và người có liên quan

DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY

Stt.	Tên tổ chức/ cá nhân	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (1)	Mối quan hệ liên quan với công ty
I. TỔ CHỨC					
1	Công ty Cổ phần DRH Holdings	0304266964 Cấp ngày 06/03/2006 tại Sở KH-ĐT TP. Hồ Chí Minh	67 đường Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM	30/5/2016	Cổ đồng sở hữu trên 10% vốn điều lệ
2	Công ty TNHH Đầu tư KSB	3702838077 Cấp ngày 12/12/2019 tại Sở KH-ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8 Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố Hoà Tân 1, P. Thuận Giao, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương	12/12/2019	Công ty con
3	Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB	3702613027 Cấp ngày 28/10/2017 tại Sở KH-ĐT tỉnh Bình Dương	Lô A1, đường D1, khu A, khu công nghiệp KSB, xã Đất Cuốc, H. Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	28/10/2017	Công ty con
4	Công ty TNHH Cao lanh Minh Long KSB	3801194708 Cấp ngày 30/01/2019 tại Sở KH-ĐT tỉnh Bình Phước	Ấp 1, xã Minh Long, TX. Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	30/01/2019	Công ty con
5	HTX Dịch vụ Vận tải Khai khoáng Thăng Long	3602997355 Cấp ngày 12/09/2011 tại UBND huyện Vĩnh Cửu	Tổ 11, ấp Ông Hường, đường Tân Hiến, xã Thiện Tân, H. Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai	12/09/2011	Công ty con
6	Công ty CP Phú Nam Sơn	2801139536 Cấp ngày 20/03/2008 tại Sở KH-ĐT tỉnh Thanh Hoá	Thôn Tân Phúc, xã Tân Trường, TX. Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá	20/03/2008	Công ty liên kết
7	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	3600275107 cấp ngày 30/6/2005 tại Sở KH-ĐT, tỉnh Đồng Nai	K4/79C Nguyễn Tri Phương, KP.3, P. Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai		Công ty liên kết gián tiếp

Chú thích:

(1) Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của các thành viên HĐQT được tính theo nhiệm kỳ mới 2022-2026.

(*) Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

Giao dịch của công ty, thành viên HĐQT, Ban TGD và người có liên quan

DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY

Stt.	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (1)	Thời điểm không còn là người có liên quan	Mối quan hệ liên quan với công ty
------	----------------------	------------------------------	-------------------------------------	---------------------------------------	---	---	-----------------------------------

II. CÁ NHÂN

1	Phan Tấn Đạt	Chủ tịch HĐQT	051084000315, Cấp ngày 21/8/2022, tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	Căn hộ D22.3 cao ốc Phú Hoàng Anh 1, đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP.HCM	31/05/2022		
2	Trần Đình Hà	TV HĐQT/ TGD	034075007412 Cấp ngày 23/4/2018 tại Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư	443 Hai Bà Trưng, phường 8, quận 3, TP. HCM	27/05/2022		
3	Nguyễn Quốc Phòng	TV HĐQT/ P.TGD	068077000071 Cấp ngày 07/11/2017 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	Số 3L, đường 7L, khu cư xá Ngân Hàng, phường Tân Thuận Tây, quận 7, TP. HCM	27/05/2022	09/06/2023	
4	Lê Hoài Nam	TV HĐQT	280820869 Cấp ngày 16/7/2018 tại CA Bình Dương	53 đường số 13, KDC Hiệp Thành 3, phường Hiệp Thành, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	27/05/2022		
5	Trần Hoàng Anh	TV HĐQT	068080000038 Cấp ngày 12/6/2020 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	55/8 đường Nguyễn Văn Công, phường 3, quận Gò Vấp, TP. HCM	27/05/2022		
6	Hoàng Nguyên Bình	TV độc lập HĐQT	019078012490 Cấp ngày 24/11/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	số 12 đường số 37, phường Tân Phong, quận 7, TP. HCM	27/05/2022		
7	Tôn Thất Diên Khoa	TV độc lập HĐQT	049074000752 Cấp ngày 04/4/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	75/13 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 4, quận Phú Nhuận, TP. HCM	27/05/2022		
8	Nguyễn Hoàng Sơn	Phó TGD	001079008253 Cấp ngày 08/10/2015 tại CA Hà Nội	42/5 Hồ Hảo Hớn, phường Cô Giang, Quận 1, TP.HCM	17/11/2016		
9	Đặng Quang Thung	Phó TGD	280552928 Cấp ngày 05/4/2014 tại CA Bình Dương	KP 2, P. Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	13/10/2014	31/03/2023	

Stt.	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (1)	Thời điểm không còn là người có liên quan	Mối quan hệ liên quan với công ty
------	----------------------	------------------------------	-------------------------------------	---------------------------------------	---	---	-----------------------------------

II. CÁ NHÂN

10	Nguyễn Hoàng Tâm	Kế toán trưởng	082073002991 Cấp ngày 14/3/2022 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	863/12/7 KP. 4, P. Tân Hưng, Q. 7, TP. HCM	01/02/2019		
11	Nguyễn Văn Đông	Người phụ trách Quản trị Công ty	049084002228 Cấp ngày 03/3/2022 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	409 NỞXH, KCC Phú Hòa 1, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	15/04/2018		

Chú thích:

(1) Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của các thành viên HĐQT được tính theo nhiệm kỳ mới 2022-2026.

(*) Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ NĂM 2023

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHQĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty TNHH Đầu tư KSB	Công ty con	3702838077 Cấp ngày 12/12/2019 tại Sở KH-ĐT, tỉnh Bình Dương	Số 8 Nguyễn Thị Minh Khai, KP. Hoà Lân 1, P. Thuận Giao, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương	Số 12/2023/NQ-HĐQT ngày 09/01/2023	<ul style="list-style-type: none"> » Thu tiền cho vay: 13.847.808.215 » Lãi cho vay: 37.586.104.986 » Điều chuyển vốn: 11.000.000 » Điều chuyển vốn sang cho vay: 312.753.000.000 » Cho thuê lại đất và cơ sở hạ tầng 125.810.540.000 » Trả tiền vay: 344.392.506.201 » Đi vay: 121.520.412.201 » Lãi vay: 9.426.454.692 » Lợi nhuận được chia: 102.000.000.000 » Điều chuyển vốn: 128.213.788.000 » Điều chuyển vốn sang nợ vay: 253.327.999.848
2	Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB	Công ty con	3702613027 Cấp ngày 28/10/2017 tại Sở KH-ĐT, tỉnh Bình Dương	Lô A1, đường D1, khu A, khu công nghiệp KSB, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Số 12/2023/NQ-HĐQT ngày 09/01/2023	

Chú thích:

(*) Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

Giao dịch của công ty, thành viên HĐQT, Ban TGD và người có liên quan

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ NĂM 2023

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
3	Công ty TNHH Cao lanh Minh Long KSB	Công ty con	3801194708 Cấp ngày 30/01/2019 tại Sở KH-ĐT tỉnh Bình Phước	Ấp 1, xã Minh Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	Số 12/2023/NQ-HĐQT ngày 09/01/2023	<ul style="list-style-type: none"> » Lãi vay: 1.305.809.294 » Trả tiền vay: 201.282.663 » Điều chuyển vốn: 54.417.766 » Điều chuyển vốn sang nợ vay: 21.838.950.661
4	HTX Dịch vụ Vận tải Khai khoáng Thăng Long	Công ty con	3602997355 Cấp ngày 12/09/2011 tại UBND huyện Vĩnh Cửu	Tổ 11, ấp Ông Hường, đường Tân Hiến, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai	Số 12/2023/NQ-HĐQT ngày 09/01/2023	<ul style="list-style-type: none"> » Đi vay: 13.000.000.000 » Lãi vay: 3.295.873.889 » Điều chuyển vốn: 9.027.163.000 » Điều chuyển vốn sang nợ vay: 45.322.717.589
5	Công ty CP Phú Nam Sơn	Công ty liên kết	2801139536 Cấp ngày 20/03/2008 tại Sở KH-ĐT tỉnh Thanh Hoá	Thôn Tân Phúc, xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Số 12/2023/NQ-HĐQT ngày 09/01/2023	» Lãi cho vay: 1.740.002.000
6	Vũ Tố Uyên	Vợ thành viên độc lập HĐQT/ CT UBKT Hoàng Nguyễn Bình	001178041172 Cấp ngày 24/11/2021 tại cục CS QLHC về TTXH	12 đường số 37, P. Tân Phong, Q.7, TP.HCM	Số 12/2023/NQ-HĐQT ngày 09/01/2023	» Mượn không lãi suất: 36.800.000.000
7	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Công ty liên kết gián tiếp	3600275107 cấp ngày 30/6/2005 tại Sở KH-ĐT, tỉnh Đồng Nai	K4/79C Nguyễn Tri Phương, KP.3, P. Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Số 12/2023/NQ-HĐQT ngày 09/01/2023	» Cổ tức: 4.500.000.000

Chú thích:

(*) Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC ĐÃ VÀ ĐANG LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TRONG THỜI GIAN BA (03) NĂM TRỞ LẠI ĐÂY (tính tại thời điểm lập báo cáo)

Stt.	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty CP DRH Holding	Chủ tịch HĐQT	19.099.025	25,03%	22.799.025	29,75%	Mua

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY

Stt.	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Đình Hà		728.970	0,96%	330.970	0,43%	Bán
2	Tôn Thất Diên Khoa		371.400	0,49%	181.400	0,24%	Bán
3	Hoàng Nguyên Bình		290.000	0,38%	180.000	0,23%	Bán
4	Nguyễn Hoàng Sơn		160.880	0,20%	75.800	0,09%	Bán
5	Nguyễn Hoàng Tâm		292.809	0,38%	130.000	0,17%	Bán
6	Đặng Quang Thung		70.050	0,09%	40.050	0,05%	Bán
7	Nguyễn Văn Đông		190.050	0,25%	50.000	0,07%	Bán

03

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

78 Hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023

86 Phân tích tình hình tài chính

98 Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024



Hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Về tổng thể, nền kinh tế toàn cầu năm 2023 vẫn còn chịu tác động kéo dài từ những bất ổn về địa chính trị, kinh tế thế giới gặp khó khăn, tổng cầu phục hồi yếu, lạm phát nhiều nước vẫn ở mức cao, chuỗi cung ứng thiếu ổn định, đã ảnh hưởng đến kinh tế trong nước. Thị trường bất động sản tiếp tục ảm đạm, dòng tiền luân chuyển hạn chế. Nhiều dự án lớn trọng điểm về hạ tầng giao thông khu vực miền Tây và Đông Nam bộ thiếu nguồn cát, đất đắp nền, hoặc vướng thủ tục pháp lý, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng nên chưa được triển khai thi công hoặc đẩy mạnh tiến độ như kỳ vọng nên ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh ngành vật liệu xây dựng nói chung và ngành nghề khai thác đá nói riêng. Cùng với khó khăn trên thì Công ty còn gặp nhiều khó khăn liên quan đến các thủ tục về đầu tư, thuê đất để mở rộng sản xuất trong lĩnh vực khai thác đá và bất động sản khu công nghiệp do sự vướng mắc chông chéo bởi các quy định pháp luật liên quan.

Trong bối cảnh chung còn nhiều khó khăn, Ban lãnh đạo KSB đã triển khai đồng bộ và quyết liệt nhiều biện pháp quản trị, thực hiện tái cấu trúc Công ty, duy trì hoạt động trên tinh thần tinh gọn để vượt khó và duy trì được những thành tựu SXKD đáng ghi nhận. Năm 2023, doanh thu thuần hoạt động SXKD của Công ty đạt 528,62 tỷ đồng, giảm 38,5% so với năm trước và tương đương 53,9% kế hoạch. Tổng doanh thu đạt 646,58 tỷ đồng, gần bằng 66% so với kế hoạch. Lợi nhuận gộp đạt 239,1 tỷ đồng, giảm 24,6% so với năm trước. Công ty ghi nhận lợi nhuận trước thuế ở mức 105,28 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt mức 73,77 tỷ đồng. Mặc dù suy giảm so với năm trước nhưng là thành quả đáng khích lệ khi hàng loạt doanh nghiệp trong ngành phải giải thể phá sản hay “bán mình”.



CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN

1 Khai thác đá xây dựng	: 2.030.435 tấn - Đạt 33,5 % Kế hoạch.
- XN Phước Vĩnh	: 31.267 tấn
- XN Tân Mỹ	: 1.370.269 tấn
- HTX Thăng Long	: 628.899 tấn
2 Cao lanh	: Năm 2023 Không thực hiện
3 Sét Phước Hòa	: 0 m³
4 Sản xuất Cốt bê tông	: 9.961 m - Đạt 14,2% Kế hoạch.
5 Công ty KSB IDC	

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023 VNĐ	Thực hiện 2023 VNĐ
1	Doanh thu	311.900.000	313.499.076.957
2	Lợi nhuận	90.100.000	138.467.060.261

Hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023

CÔNG TÁC MỎ, ĐẤT ĐAI

CÔNG TÁC MỎ

- » KSB đang sở hữu nhiều mỏ đá trữ lượng lớn như: mỏ Tân Mỹ, Phước Vĩnh tại Bình Dương, mỏ Thiện Tân 7 tại Đồng Nai... Với vị trí nằm gần các dự án đầu tư công sắp triển khai đồng thời có chất lượng sản phẩm tốt, đây là tiềm năng to lớn để KSB có thể tận dụng và tăng tốc phát triển trong thời gian tới.
- » Cụ thể, KSB đang đẩy nhanh hoàn thành cấp phép Mỏ Tam Lập giai đoạn I, đưa vào quy hoạch xuống sâu mỏ đá Tân Mỹ, mở rộng xuống sâu mỏ đá Phước Vĩnh và tiếp tục đền bù mở rộng mỏ Thiện Tân 7 tại Đồng Nai.
- » KSB cũng có định hướng gia tăng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa (VLB), là doanh nghiệp đang sở hữu nhiều mỏ đá có trữ lượng lớn ở khu vực Đông Nam Bộ.

ĐẤT ĐAI

Tính đến 31/12/2023, quỹ đất ở các mỏ khoáng sản Công ty đang quản lý và sử dụng là: 224,27 ha. Cụ thể như sau:

Stt	Tên mỏ	Diện tích cấp phép (m ²)	Diện tích trong ranh cấp mỏ (m ²)			Diện tích ngoài ranh mỏ làm mặt bằng chế biến và công trình phụ trợ	Tổng diện tích đã đền bù mỏ, sân công nghiệp và CT phụ trợ	Thời hạn còn lại theo giấy phép
			Đã đền bù					
			Đã đưa vào khai thác	Chưa khai thác	Chưa đền bù			
1	Mỏ đá Tân Mỹ	409.600	295.000	75.543	39.057	137.932,4	508.475,4	Đến 28/08/2029
2	Mỏ Phước Vĩnh	296.200	296.200			265.147	561.347	Hết hạn 13/01/2023 (đang xin gia hạn)
3	Mỏ đá Thiên Tân 7	122.661	60.000	31.264	31.397	9.402,7	100.666,7	Đến 29/01/2035
4	Mỏ đá Tam Lập	200.000	-	137.847	62.153	252.603	390.450	
5	Mỏ sét Bó Lá	334.000	87.055	173.431,6	73.787,4	11.000	260.486,6	GĐ 1: Đến 29/09/2021 GĐ 2: Dự kiến 12,6 năm (đang xin GP)
6	Mỏ cao lanh Tân Lập	240.000	157.051,8		50.000	28.297	185.349	Hết hạn 10/2021 (đang đóng cửa mỏ)
7	Mỏ cao lanh Minh Long	640.000	38.550	106.049	491.262	4.153,5	148.752,5	Đến 07/03/2038 (đang tạm dừng khai thác)
CỘNG		2.242.735	933.856,8	524.134,6	747.656,4	708.535,6	2.155.527,2	

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

Năm 2023, Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc đầu tư mở rộng sản xuất do vướng mắc về thủ tục pháp lý từ các quy định chồng chéo giữa Luật Đầu tư, Luật Khoáng sản, Luật Đất đai nên việc triển khai các dự án của công ty đều bị chậm tiến độ, đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

Trong năm, Công ty đã thực hiện đầu tư cho máy móc thiết bị, đền bù đất đai phục vụ cho công tác khai thác mỏ và đầu tư cho xây dựng hạ tầng và mở rộng khu công nghiệp như sau:

STT	Đơn vị	Đầu tư mới (đồng)	Sửa chữa lớn (đồng)	Tổng giá trị (đồng)
1	HTX Thăng Long	7.615.000.000	853.000.000	8.467.000.000
2	XN Phước Vĩnh	-	1.554.000.000	1.554.000.000
3	XN Tân Mỹ	1.071.000.000	260.000.000	1.331.000.000
4	XN Bê tông	54.000.000	109.000.000	162.000.000
5	KSB IDC	4.634.000.000	-	4.634.000.000
TỔNG CỘNG		13.373.000.000	2.775.000.000	16.147.000.000

Chi chú: XN Phước Vĩnh: Chi phí phân bổ năm 2022 chuyển sang; HTX Thăng Long: Chi phí đầu tư chủ yếu là chi phí đền bù khu đất khai trường (7,5 tỷ); Tân Mỹ: Đầu tư làm 200m đường bê tông tiếp giáp với đường DT746 (năm 2022 chuyển sang); KSB IDC: Chi phí thi công hạ tầng.

Chi tiết về các giải pháp, biện pháp triển khai thực hiện, các chỉ số phân tích đánh giá so sánh đã được nêu cụ thể trong báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty và đã được công bố trên website của KSB, Ban điều hành xin phép không lập lại để đảm bảo thời gian của Đại hội.



Hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023



241

NGƯỜI
TỔNG SỐ LAO ĐỘNG
TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2023



9,8

TRIỆU ĐỒNG/NGƯỜI/THÁNG
MỨC LƯƠNG BÌNH QUÂN
NĂM 2023

LAO ĐỘNG. ĐÀO TẠO

KSB luôn ý thức được rằng nguồn nhân lực chuyên nghiệp, trình độ cao là một thế mạnh cạnh tranh vượt trội của Công ty, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập sâu rộng như hiện nay. Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, thân thiện, bình đẳng, và luôn trao cơ hội thăng tiến cho CBNV nhằm giúp họ phát huy hết năng lực bản thân, đóng góp vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Tổng số lao động của KSB tại thời điểm cuối năm 2023 đạt 241 người. Lao động có trình độ

Đại học và trên Đại học chiếm đến 37,8%, Cao đẳng-Trung cấp chiếm 9,5% và Công nhân kỹ thuật chiếm 52,7% do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng.

Dù là một năm có hoạt động khó khăn nhưng KSB vẫn duy trì mức thu nhập khá cao cho toàn thể CBNV. Cụ thể, mức lương bình quân đạt 9,8 triệu đồng/người/tháng, tổng thu nhập đạt 11,6 triệu đồng/người/tháng. Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ Bảo hiểm y tế,

Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật. Điều này cho thấy nỗ lực rất lớn của Ban lãnh đạo KSB trong hoàn cảnh khó khăn chung khi doanh nghiệp bị tác động bởi môi trường lãi suất cao, thắt chặt tiền tệ và thị trường bất động sản ảm đạm.

Công ty liên tục tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện kỹ thuật cho người lao động đồng thời đưa cán bộ cấp quản lý và công nhân tiêu biểu tham gia các lớp tập huấn nâng cao tay nghề do các đơn vị khác tổ chức. Các lớp đào tạo nội

bộ về an toàn lao động, an toàn vận hành, bảo dưỡng sửa chữa cũng được tổ chức cho CBNV làm việc trực tiếp trong môi trường có nhiều yếu tố rủi ro nhằm nâng cao nhận thức của người lao động.

KSB đã tổ chức nhiều khóa học đa dạng, với tổng số lượt người tham dự đạt 208 lượt với tổng chi phí đạt 19,5 triệu đồng. Bên cạnh đó, KSB tổ chức các cuộc trao đổi quy mô nhỏ, nhằm chia sẻ kinh nghiệm nghiệp vụ, giúp CBNV nắm vững các kỹ năng yêu cầu trong công việc.

Hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023

CÔNG TÁC AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG



Ban An toàn của Công ty thường xuyên kiểm tra công tác an toàn và yêu cầu các đơn vị khắc phục các nguy cơ có thể xảy ra tai nạn. Công ty luôn duy trì và thực hiện công tác hướng dẫn, kiểm tra, trang cấp các thiết bị an toàn tại các đơn vị, luôn xác định và quán triệt “An toàn mới sản xuất”. Các đoàn kiểm tra đánh giá cao về mức độ chấp hành và bảo đảm an toàn tại các đơn vị SXKD trong quản lý sử dụng vật liệu nổ, phòng cháy chữa cháy và an ninh trật tự.

Công tác bảo vệ môi trường luôn được Công ty coi trọng và thường xuyên kiểm tra, yêu cầu các đơn vị thực hiện đúng và đầy đủ các biện

pháp bảo vệ môi trường đã cam kết. Thực hiện đầy đủ các hồ sơ đã cam kết theo đúng Quy định của Pháp luật: Đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại, hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại, rác thải sinh hoạt; giấy phép xả thải vào nguồn nước; giấy phép khai thác và sử dụng nước ngầm; kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đầy đủ; nộp tiền ký quỹ bảo vệ môi trường đối với các mỏ khoáng sản. Thực hiện giám sát môi trường định kỳ theo đúng cam kết.

Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí: Phun tưới nước tại những vị trí phát tán bụi của máy xay nghiền đá; tưới nước dọc các tuyến đường vận chuyển; trồng cây xanh xung quanh mỏ, nhà xưởng, khu vực sản xuất. Chở hàng đúng khổ, đúng tải, phủ bạt kín thùng xe, quét dọn đường vận chuyển.



HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

Trong bối cảnh nền kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn nhưng KSB vẫn luôn tích cực hỗ trợ Bình Dương và nhiều tỉnh thành khác trong công tác an sinh xã hội, cộng đồng.

Đồng thời, Ban lãnh đạo và nhân viên Công ty luôn có nhiều hoạt động mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn như viếng thăm, dâng hương nghĩa trang liệt sỹ nhân ngày Thương binh Liệt sỹ, viếng thăm, tri ân các gia đình có công cách mạng...



Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết trong **Báo cáo Phát triển Bền vững năm 2023** được chúng tôi lập riêng.

Phân tích tình hình tài chính

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023	2023 so với 2022 (%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.313,99	1.322,46	884,27	859,15	528,62	-38,5%
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	673,12	719,34	472,06	542,11	289,53	-46,6%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	640,87	603,11	412,22	317,00	239,10	-24,6%
Doanh thu hoạt động tài chính	32,14	63,01	102,75	93,90	79,67	-15,2%
Chi phí tài chính	81,50	101,47	94,59	135,11	160,61	18,9%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	80,59	99,04	94,58	135,11	160,59	18,9%
Phân lãi/lỗ trong Công ty liên kết	(6,51)	(4,34)	(5,26)	(2,21)	9,82	-
Chi phí bán hàng	89,17	88,89	55,05	40,31	12,98	-67,8%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	83,13	73,06	61,72	52,95	50,43	-4,8%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	412,68	398,36	298,35	180,32	104,56	-42,0%
Thu nhập khác	20,65	21,20	18,53	27,11	38,29	41,2%
Chi phí khác	18,16	17,61	15,57	23,34	37,57	61,0%
Lợi nhuận khác	2,49	3,59	2,96	3,77	0,72	-81,0%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	415,18	401,95	301,31	184,09	105,28	-42,8%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	330,14	327,76	252,81	152,08	73,77	-51,5%



528,62

TỶ ĐỒNG

DOANH THU THUẦN NĂM 2023

↓ 38,5% so với năm trước



239,1

TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN GỘP NĂM 2023

↓ 24,6% so với năm trước

Kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã trải qua năm 2023 với nhiều diễn biến khó lường. Những rủi ro địa chính trị, lạm phát vẫn hiện diện, trong khi lãi suất neo ở mức cao, khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế còn yếu hoạt động của nhiều doanh nghiệp chưa thể hồi phục hoàn toàn, sức khỏe chung của nền kinh tế vẫn còn “ốm yếu”. Ngành xây dựng và bất động sản phải đối mặt với tình trạng trì trệ kéo dài, dòng tiền suy kiệt.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của KSB cũng bị ảnh hưởng trong bối cảnh chung còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo đã quyết

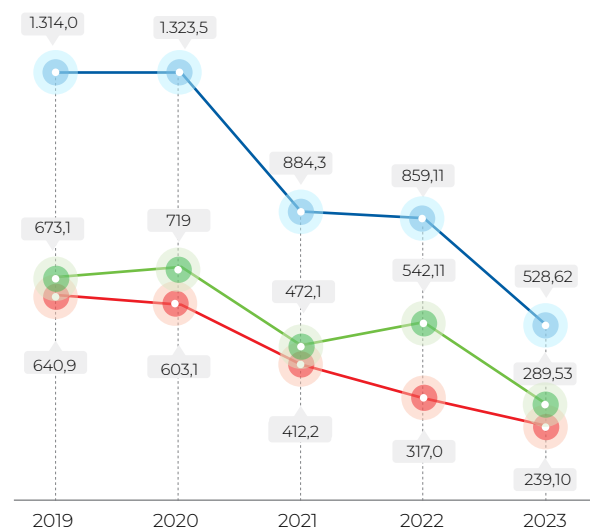
liệt thực hiện tái cấu trúc Công ty, duy trì hoạt động trên tinh thần tinh gọn để vượt khó. Năm 2023, KSB ghi nhận doanh thu thuần hoạt động SXKD đạt 528,62 tỷ đồng, giảm 38,5% so với năm trước và tương đương 53,9% kế hoạch. Lợi nhuận gộp đạt 239,1 tỷ đồng, giảm 24,6% so với năm trước, tức giảm với tốc độ ít hơn so với doanh thu – đây là một tín hiệu tích cực trong hoạt động của KSB trong năm vừa qua.

Doanh thu tài chính như lãi tiền gửi, cổ tức nhận được... duy trì ở mức cao 79,67 tỷ đồng, giúp Công ty bù trừ đáng kể với khoản chi phí lãi vay 160,6 tỷ đồng.

Phân tích tình hình tài chính

Doanh thu - Lợi nhuận gộp (Tỷ đồng)

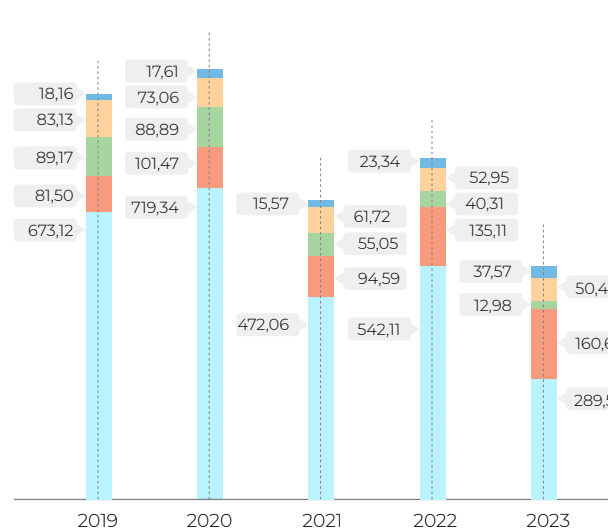
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ



DOANH THU ĐẠT 528,62 TỶ ĐỒNG, GIẢM 38,5% SO VỚI NĂM TRƯỚC VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG 53,9% KẾ HOẠCH

Cấu trúc chi phí (Tỷ đồng)

- Giá vốn hàng bán
- Chi phí tài chính
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí khác



CẤU TRÚC CHI PHÍ: KIỂM SOÁT HIỆU QUẢ CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHỊU ÁP LỰC CHI PHÍ LÃI VAY VÀ QUẢN LÝ

Chi phí/Doanh thu thuần	2019	2020	2021	2022	2023
Giá vốn hàng bán	51,2%	54,4%	53,4%	63,1%	54,8%
Chi phí tài chính	6,2%	7,7%	10,7%	15,7%	30,4%
Chi phí bán hàng	6,8%	6,7%	6,2%	4,7%	2,5%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6,3%	5,5%	7,0%	6,2%	9,5%
Chi phí khác	1,4%	1,3%	1,8%	2,7%	7,1%

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

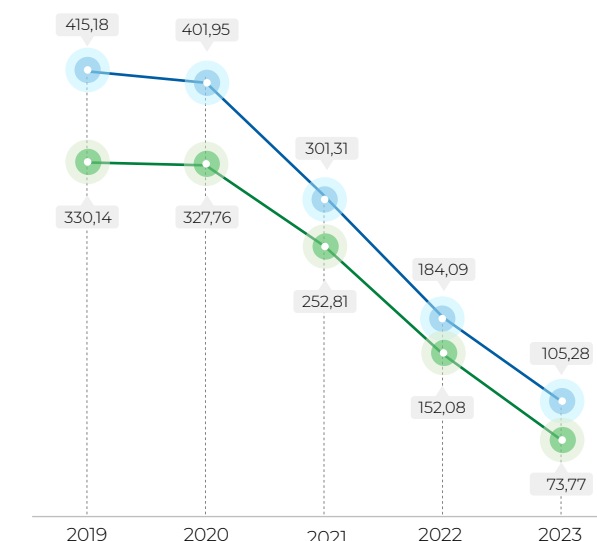
105,28 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

73,77 TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận trước thuế - Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)

- Lợi nhuận trước thuế
- Lợi nhuận sau thuế



Chi phí giá vốn hàng bán so với doanh thu đã giảm mạnh so với năm trước và là một tín hiệu tích cực trong hoạt động SXKD cốt lõi và giúp công ty cải thiện biên lợi nhuận gộp. Tương tự, KSB cũng đang kiểm soát một cách hiệu quả khoản mục chi phí bán hàng, giảm xuống còn 2,5% doanh thu. Tuy vậy, khoản mục chi phí quản lý doanh nghiệp vẫn còn đứng ở mức cao 9,5% doanh thu; và chi phí tài chính (chủ yếu là lãi vay) tăng mạnh lên 30,4% doanh thu khi lãi vay trên thị trường nhìn chung còn neo ở mức cao, gây áp lực lên đà hồi phục của nền kinh tế trong năm 2023.



Năm 2023, Công ty ghi nhận lợi nhuận trước thuế ở mức 105,28 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt mức 73,77 tỷ đồng. Mặc dù suy giảm so với năm trước và không hoàn thành kế hoạch ĐHCĐ giao phó, nhưng đây là thành quả đáng khích lệ trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, nhiều doanh nghiệp phải phá sản, bị mua lại. Điều này thể hiện nỗ lực của toàn thể CBNV của Công ty và những biện pháp quản trị hiệu quả của Ban lãnh đạo.

Phân tích tình hình tài chính

TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Năm	2019	2020	2021	2022	2023	2023/2022 (%)
Tổng tài sản	3.959,3	3.924,8	3.984,85	4.242,8	4.276,6	0,8%
Tài sản ngắn hạn	2.352,9	2.382,52	2.100,3	2.059,0	1.984,9	-3,6%
Tài sản dài hạn	1.606,4	1.542,33	1.884,5	2.183,8	2.291,7	4,9%
Nợ phải trả	2.670	2.340,8	2.197,0	2.302,0	2.278,9	-1,0%
Nợ ngắn hạn	1.656,00	1.402,0	1.231,2	1.342,0	1.267,9	-5,5%
Nợ dài hạn	1.013,3	938,8	965,7	959,9	1.011,0	5,3%
Vốn chủ sở hữu	1.289,3	1.583,9	1.787,85	1.940,9	1.997,7	2,9%

Tổng tài sản của KSB đến cuối năm 2023 ghi nhận ở mức 4.276,6 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,8% so với năm trước. Tài sản dài hạn tiếp tục tăng mạnh 4,9% lên mức 2.291,7 tỷ đồng, trong khi tài sản ngắn hạn ghi nhận ở mức 1.984,9 tỷ đồng, giảm nhẹ 3,6% so với năm trước. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn giảm nhẹ so với năm trước chiếm 46,4% tổng tài sản, trong khi tài sản dài hạn chiếm 51,6% tổng tài sản.



TỔNG TÀI SẢN CỦA KSB ĐẾN CUỐI NĂM 2023

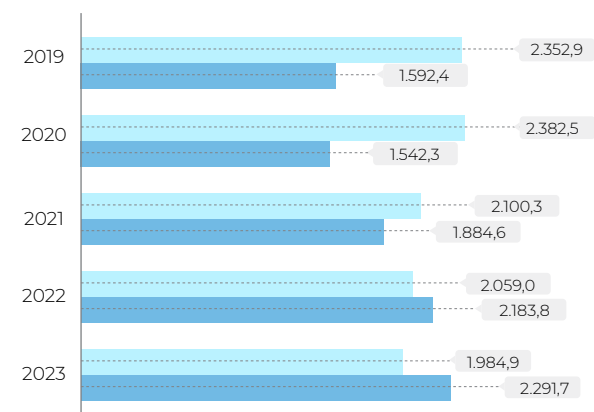
4.276,6

TỶ ĐỒNG

TĂNG NHẸ 0,8% SO VỚI NĂM 2022

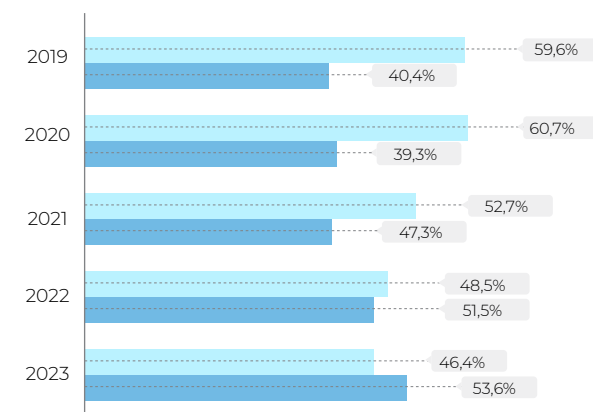
Cơ cấu tổng tài sản (Tỷ đồng)

- Tài sản ngắn hạn
- Tài sản dài hạn



Cơ cấu tổng tài sản (%)

- Tài sản ngắn hạn
- Tài sản dài hạn

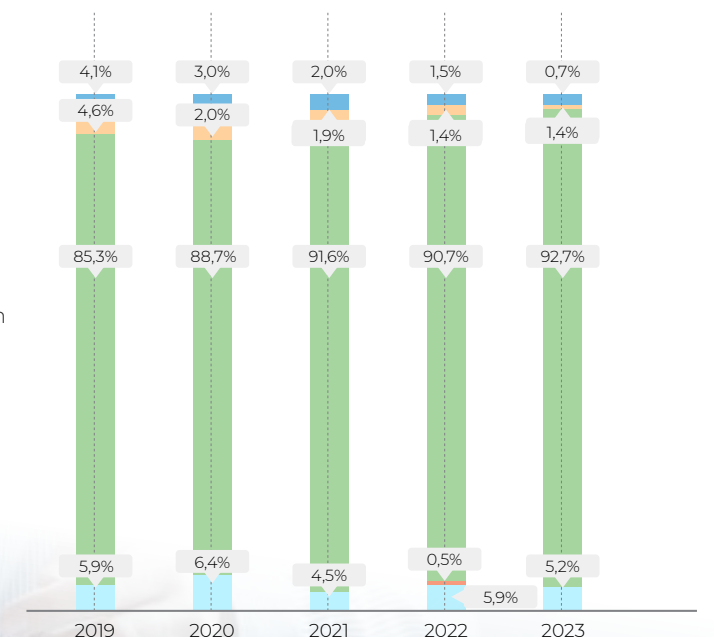


Tài sản ngắn hạn: Đến cuối năm 2023 các khoản phải thu của KSB đạt 1.839,4 tỷ đồng, giảm nhẹ 1,5% so với năm trước và tương ứng tỷ lệ 92,7% tài sản ngắn hạn. Tỷ lệ dự phòng khoản phải thu khó đòi được trích lập ở mức 75,9 tỷ đồng, tương đương 4,3% tổng khoản phải thu. Tiền và tương đương tiền chiếm 5,2% tài sản ngắn hạn với 103,7 tỷ đồng, giảm nhẹ 15,2% so với năm 2022. Hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác chỉ chiếm tổng cộng 2,1%, tương ứng ở mức 28,5 tỷ đồng và 13,2 tỷ đồng.

Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Tiền và các khoản tương đương tiền	5,9%	6,4%	4,5%	5,9%	5,2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0,0%	0,0%	0,0%	0,5%	0,0%
Các khoản phải thu ngắn hạn	85,3%	88,7%	91,6%	90,7%	92,7%
Hàng tồn kho	4,6%	2,0%	1,9%	1,4%	1,4%
Tài sản ngắn hạn khác	4,1%	3,0%	2,0%	1,5%	0,7%
TỔNG CỘNG	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn (%)

- Tiền và các khoản tương đương tiền
- Đầu tư tài chính ngắn hạn
- Các khoản phải thu ngắn hạn
- Hàng tồn kho
- Tài sản ngắn hạn



Phân tích tình hình tài chính

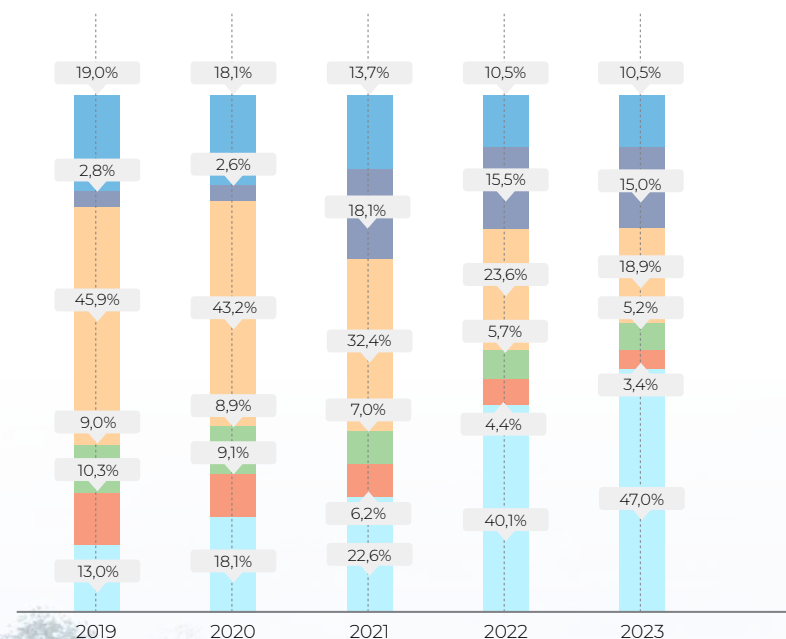
TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Tài sản dài hạn: Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tài sản dài hạn là các khoản phải thu dài hạn ở mức 47% với giá trị 1.077,7 tỷ đồng. Tài sản dở dang dài hạn và Đầu tư tài chính dài hạn là các hạng mục lớn tiếp theo, với giá trị lần lượt đạt 432,5 tỷ đồng và 344,3 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ 18,9% và 15% của tài sản dài hạn.

Cơ cấu tài sản dài hạn	2019	2020	2021	2022	2023
Các khoản phải thu dài hạn	2,4%	13,0%	18,1%	22,6%	47,0%
Tài sản cố định	17,5%	10,3%	9,1%	6,2%	3,4%
Bất động sản đầu tư	14,8%	9,0%	8,9%	7,0%	5,2%
Tài sản dở dang dài hạn	36,0%	45,9%	43,2%	32,4%	18,9%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,9%	2,8%	2,6%	18,1%	15,0%
Tài sản dài hạn khác	26,4%	19,0%	18,1%	13,7%	10,5%
Tổng cộng	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%

Cơ cấu tài sản dài hạn (%)

- Các khoản thu dài hạn
- Tài sản cố định
- Bất động sản đầu tư
- Tài sản dở dang dài hạn
- Đầu tư tài chính dài hạn
- Tài sản dài hạn khác



CƠ CẤU NGUỒN VỐN

Tổng nợ phải trả của Công ty tại thời điểm cuối năm 2023 giảm nhẹ 1% so với năm trước về mức 2.278,9 tỷ đồng, chỉ chiếm tương đương 53,3% tổng nguồn vốn so với mức 54,3% của năm trước. Nguồn vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng cải thiện hơn từ 45,7% lên 46,7% tổng nguồn vốn tài trợ

Nợ phải trả: Tổng nợ ngắn hạn đang ở mức 1.267,9 tỷ đồng, giảm khá mạnh 5,5% so với mức 1.342,0 tỷ đồng của năm trước. Khoản phải trả người bán giảm mạnh 50% xuống

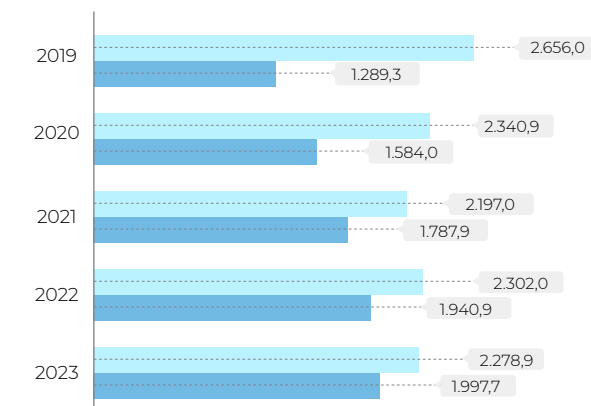
mức 23,5 tỷ đồng. Phải trả ngắn hạn khác giảm 36,6% từ mức 368,0 tỷ đồng xuống còn 233,1 tỷ đồng. Khoản vay ngắn hạn của Công ty duy trì ở mức 769,5 tỷ đồng; trong khi khoản vay dài hạn tăng so với năm trước và đang đứng ở mức 399,9 tỷ đồng.

Vốn chủ sở hữu: Nguồn vốn chủ sở hữu tiếp tục tăng trưởng mạnh với mức 2,9% lên 1.997,7 tỷ đồng nhờ tích lũy lợi nhuận. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 5% lên 1.042,7 tỷ đồng.

Cơ cấu nguồn vốn	2019	2020	2021	2022	2023
Nợ phải trả	67,3%	59,6%	55,1%	54,3%	53,3%
Vốn chủ sở hữu	32,7%	40,4%	44,9%	45,7%	46,7%

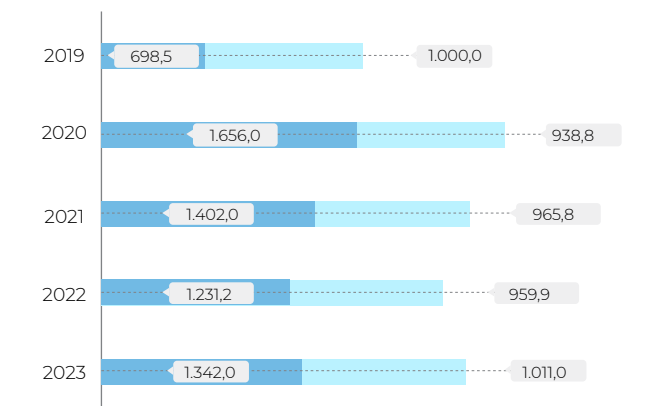
Cơ cấu nguồn vốn (Tỷ đồng)

- Nợ phải trả
- Vốn chủ sở hữu



Cơ cấu nợ phải trả (Tỷ đồng)

- Nợ phải trả
- Vốn chủ sở hữu



Phân tích tình hình tài chính

PHÂN TÍCH DÒNG TIỀN

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	635,3	457,4	44,2	129,8	29,0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(935,3)	(170,2)	(172,6)	(496,4)	(96,7)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	314,2	(275,2)	71,0	394,7	49,2
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	14,3	12,0	(57,4)	28,1	(18,6)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	139,6	151,6	94,2	122,3	103,7

Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh duy trì mức dương 29 tỷ đồng, trong khi dòng tiền từ hoạt động đầu tư âm nhẹ 96,7 tỷ đồng. Năm qua, Công ty đã tăng cường các khoản vay nên lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính đạt 49,2 tỷ đồng.

Tiền và tương đương tiền cuối năm của Công ty đạt 103,7 tỷ đồng. Mặc dù giảm so với năm trước nhưng đây là khoản dự trữ tiền mặt tương đối tích cực giúp Công ty chủ động nguồn thanh khoản và tận dụng các cơ hội đầu tư tiềm năng; trong bối cảnh các doanh nghiệp cùng ngành vẫn đang trong giai đoạn khó khăn.

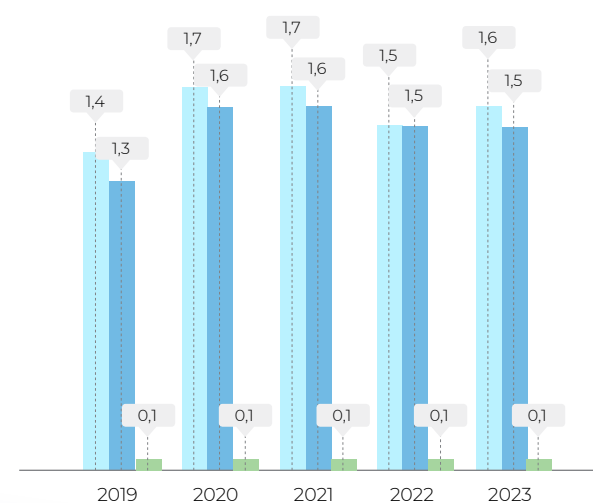
PHÂN TÍCH CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đvt	2019	2020	2021	2022	2023
1. Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán						
Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành)	Lần	1,4	1,7	1,7	1,5	1,6
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,3	1,6	1,6	1,5	1,5
Hệ số thanh toán tiền mặt	Lần	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1
2. Chỉ tiêu về Hiệu quả hoạt động						
Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	51	48	77	81	65
Kỳ lưu kho bình quân	Ngày	43	40	34	23	36
Kỳ trả tiền bình quân	Ngày	29	25	25	29	44
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,4	0,3	0,2	0,2	0,1
3. Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời						
Hệ số lợi nhuận gộp	%	48,8	45,6	46,6	36,9	45,2
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	31,4	30,1	33,7	21,0	19,8
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	25,1	24,8	28,6	17,6	14,0
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROEA)	%	28,6	22,8	15,0	8,2	3,7
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROAA)	%	9,6	8,3	6,4	3,7	1,7
4. Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn						
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	67,4	59,6	55,1	54,3	53,3
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	207,1	147,8	122,9	118,6	114,1

Phân tích tình hình tài chính

KHẢ NĂNG THANH TOÁN

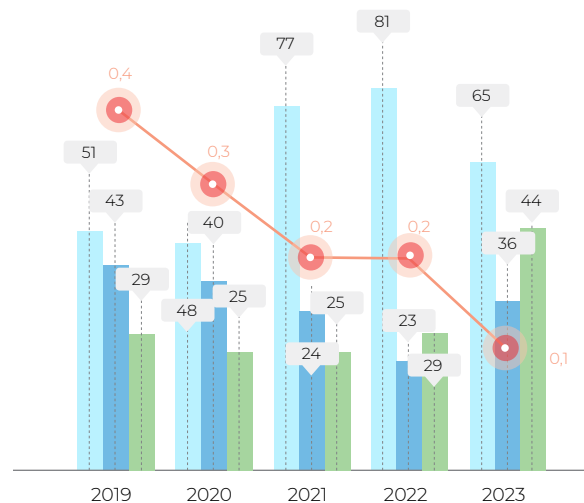
Sức mạnh tài chính của Công ty vẫn tích cực dù bối cảnh kinh doanh trên thị trường vẫn đang gặp nhiều khó khăn. Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành), hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán tiền mặt cải thiện so với các năm trước, đạt tương ứng 1,6, 1,5 và 0,1 lần.



■ Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành)
■ Hệ số thanh toán nhanh
■ Hệ số thanh toán tiền mặt

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

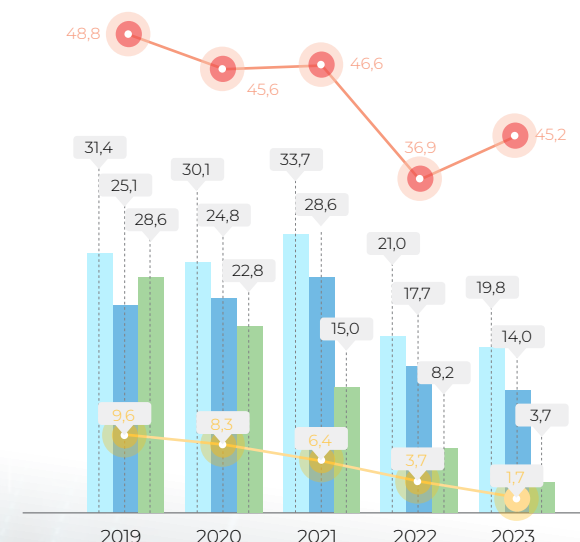
Kỳ thu tiền bình quân có dấu hiệu cải thiện khi giảm từ mức 81 ngày trong năm 2022 xuống còn 65 ngày trong năm 2023. Trong khi đó, chỉ số Kỳ trả tiền bình quân cũng tăng từ 23 ngày lên 36 ngày, và Kỳ lưu kho bình quân tăng từ 29 ngày lên 44 ngày.



■ Kỳ thu tiền bình quân
■ Kỳ lưu kho bình quân
■ Kỳ trả tiền bình quân
● Vòng quay tổng tài sản

KHẢ NĂNG SINH LỜI

Hệ số lợi nhuận gộp của KSB cải thiện từ mức 36,9% tăng lên 45,2% cho thấy hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty vẫn đang khá ổn định. Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế và ngành còn nhiều khó khăn, các hệ số sinh lời của Công ty cũng không khỏi bị ảnh hưởng. Cụ thể, hệ số lợi nhuận hoạt động kinh doanh và hệ số lợi nhuận thuần đạt mức tương ứng 19,8% và 14%. Hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) giảm so với năm trước về mức 3,7% và hệ số lợi nhuận trên tài sản (ROA) ghi nhận ở mức 1,7%. Mức sinh lời được duy trì đã thể hiện những nỗ lực không mệt mỏi của CBNV và Lãnh đạo KSB khi mà cả nền kinh tế và ngành bất động sản, xây dựng chưa thể phục hồi trở lại.



■ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ DTT
■ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu
■ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROEA)
● Hệ số lợi nhuận gộp
● Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROAA)

Trong bối cảnh chung còn nhiều khó khăn, Ban lãnh đạo KSB đã triển khai đồng bộ và quyết liệt nhiều biện pháp quản trị, thực hiện tái cấu trúc Công ty, duy trì hoạt động trên tinh thần tinh gọn để vượt khó và duy trì được những thành tựu SXKD đáng ghi nhận.



Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Theo nhận định, tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024 tiếp tục gặp nhiều trở ngại như: các thủ tục cấp phép, thuê đất, gia hạn, mở rộng diện tích khai thác đang vướng các quy định chồng chéo của pháp luật; thanh khoản của thị trường bất động sản sụt giảm; hàng loạt các dự án phải thu hẹp và dừng triển khai. Mặc dù trong những tháng đầu năm 2024 Nhà nước đã đưa ra nhiều chính sách, giải pháp để thúc đẩy phát triển kinh tế tuy nhiên thị trường sẽ có độ trễ nhất định. Bên cạnh đó diễn biến kinh tế thế giới có xu hướng giảm, thị trường thu hẹp, nguyên vật liệu đầu vào không ổn định đặc biệt là giá xăng dầu. Qua đó tác động rất lớn đến các lĩnh vực, ngành nghề kinh tế nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nói riêng.

CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2023	KẾ HOẠCH 2024	SỐ SÁNH 2024/2023
Kết quả kinh doanh				
Doanh thu	Triệu đồng	646.581	750.000	115,99%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	105.237	130.000	123,53%
Sản lượng tiêu thụ				
Đá xây dựng	m ³	1.811.555	3.500.000	193,20%
Cống bê tông	m	13.610	34.000	249,82%
Khu công nghiệp	ha	11,7	8,0	63,38%

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	KH 2024
I	Đầu tư mở rộng và phục vụ hoạt động Khai thác, chế biến đá	108.300
1.1	Đầu tư mới	85.300
1.2	Sửa chữa	15.500
1.3	Công tác môi trường và quản lý chất lượng sản phẩm	7.500
II	Đầu tư hạ tầng KCN Đất Cước	344.200
III	Đầu tư KCN Hoa Lư	450.000
TỔNG CỘNG		902.500



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

- » Nhanh chóng triển khai thi công các hạng mục cần thiết (đường điện, đường vận chuyển, cầu cống qua suối kết nối Mỏ Tam Lập và Phước Vĩnh...) tại Mỏ Tam Lập nhằm chuẩn bị kịp thời cho Mỏ Tam Lập đi vào hoạt động;
- » Đẩy nhanh thủ tục pháp lý để được cấp giấy chứng nhận đầu tư cho phần mở rộng 340.16 ha của Khu công nghiệp KSB;
- » Đẩy nhanh các thủ tục pháp lý về đất đai mỏ để mở rộng khai trường khai thác kịp thời cho sản xuất của mỏ đá Thiện Tân. Mỏ đá Tân Mỹ;
- » Bám sát, đốc thúc các cơ quan ban ngành để được cấp phép khai thác của Mỏ sét Phước Hoà và gia hạn Mỏ đá Phước Vĩnh;
- » Đẩy nhanh tiến độ thi công các hạng mục công trình để hoàn thành đúng thời gian quy định của Đề án đóng cửa Mỏ đá Tân Đông Hiệp. Mỏ Cao lanh Tân Lập;
- » Tìm kiếm và gia tăng đầu tư vốn tại các công ty cùng ngành nghề kinh doanh;
- » Tiếp tục rà soát xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định quản trị nội bộ;
- » Cân đối nguồn vốn từ các nguồn ngân hàng, nhà đầu tư và khách hàng để đa dạng hóa nguồn vốn nhằm tối ưu hóa sử dụng vốn cho công ty;
- » Quản lý chặt chẽ tình hình công nợ nhằm thu hồi nhanh, hạn chế bị chiếm dụng vốn.
- » Tăng cường việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát trữ lượng khoáng sản nhằm tránh thất thoát khoáng sản và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.



An aerial photograph of a large-scale quarry and aggregate processing plant. The site is characterized by numerous large, conical piles of grey aggregate material, interconnected by a network of conveyor belts and processing machinery. The quarry is situated in a valley, with a dense forest of green trees surrounding the site. In the background, a large industrial building with a white facade and a chimney is visible under a blue sky with scattered clouds. A light blue puzzle graphic is overlaid on the left side of the image, with several pieces missing, revealing the underlying scene.

04

BÁO CÁO (TÓM TẮT) PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 102 Phát triển bền vững - Hòa hòa lợi ích các bên liên quan
- 106 Người lao động: Tinh gọn – chuyên nghiệp – đảm bảo quyền lợi
- 114 Môi trường: Quản lý giảm thiểu tác động - Giảm phát thải
- 119 Cộng đồng: Đóng góp và chia sẻ trách nhiệm

Phát triển bền vững - hài hòa lợi ích các bên liên quan



Để đạt được mục tiêu phát triển bền vững thì việc duy trì mối quan hệ bền vững với các bên liên quan là điều Công ty luôn chú ý. Đặc biệt, chiến lược và chính sách của Công ty được xây dựng không những phải phù hợp với tình hình thực tế mà còn phải đạt được mục tiêu thỏa mãn hài hòa các mối quan tâm và kỳ vọng của các bên liên quan.

Mỗi bên liên quan khác nhau sẽ có những vấn đề quan tâm và sự kỳ vọng cũng như mức độ ảnh hưởng khác nhau đến hoạt động của Công ty; và ngược lại, mức độ ảnh hưởng của Công ty đến các bên liên quan cũng sẽ khác nhau.

Với lĩnh vực hoạt động chính là khai khoáng và phát triển bất động sản, KSB luôn ý thức rõ việc tối đa hóa lợi ích các bên liên quan cần đi cùng với việc hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực đến môi trường, cộng đồng và xã hội.

Theo đó, KSB đặt ra các mục tiêu chiến lược đối với môi trường và xã hội, và gắn kết vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể:

ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn duy trì mức độ khai thác những nguồn tài nguyên ở một giới hạn nhất định cho phép, không làm thoái hoá các ao hồ, sông ngòi, uy hiếp đời sống sinh vật hoang dã, không lạm dụng hoá chất độc hại trong sản xuất kinh doanh, không gây nhiễm độc nguồn nước và lương thực.

Đồng thời, KSB luôn cẩn thận trong việc chọn lựa kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao sản lượng, cũng như mở rộng quy mô sản xuất, khai thác...

ĐỐI VỚI XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG

- » Bảo vệ sức khỏe và an toàn cho người lao động và cộng đồng.
- » Tôn trọng quyền con người, đối xử công bằng, tôn trọng nhân phẩm, văn hoá, tập tục và giá trị con người tham gia hoạt động sản xuất.
- » Quan tâm và chia sẻ đến những trường hợp khó khăn trong địa bàn Công ty hoạt động và các hoàn cảnh cần đến sự giúp đỡ của cộng đồng trong khả năng của mình.

Phát triển bền vững - hài hòa lợi ích các bên liên quan

CÁC NGUỒN LỰC CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



NGUỒN NHÂN LỰC

Con người là yếu tố quan trọng trong chuỗi giá trị bền vững của KSB, là nguồn lực quan trọng giúp công ty thực hiện trách nhiệm với Cổ đông và Nhà đầu tư, Môi trường, và Xã hội cũng như Cộng đồng. Việc chú trọng phát triển con người được xem là một phần quan trọng của KSB trong mục tiêu về trách nhiệm xã hội - một trong ba yếu tố cốt lõi của sự phát triển bền vững.



TRUNG TÂM R&D

KSB đã và đang đầu tư cho hoạt động R&D nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh, đảm bảo đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của thị trường và nâng cao mức độ hài lòng của Khách hàng. Ngoài ra, trung tâm R&D cũng góp một phần đáng kể vào sự phát triển bền vững của Công ty.



QUỸ ĐẤT - QUY HOẠCH KHU CÔNG NGHIỆP

Dựa trên nhu cầu thực tế về đất công nghiệp của các doanh nghiệp sản xuất và tiềm năng mang lại lợi nhuận trong tương lai, KSB đã quy hoạch đất thành khu công nghiệp. Việc quy hoạch khu công nghiệp sẽ đóng góp đáng kể cho việc hoàn thành trách nhiệm tăng trưởng kinh tế của KSB.



THIẾT BỊ KHAI THÁC CHẾ BIẾN

KSB đã mạnh dạn đầu tư và áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến nhất trong lĩnh vực khai thác khoáng sản nhằm nâng cao năng suất và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.



TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

KSB có nguồn tài nguyên đá và kaolin được đánh giá cao về chất lượng và có trữ lượng lớn trong khu vực. Ngoài ra, KSB đã và đang phát triển nguồn tài nguyên mới để nâng cao năng suất nhằm góp phần hoàn thành trách nhiệm tăng trưởng kinh tế bền vững của Công ty

KSB tiếp tục thực hiện riêng Báo cáo Phát triển Bền vững nhằm cung cấp thêm nhiều thông tin chi tiết, thể hiện cam kết mạnh mẽ của Ban lãnh đạo Công ty đối với công tác phát triển bền vững, thực thi hoạt động sản xuất kinh doanh những không quên đi các nghĩa vụ bảo vệ môi trường, đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng-xã hội. Dưới đây là phần trình bày tóm tắt một số nội dung cơ bản về phát triển bền vững của KSB.

Người lao động: Tinh gọn – chuyên nghiệp – đảm bảo quyền lợi

KSB luôn ý thức được rằng nguồn nhân lực chuyên nghiệp, trình độ cao là một thế mạnh cạnh tranh vượt trội của Công ty, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và cạnh tranh thu hút nhân tài cao như hiện nay. Với chủ trương đó, Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, thân thiện, bình đẳng

và luôn trao cơ hội hội thăng tiến cho CBNV nhằm giúp họ phát huy hết năng lực bản thân, đóng góp vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Tất cả người lao động đều được bố trí việc làm phù hợp, ổn định, được ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần.

SỐ LƯỢNG TINH GỌN – CƠ CẤU ĐẢM BẢO HIỆU QUẢ

Trong bối cảnh chung của nền kinh tế và ngành, hoạt động kinh doanh của KSB còn nhiều khó khăn, hoạt động tái cấu trúc, sắp xếp lại liên tục được xem xét nhằm tối đa hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tổng số nhân viên của KSB năm 2023 đạt 241 người, giảm so với năm trước do hoạt động sắp xếp lại công việc nhằm cải thiện hiệu suất. Cụ thể trong năm qua, do bối cảnh còn khó khăn nên Công ty không tuyển dụng mới và thôi việc 69 người. Những nhân viên nghỉ việc đều được giải quyết các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.



Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023
Số lượng nhân viên thuê mới	người	12	16	17	21	0
Số lượng nhân viên thôi việc	người	110	53	46	35	69

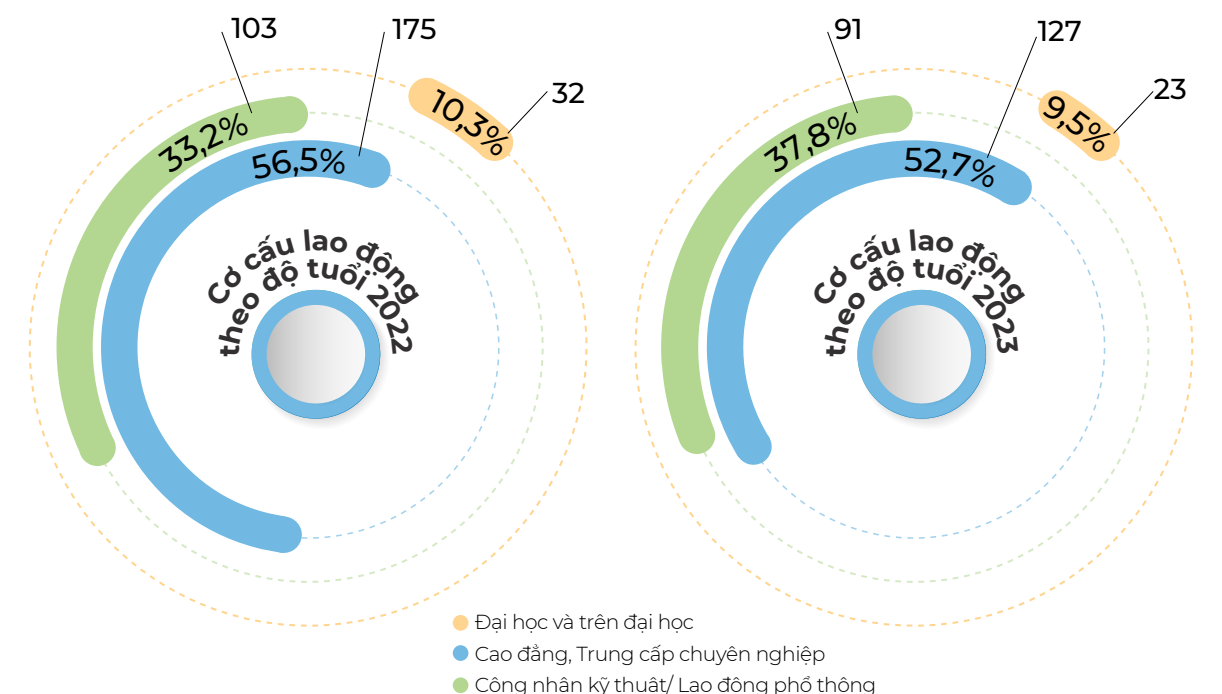
Tuy nhiên, cơ cấu lao động tại công ty vẫn đảm bảo chất lượng cao và đây là lợi thế cạnh tranh không nhỏ của KSB để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh trong tương lai.

Số lao động đạt trình độ đại học trở lên tiếp tục duy trì ở mức cao 91 người, chiếm 37,8% tổng số CBNV; lao động đạt trình độ cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp là 23 người, chiếm

tỷ lệ 9,5%. Có thể thấy lao động có trình độ từ trung cấp trở lên chiếm đến gần một nửa tổng số lao động của Công ty, một tỷ lệ rất cao nếu xét trong các công ty sản xuất tại Việt Nam. Còn lại là 127 lao động công nhân kỹ thuật/ lao động phổ thông, chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu lao động.



Cơ cấu lao động theo trình độ	2019		2020		2021		2022		2023	
	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%/tổng số lao động)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%/tổng số lao động)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%/tổng số lao động)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%/tổng số lao động)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%/tổng số lao động)
Đại học và trên Đại học	119	29,2	115	32,0	105	31,7	103	33,2	91	37,8
Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	53	13,0	43	12,0	38	11,5	32	10,3	23	9,5
Công nhân kỹ thuật/Lao động phổ thông	235	57,7	201	56,0	188	56,8	175	56,5	127	52,7
Tổng cộng	407	100	359	100	331	100	310	100	241	100



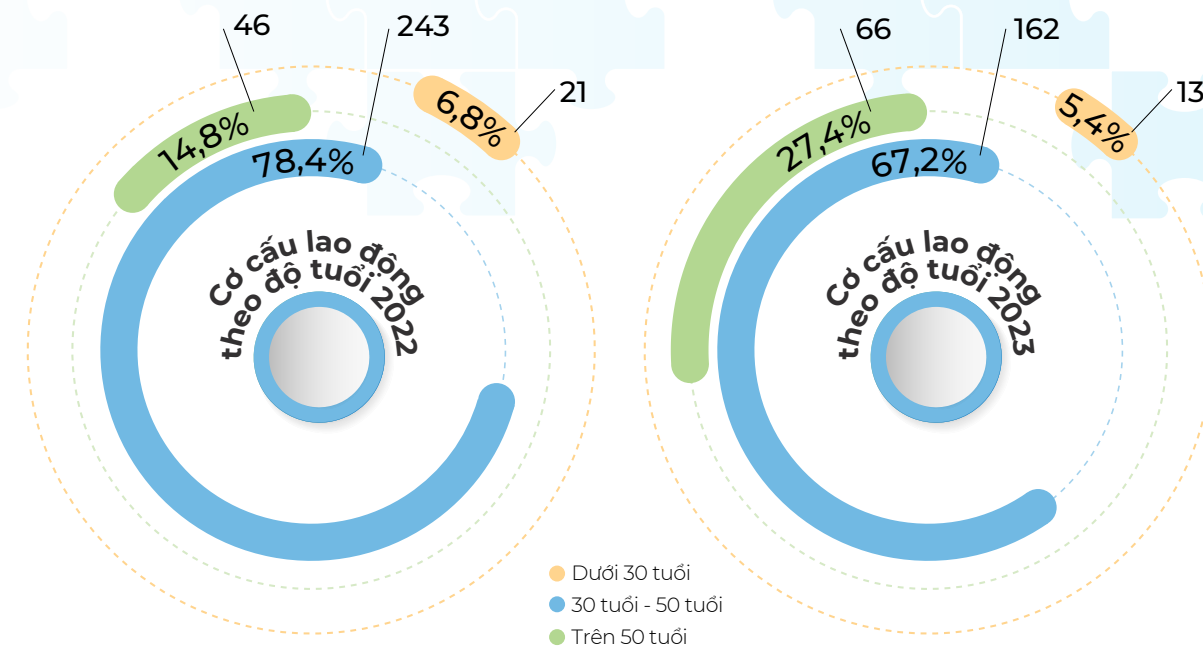
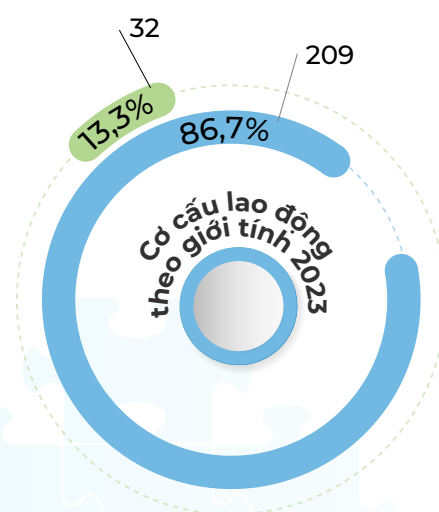
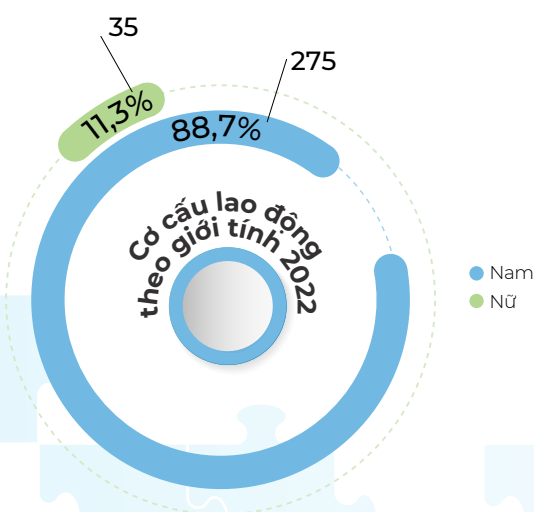
Người lao động: Tinh gọn – chuyên nghiệp – đảm bảo quyền lợi

SỐ LƯỢNG TINH GỌN – CƠ CẤU ĐẢM BẢO HIỆU QUẢ

Với đặc thù ngành nghề xây dựng và khai thác khoáng sản nên tỷ lệ lao động nam chiếm đa số trong cơ cấu lao động, trong khi lao động nữ chỉ chiếm 13% tổng số lao động – đây cũng là điều có thể hiểu được. Lao động của KSB chủ yếu có độ tuổi phân bố trong khoảng dưới 30 tuổi – 50 tuổi với tỷ

lệ 67,2%; đây là độ tuổi chín về kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Số lượng lao động trên 50 tuổi chiếm tỷ trọng 27,4% cơ cấu lao động, đóng vai trò là lực lượng giàu kinh nghiệm, hỗ trợ, dìu dắt thế hệ trẻ, đảm bảo sự kế thừa lãnh đạo trong tương lai.

Cơ cấu lao động theo tiêu chí	2019		2020		2021		2022		2023	
	Số lượng nhân viên	%/ tổng số lao động	Số lượng nhân viên	%/ tổng số lao động	Số lượng nhân viên	%/ tổng số lao động	Số lượng nhân viên	%/ tổng số lao động	Số lượng nhân viên	%/ tổng số lao động
Giới tính										
Nam	347	85,3	306	85,2	293	88,5	275	88,7	209	86,7
Nữ	60	14,7	53	14,8	38	11,5	35	11,3	32	13,3
Độ tuổi										
Dưới 30 tuổi	45	11,1	40	11,1	17	5,1	21	6,8	13	5,4
30 tuổi – 50 tuổi	285	70,0	260	72,4	259	78,2	243	78,4	162	67,2
Trên 50 tuổi	77	18,9	59	16,4	55	16,6	46	14,8	66	27,4



VIỆC LÀM ỔN ĐỊNH – CHẾ ĐỘ ĐÃ NGỘ TÍCH CỰC DÙ BỐI CẢNH CHUNG CỦA NỀN KINH TẾ CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN

Các chính sách phúc lợi cho người lao động luôn được KSB chú trọng trong những năm qua, vì Công ty coi nguồn nhân lực là yếu tố then chốt để duy trì năng lực cạnh tranh, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững. Với tầm quan trọng của nguồn nhân lực, chính sách của KSB được xây dựng với mục đích biến nguồn nhân lực trở thành ưu thế đặc biệt, giữ vai trò quyết định để thực hiện thành công những kế hoạch đã đề ra.

Công ty có chính sách phân bổ mức lương cao hơn mức tối thiểu của vùng là hoạt động giúp loại bỏ sự bất bình đẳng, đồng thời ưu tiên tuyển dụng người dân địa phương tại những nơi Công ty có hoạt động. Đây cũng là một phương thức để Công ty đóng góp vào việc nâng cao mức sống, giúp các địa phương phát triển bền vững.

Chính sách lương thưởng được thực hiện dựa trên hiệu quả làm việc góp phần thu hút nguồn nhân lực và giữ chân nguồn lao động chất lượng cao cũng như tạo động lực làm việc cho toàn thể nhân viên. Vị trí công việc được sắp xếp theo năng lực, đúng người đúng chỗ nhằm tạo ra hiệu quả làm việc cao nhất và tạo cơ hội cho CBNV phát huy tốt năng lực bản thân. Chính sách lương thưởng, phúc lợi của người lao động cũng được xem xét và cập nhật thường xuyên, trong tương quan so sánh với thị trường và các doanh nghiệp trong ngành để đảm bảo quyền lợi của nhân viên, giữ chân nhân tài. Bên cạnh đời sống vật chất, Công ty luôn quan tâm đến các hoạt động chăm lo đời sống tinh thần của người lao động để giúp người lao động yên tâm công hiến, hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.



Người lao động: Tinh gọn – chuyên nghiệp – đảm bảo quyền lợi

VIỆC LÀM ỔN ĐỊNH – CHẾ ĐỘ ĐÃ NGỘ TÍCH CỰC DÙ BỐI CẢNH CHUNG CỦA NỀN KINH TẾ CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN

Hệ thống tiền lương được xây dựng căn cứ vào giá trị đóng góp của công việc, yêu cầu về trình độ, kỹ năng để đảm nhiệm công việc đó đảm bảo mức thu nhập tương xứng với năng lực và cạnh tranh được với thị trường. Bên cạnh tiền lương hàng tháng, CBNV còn được hưởng lương hiệu quả căn cứ vào kết quả thực hiện công việc.

Công ty còn áp dụng chính sách khen thưởng cuối năm, các khoản tiền thưởng vào các dịp Lễ, Tết, thưởng khi Công ty vượt kế hoạch lợi nhuận và khi có sáng kiến cải tiến, chính sách cổ phiếu ESOP để thu hút nhân tài và tăng sự gắn kết của nhân viên. Về đời sống tinh thần, KSB thường xuyên tổ chức các hoạt động họp mặt đầu xuân, chào mừng Ngày Phụ nữ Quốc tế, Ngày Phụ nữ



Việt Nam, giao lưu thể thao, teambuilding, du lịch, hoạt động Công đoàn... nhằm mang lại đời sống tinh thần phong phú cho CBNV.



MỐI QUAN HỆ GIỮA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG TY

Nhân viên tại KSB luôn đối xử hòa nhã thân thiện với nhau, không có tình trạng phân biệt đối xử nào về giới tính, dân tộc, ... xảy ra trong Công ty. Thỏa ước lao động tập thể nhằm đưa ra thống nhất bằng văn bản thỏa thuận giữa tập thể lao động và người sử dụng lao động với những quyền lợi và nghĩa vụ của hai bên để đảm bảo lợi ích hai bên góp phần duy trì sự gắn bó lâu dài giữa người lao động và doanh nghiệp. Ngoài thỏa ước lao động tập thể, Công ty và Công đoàn còn tổ chức hội nghị người lao động định kỳ nhằm tìm hiểu nguyện vọng cũng như khó khăn của người lao động để kịp thời ghi nhận và điều chỉnh, góp phần tăng cường gắn kết giữa Công ty và người lao động.

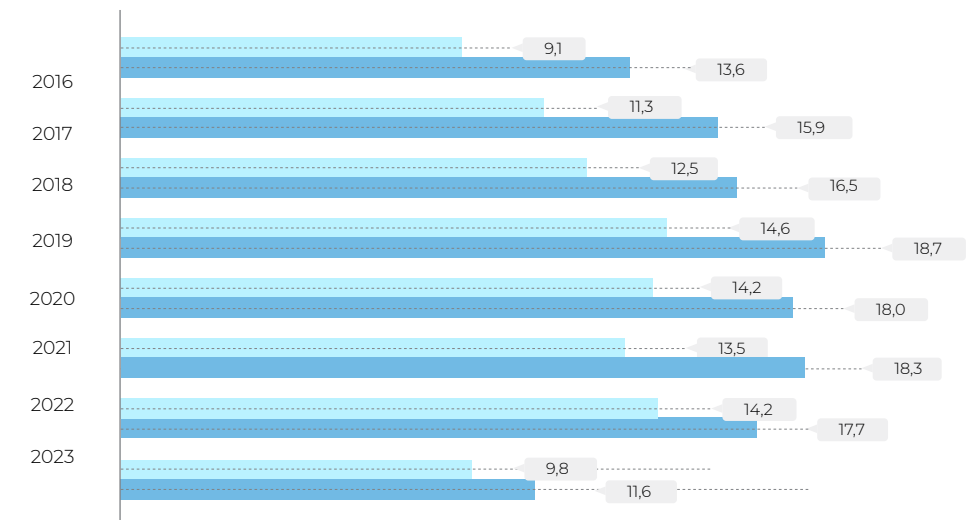


EVT: Triệu VND

Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Mức lương bình quân/tháng	14,6	14,2	13,5	14,2	9,8
Thu nhập bình quân/tháng	18,7	18,0	18,3	17,7	11,6

Lương và thu nhập bình quân tháng (Triệu VND)

Mức lương bình quân tháng
Thu nhập bình quân tháng



Người lao động: Tinh gọn – chuyên nghiệp – đảm bảo quyền lợi

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN: TIẾP TỤC DUY TRÌ ĐỂ ĐẢM BẢO HIỆU QUẢ VÀ LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG KẾ THỪA

Xây dựng đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn cao đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững của một doanh nghiệp. Vì thế, KSB đã và đang đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh cho Công ty đồng thời chuẩn bị sẵn sàng lực lượng lao động kế thừa, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, liên tục.

Các lớp đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện kỹ thuật cho người lao động đồng thời đưa cán bộ cấp quản lý và công nhân tiêu biểu tham gia các lớp tập huấn nâng cao tay nghề do các đơn vị khác tổ chức. Ngoài ra, các lớp đào tạo nội bộ về an toàn lao động, an toàn vận hành, bảo dưỡng sửa chữa cũng được tổ chức cho CBNV làm việc trực tiếp trong môi trường có nhiều yếu tố rủi ro nhằm nâng cao nhận thức của người lao động.

Công ty luôn dành một khoản ngân sách khá lớn để thực hiện nhiều khóa đào tạo phù hợp với nhiều đối tượng khác nhau. Năm 2023, KSB đã tổ chức nhiều khóa học



đa dạng, với tổng số lượt người tham dự đạt 208 lượt, với tổng chi phí 19,5 triệu đồng. Bên cạnh đó, KSB tổ chức các cuộc trao đổi quy mô nhỏ, nhằm chia sẻ kinh nghiệm nghiệp vụ, giúp CBNV nắm vững các kỹ năng yêu cầu trong công việc.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023
1	Số lượng khóa đào tạo	Khóa	3	3	3	3	1
a	Đào tạo nội bộ	Khóa	1	-	1	-	1
b	Đào tạo bên ngoài	Khóa	2	1	4	3	0
2	Số lượt người tham dự đào tạo	Lượt người	591	439	174	208	
a	Cấp độ nhân viên	Lượt người	503	125	397	154	181
b	Cấp độ quản lý	Lượt người	88	3	42	20	27
3	Số giờ đào tạo/ nhân viên	Giờ	4295	960	232	1,760	0,269
4	Chi phí dành cho hoạt động đào tạo		0,11	0,050	0,164	0,075	0,020
a	Chi phí kế hoạch dành cho đào tạo	Tỷ đồng	0,11	0,250	0,164	0,075	-
b	Chi phí đào tạo sử dụng thực tế	Tỷ đồng	0,11	0,050	0,165	0,075	0,020
c	Tỷ trọng chi phí thực tế/ngân sách	%	100	20%	101%	100%	

AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP: MỐI QUAN TÂM HÀNG ĐẦU

Công tác an toàn, vệ sinh lao động và sức khỏe nghề nghiệp là một trong những công tác được Công ty quản lý nghiêm ngặt nhằm đảm bảo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động cũng như đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được liên tục và không bị gián đoạn bởi các tai nạn sự cố.

Người lao động luôn được trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân. Ngoài ra, các chế độ về an toàn, vệ sinh lao động cũng được Công ty tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định hiện hành. Công tác an toàn, vệ sinh lao động được quản lý nghiêm ngặt. Hoạt động kiểm định và hiệu chuẩn các máy, thiết bị, vật tư

có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được Công ty đảm bảo thực hiện theo đúng yêu cầu của pháp luật.

Hoạt động truyền thông về an ninh, an toàn được công ty duy trì hàng năm nhằm giúp các bên liên quan nâng cao ý thức về an ninh, an toàn. Cụ thể: truyền thông về an ninh, an được thực hiện định kỳ hàng năm với mục đích phổ biến những thông tin và quy định liên quan đến các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị của Công ty, Khách hàng, người lao động làm việc trong khu công nghiệp và người dân địa phương. Đồng thời, những thực trạng và nguy cơ cần phòng tránh cũng được đưa ra thảo luận

nhằm giúp người dân, chính quyền và doanh nghiệp hiểu hơn về những rủi ro tiềm ẩn để có biện pháp phòng ngừa, hỗ trợ và kiểm soát hiệu quả an ninh, an toàn tại các mỏ khai thác. Các đoàn kiểm tra luôn đánh giá cao về mức độ chấp hành và bảo đảm an toàn tại các đơn vị SXKD trong quản lý sử dụng vật liệu nổ, phòng cháy chữa cháy và an ninh trật tự.

Về sức khỏe nghề nghiệp, để đảm bảo sức khỏe nghề nghiệp cho CBNV, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ và xếp loại sức khỏe cho toàn bộ CBNV. Lao động nữ và lao động làm việc trong điều kiện độc hại được tổ chức khám sức khỏe chuyên sâu định kỳ.



Môi trường: Quản lý giảm thiểu tác động - giảm phát thải



Công tác bảo vệ môi trường luôn được Công ty coi trọng và thường xuyên kiểm tra, yêu cầu các đơn vị thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết. Công ty luôn duy trì mức độ khai thác những nguồn tài nguyên ở một giới hạn nhất định cho phép. Đối với các khu vực xung quanh, Công ty luôn có chủ trương không làm ảnh hưởng đến sự đa dạng sinh học đời sống sinh vật hoang dã, không tác động đến môi trường tự nhiên, không lạm dụng hoá chất độc hại, không gây nhiễm độc nguồn nước và lương thực...

Bên cạnh đó, KSB đã chuyển dần từ phát triển theo chiều rộng sang chiều sâu và tích cực xây

dựng và cải tiến các cơ chế, chính sách liên quan đến bảo vệ, khai thác và sử dụng khoáng sản một cách hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả cao hơn.

Công ty đã và đang ưu tiên đầu tư các công nghệ hiện đại góp phần tiết kiệm năng lượng – nước sử dụng và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Để đạt được mục tiêu và cam kết đã đề ra, Công ty đã xây dựng chính sách với 3 nội dung chính là: (1) Xây dựng hệ thống quản lý, quy trình; (2) Sử dụng tiết kiệm nguồn nhiên liệu, điện, nước và có các giải pháp để xử lý chất thải không gây ô nhiễm môi trường; (3) Tuân thủ tuyệt đối các quy định pháp luật về môi trường.



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ về mặt giấy phép, quy trình, thủ tục theo luật định, thực hiện đầy đủ các hồ sơ đã cam kết theo đúng Quy định của Pháp luật: Đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại, hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại, rác thải sinh hoạt; giấy phép xả thải vào nguồn nước; giấy phép khai thác và sử dụng nước ngầm; kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đầy đủ; nộp tiền ký quỹ bảo vệ môi trường đối với các mỏ khoáng sản. Thực hiện giám sát môi trường định kỳ theo đúng cam kết.

Cụ thể, toàn bộ nhà máy, xí nghiệp của KSB đều được thực hiện đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường trước khi hoạt động. Hoạt động đo đạc, giám sát môi trường được thực hiện định kỳ 1 quý/lần và báo cáo lên các cơ quan chức năng nhằm đảm bảo việc chấp hành nghiêm ngặt quy định của pháp luật về môi trường. Trong trường hợp có các yêu cầu khắc phục từ cơ quan chức năng, Công ty luôn thực hiện một cách nghiêm túc và thực hiện đúng các yêu cầu luật định.

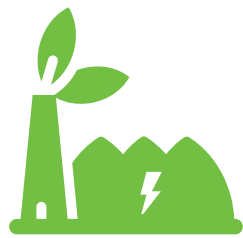
Đối với bộ phận văn phòng, KSB thường xuyên phổ biến các quy định về vệ sinh môi trường và giữ gìn vệ sinh nơi làm việc cho toàn thể CBNV trong Công ty vì chỉ cần mỗi cá nhân có hành động nhỏ sẽ tạo ra được đóng góp đáng kể cho công tác bảo vệ môi trường. Việc chung tay giữ gìn vệ sinh nơi làm việc sẽ giúp CBNV bảo vệ sức khỏe và an toàn của chính mình và cũng là để bảo vệ môi trường.

Bên cạnh đó, Công ty kiểm tra và thường xuyên nâng cấp hệ thống xử lý nước thải cũng như kiểm tra chặt chẽ các hoạt động kiểm tra bảo dưỡng, bảo trì và hiệu chuẩn máy móc định kỳ nhằm nâng cao hiệu suất, tuổi thọ của máy móc và đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí được áp dụng thường xuyên như: Phun tưới nước tại những vị trí phát tán bụi của máy xay nghiền đá; tưới nước dọc các tuyến đường vận chuyển; trồng cây xanh xung quanh mỏ, nhà xưởng, khu vực sản xuất. Chở hàng đúng khổ, đúng tải, phủ bạt kín thùng xe, quét dọn đường vận chuyển.

Năm 2023, KSB không có vi phạm hay bị phạt vì vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Môi trường: Quản lý giảm thiểu tác động - giảm phát thải



KSB TÍCH CỰC TRUYỀN THÔNG VỀ VẤN ĐỀ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG TRONG NỘI BỘ CÔNG TY NHẪM NÂNG CAO Ý THỨC CỦA MỖI CBNV NHẪM GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC ĐẾN MÔI TRƯỜNG

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG VÀ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Công ty chủ yếu phát sinh lượng điện và dầu DO sử dụng cho máy móc thiết bị trong quá trình vận hành khai thác, sản xuất kinh doanh. Lượng khí nhà kính phát thải, vì vậy, cũng phần lớn phát sinh từ hoạt động này.

Bên cạnh việc đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, KSB luôn có ý thức hạn chế sử dụng các nguồn năng lượng, nhiên liệu, nước... để vừa giảm thiểu chi phí, tăng hiệu quả kinh doanh và giảm tiêu hao nguồn tài nguyên. KSB tích cực truyền thông về vấn đề tiết kiệm năng lượng trong nội bộ Công ty nhằm nâng cao ý thức của mỗi CBNV nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và góp phần giảm thiểu chi phí SXKD, nâng cao hiệu suất hoạt động. Ngoài ra, KSB còn khuyến khích CBNV đưa ra các sáng kiến, sáng tạo tiết kiệm năng lượng, và tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật vào SXKD để nâng cao hiệu suất, giảm chi phí cũng như hạn chế phát thải khí nhà kính.

LƯỢNG NHIÊN LIỆU/NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ & PHÁT THẢI CO₂

Loại nhiên liệu, năng lượng	ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023	Tăng/giảm (%)	Hệ số phát thải CO ₂	Phát thải CO ₂ (tấn)
Điện sử dụng	Kwh	21.332.934	19.043.972	19.043.972	13.780.571	7.937.346	-42,4%	0,7221 tCO ₂ /MWh	5.731,6
Dầu DO	tấn	204,4	273,2	273,2	112,3	24,6	-78,1%	3,165 tCO ₂ /tấn	77,8

LƯỢNG ĐIỆN TIÊU THỤ & PHÁT THẢI CO₂ TẠI MỘT SỐ ĐƠN VỊ TIÊU BIỂU

Loại nhiên liệu, năng lượng	ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023	Tăng/giảm (%)	Hệ số phát thải CO ₂ (tCO ₂ /MWh)	Phát thải CO ₂ (tấn)
Phước Vĩnh	Kwh	7.233.400	7.676.500	7.643.600	7.345.900	603.900	-91,78%	0,7221	436
Tân Mỹ	Kwh	4.816.925	4.732.440	4.442.038	5.992.611	5.575.638	-6,96%	0,7221	4.026
Phước Hòa	Kwh			142.880	77.240	2.800	-96,37%	0,7221	2
Bê Tông	Kwh	206.430	212.720	192.070	207.360	53.080	-74,40%	0,7221	38
Văn phòng	Kwh	192.760	163.730	136.490	157.460	157.460	0,00%	0,7221	114
TỔNG CỘNG	Kwh	14.449.515	12.785.390	12.557.078	13.780.571	6.392.878	-53,61%	0,7221	4.616



TIÊU THỤ NƯỚC

KSB sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt và SXKD, với nguồn nước đang sử dụng được cung cấp bởi Công ty cấp thoát nước tỉnh Bình Dương. Lượng nước tiêu thụ được tính theo tổng hóa đơn thanh toán tiền nước mỗi tháng và được tính trên tình trạng sản lượng sản xuất cụ thể trong tháng.

KSB luôn kiểm soát chặt chẽ các khâu xử lý nước thải, chất thải nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường cũng như đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các cơ sở sản xuất không gây tác động xấu đến môi trường, đa dạng sinh học tại địa bàn hoạt động. KSB đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải và hồ chứa nước sau xử lý để tái sử dụng cho các mục đích khác như tưới cây, tưới đường để giảm thiểu bụi trong khuôn viên công ty thay cho nước máy. Với hoạt động này, KSB đã tiết kiệm được đáng kể lượng nước tiêu thụ và góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên này.

LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG TẠI MỘT SỐ ĐƠN VỊ TIÊU BIỂU

Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023
Phước Vĩnh	m ³	121.617	114.779	112.432	83.901	-
Tân Mỹ	m ³	150.447	121.505	48.030	95.238	89.231
Phước Hòa	m ³		129.023	18.399	-	-
Minh Long	m ³		544	600	-	-

Môi trường: Quản lý giảm thiểu tác động - giảm phát thải



HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Việt Nam đã thể hiện cam kết rất cao khi đặt mục tiêu đưa mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Ngoài ra, Việt Nam cũng đã đề ra Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn đến 2025 với 3 nhiệm vụ chính là cắt giảm phát thải nhà kính, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tăng cường sản xuất xanh.

Đây là nguyên nhân dẫn đến việc thị trường vốn truyền thống đang dần được dịch chuyển sang thị trường vốn xanh để tạo ra kênh tài chính có sức ảnh hưởng lớn và bền vững hơn phục vụ cho việc thực hiện chiến lược đã đề ra.

KSB hiểu được rằng để đạt được sự phát triển bền vững thì việc kết hợp mục tiêu tăng trưởng về kinh tế với trách nhiệm cộng đồng, xã hội và môi trường. Do đó, việc rà soát và điều chỉnh các quy trình liên quan luôn được KSB chú trọng nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và các bên liên quan. KSB còn đầu tư vào công nghệ tiên tiến nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực cũng như nâng cao hiệu suất; đồng thời tăng đầu tư cho công tác R&D để sản xuất các loại vật liệu mới như cát nhân tạo, giảm ảnh hưởng tiêu cực đến tự nhiên.



Cộng đồng: Đóng góp và chia sẻ trách nhiệm

Đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp không chỉ dừng lại ở hoạt động kinh tế mà còn ở những giá trị bền vững mà doanh nghiệp đó mang lại cho cộng đồng - xã hội. Là một truyền thống của KSB, Công ty thường xuyên có những hoạt động chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân địa phương như tạo cơ hội việc làm cho lao động địa phương, hay những chương trình thiện nguyện góp phần chia sẻ khó khăn với người dân tại địa bàn hoạt động của mình. Các hoạt động cộng đồng này luôn được Ban lãnh đạo và CBNV toàn Công ty tích cực hưởng ứng tham gia.

Một số chương trình KSB luôn tích cực tham gia trong suốt các năm qua có thể kể đến như chương trình “Mẹ đỡ đầu - Yêu thương và sẻ chia”, Hỗ trợ Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương, Hỗ trợ cho các trường học, Viếng thăm và tri ân các gia đình thương binh liệt sỹ, người có công với cách mạng...

Tổng số tiền đóng góp cho hoạt động cộng đồng, an sinh xã hội trong năm 2023 là 2,5 tỷ đồng.

Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết trong **Báo cáo Phát triển bền vững năm 2023** được chúng tôi lập riêng.



2.500.000.000

ĐỒNG

TỔNG CHI PHÍ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023



Cộng đồng: đóng góp và chia sẻ trách nhiệm

ĐÓNG GÓP KINH TẾ

GIÁ TRỊ KINH TẾ TẠO LẬP

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2019	2020	2021	2022	2023	Tăng/Giảm (%)
Doanh thu	1.314,0	1.322,5	884,3	859,1	528,6	-38,5%
Doanh thu tài chính	32,1	63,0	102,7	93,9	79,7	-15,2%
Doanh thu khác	20,6	21,2	18,5	27,1	38,3	41,2%
Tổng cộng	1.366,7	1.406,7	1.005,6	980,1	646,6	-34,0%

GIÁ TRỊ KINH TẾ PHÂN BỐ

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2019	2020	2021	2022	2023	Tăng/Giảm (%)
Chi phí hoạt động kinh doanh	945,1	1.025,1	387,0	227,6	142,4	-37,4%
Lương thưởng và phúc lợi của người lao động	74,5	63,0	48,3	48,3	33,5	-30,5%
Chi phí tài chính	81,5	101,5	94,6	135,1	160,6	18,9%
<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>80,6</i>	<i>99,0</i>	<i>94,6</i>	<i>135,1</i>	<i>160,6</i>	<i>18,9%</i>
<i>Cổ tức bằng tiền</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Chi phí đầu tư tài sản cố định	189,4	97,5	173,0	509,0	217,9	-57,2%
Nộp ngân sách Nhà nước	311,0	253,6	141,2	141,2	73,6	-47,9%
Đóng góp cho cộng đồng và xã hội	9,9	4,5	5,7	3,1	2,5	-19,4%
Tổng cộng	1.611,4	1.482,1	849,8	1.064,3	630,6	-40,8%



05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

- 124 Thông tin chung
- 126 Báo cáo của Ban Điều hành
- 127 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 129 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 131 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 132 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 134 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Thông tin chung

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4603000226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 27 tháng 4 năm 2006, sau đó điều chỉnh thành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3700148825 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã chứng khoán KSB theo Quyết định số 164/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 20 tháng 1 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cụm công nghiệp; cung cấp dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 8 Nguyễn Thị Minh Khai, Tổ 9, Khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Tấn Đạt	Chủ tịch	
Ông Trần Đình Hà	Thành viên	
Ông Hoàng Nguyên Bình	Thành viên độc lập	
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên độc lập	
Ông Trần Hoàng Anh	Thành viên	
Ông Lê Hoài Nam	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên	từ nhiệm ngày 9 tháng 6 năm 2023

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Nguyên Bình	Chủ tịch
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Đình Hà	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đình Đông	Phó Tổng Giám đốc	bỏ nhiệm ngày 19 tháng 2 năm 2024
Ông Đặng Quang Thung	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2023
Ông Nguyễn Quốc Phòng	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2023

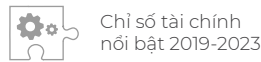
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Tấn Đạt.

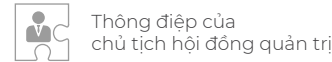
Ông Trần Đình Hà được Ông Phan Tấn Đạt ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 09/2022/GUQ-KS ngày 21 tháng 7 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

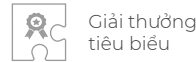
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



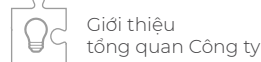
Chỉ số tài chính nổi bật 2019-2023



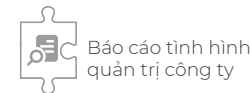
Thông điệp của chủ tịch hội đồng quản trị



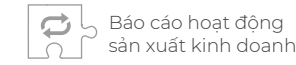
Giải thưởng tiêu biểu



Giới thiệu tổng quan Công ty



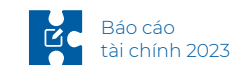
Báo cáo tình hình quản trị công ty



Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh



Phát triển bền vững



Báo cáo tài chính 2023

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (“Công ty”) trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



TRẦN ĐÌNH HÀ

Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2024



Ernst & Young Law Vietnam Limited
20th floor, Bitexco Financial Tower,
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City S.R. of Vietnam

Tel +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61354722/22012538-HN

Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



LÊ VŨ TRƯỜNG

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2024



ĐẶNG NGUYỄN HƯƠNG

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 5041-2024-004-1

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

B01 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.984.914.732.339	2.058.952.095.072
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	103.747.605.098	122.310.178.437
111	1. Tiền		103.747.605.098	112.310.178.437
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	10.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	10.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	17	-	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.839.359.140.467	1.867.221.684.021
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	174.318.683.092	187.575.318.780
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	6.006.769.464	10.449.002.178
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	223.361.089.890	239.361.089.890
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.511.562.472.240	1.496.400.737.629
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(75.889.874.219)	(66.564.464.456)
140	IV. Hàng tồn kho	10	28.547.468.767	28.357.356.032
141	1. Hàng tồn kho		28.547.468.767	28.357.356.032
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.260.518.007	31.062.876.582
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	13.194.357.906	31.006.708.901
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		66.160.101	56.167.681
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.291.725.676.197	2.183.820.151.356
210	I. Khoản phải thu dài hạn		1.077.697.524.250	876.404.385.860
211	1. Phải thu dài hạn khách hàng	5	2.600.000.000	7.800.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.075.097.524.250	868.604.385.860
220	II. Tài sản cố định		78.618.951.479	96.765.612.976
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	78.618.951.479	84.264.509.092
222	Nguyên giá		325.034.075.428	309.354.823.679
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(246.415.123.949)	(225.090.314.587)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	-	12.415.516.921
225	Nguyên giá		-	21.142.793.626
226	Giá trị hao mòn lũy kế		-	(8.727.276.705)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	-	85.586.963
228	Nguyên giá		1.859.582.990	1.859.582.990
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.859.582.990)	(1.773.996.027)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	119.068.646.435	125.379.460.022
231	1. Nguyên giá		198.994.282.106	198.994.282.106
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(79.925.635.671)	(73.614.822.084)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	16	432.463.226.076	516.049.670.432
242	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		432.463.226.076	516.049.670.432
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		344.276.248.989	338.953.583.945
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	17	344.276.248.989	32.647.583.945
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17	-	306.306.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		239.601.078.968	230.267.438.121
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	202.882.832.285	186.557.096.990
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.3	4.585.123.809	4.436.524.284
269	3. Lợi thế thương mại	18	32.133.122.874	39.273.816.847
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.276.640.408.536	4.242.772.246.428

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01 – DN/HN

VND

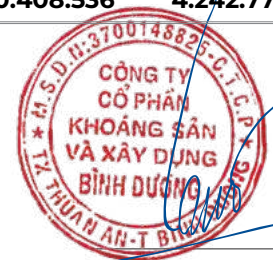
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.278.903.875.484	2.301.911.131.618
310	I. Nợ ngắn hạn		1.267.904.533.775	1.341.966.239.032
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19.1	23.518.177.781	47.024.767.908
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.2	64.691.078.617	687.441.315
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	92.011.971.942	64.320.928.996
314	4. Phải trả người lao động		3.531.575.807	2.971.326.593
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	26.103.997.355	37.381.722.809
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	17.609.867.280	20.756.639.928
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	233.146.702.360	367.997.804.237
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	769.503.149.263	758.029.979.742
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25	37.788.013.370	42.795.627.504
330	II. Nợ dài hạn		1.010.999.341.709	959.944.892.586
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	22	543.693.201.157	571.087.012.374
337	2. Phải trả dài hạn khác	23	40.972.791.560	2.978.363.275
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24	399.876.000.000	357.669.626.261
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	26	26.457.348.992	28.209.890.676
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.997.736.533.052	1.940.861.114.810
410	I. Vốn chủ sở hữu	27.1	1.997.736.533.052	1.940.861.114.810
411	1. Vốn cổ phần		766.312.020.000	766.312.020.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		766.312.020.000	766.312.020.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.658.500	1.658.500
415	3. Cổ phiếu quỹ		(3.354.000.000)	(3.354.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		192.075.504.149	184.725.312.353
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.042.701.350.403	993.176.123.957
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		991.639.428.469	883.656.017.956
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		51.061.921.934	109.520.106.001
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.276.640.408.536	4.242.772.246.428



LƯƠNG TRỌNG TÍN
Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG TÂM
Kế toán trưởng



TRẦN ĐÌNH HÀ
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02 – DN/HN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	528.626.774.295	859.149.585.991
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	(2.494.000)	(43.190.000)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	528.624.280.295	859.106.395.991
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(289.528.133.336)	(542.110.057.065)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		239.096.146.959	316.996.338.926
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	79.666.413.049	93.901.793.925
22	7. Chi phí tài chính	30	(160.611.197.651)	(135.109.191.567)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(160.592.437.202)	(135.109.191.567)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	17.1	9.822.665.044	(2.211.249.698)
25	9. Chi phí bán hàng	31	(12.979.768.779)	(40.304.753.828)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(50.431.304.194)	(52.948.621.642)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		104.562.954.428	180.324.316.116
31	12. Thu nhập khác	33	38.290.201.461	27.109.932.451
32	13. Chi phí khác	33	(37.574.103.752)	(23.341.738.365)
40	14. Lợi nhuận khác		716.097.709	3.768.194.086
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		105.279.052.137	184.092.510.202
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.1	(31.661.964.906)	(31.322.756.246)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	35.3	148.599.525	(686.319.070)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		73.765.686.756	152.083.434.886
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	35	802	1.718
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	35	802	1.718



LƯƠNG TRỌNG TÍN
Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG TÂM
Kế toán trưởng



TRẦN ĐÌNH HÀ
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

B03 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		105.279.052.137	184.092.510.202
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và bất động sản đầu tư (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	12, 13, 14, 15, 18	117.665.779.884	178.488.693.237
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		7.572.868.079	(4.540.546.314)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(90.674.263.278)	(98.467.249.773)
06	Chi phí lãi vay	30	160.592.437.202	135.109.191.567
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		300.435.874.024	394.682.598.919
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(777.198.066)	147.000.279.485
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(190.112.735)	11.338.747.034
11	Giảm các khoản phải trả		(107.063.576.540)	(283.432.077.688)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		15.406.882.525	30.365.148.991
14	Tiền lãi vay đã trả		(151.500.446.048)	(96.395.745.818)
15	Thuế TNDN đã nộp	20	(12.024.252.105)	(36.073.600.126)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	25	(15.297.882.648)	(37.636.186.238)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		28.989.288.407	129.849.164.559
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(217.904.249.263)	(508.999.664.482)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		-	2.000.000.000
23	Tiền chi cho vay và gửi ngân hàng có kỳ hạn		-	(62.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		26.000.000.000	20.000.000.000
27	Lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức được chia		95.186.308.097	52.591.442.265
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(96.717.941.166)	(496.408.222.217)

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	27.1	-	30.000.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		943.281.298.769	989.300.478.234
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	24	(891.221.508.696)	(614.234.013.549)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(2.893.710.653)	(10.386.950.974)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		49.166.079.420	394.679.513.711
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(18.562.573.339)	28.120.456.053
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		122.310.178.437	94.189.722.384
70	Tiền cuối năm	4	103.747.605.098	122.310.178.437

LƯƠNG TRỌNG TÍN
Người lập biểu

NGUYỄN HOÀNG TÂM
Kế toán trưởng



TRẦN ĐÌNH HÀ
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4603000226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 27 tháng 4 năm 2006 sau đó điều chỉnh thành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3700148825 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã chứng khoán KSB theo Quyết định số 164/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 20 tháng 1 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Nhóm Công ty là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cụm công nghiệp; cung cấp dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty đối với hoạt động kinh doanh khoáng sản là 12 tháng và hoạt động đầu tư các dự án cho thuê khu công nghiệp là từ 36 đến 60 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 8 Nguyễn Thị Minh Khai, Tổ 9, Khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 241 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 310).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có bốn (4) công ty con trực tiếp, một (1) công ty liên kết trực tiếp và một (1) công ty liên kết gián tiếp như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
(1) Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB	Tỉnh Bình Dương	Phát triển khu công nghiệp	100	100
(2) Hợp tác xã Dịch vụ vận tải Khai khoáng Thăng Long	Tỉnh Đồng Nai	Khai thác khoáng sản	100	100
(3) Công ty TNHH Đầu tư KSB	Tỉnh Bình Dương	Hoạt động đầu tư, dịch vụ tài chính	100	100
(4) Công ty TNHH Cao lanh Minh Long KSB	Tỉnh Bình Phước	Khai thác khoáng sản	100	100
(5) Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Tỉnh Thanh Hóa	Cung cấp vật liệu xây dựng	50	50
(6) Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa (Thuyết minh số 17)	Tỉnh Đồng Nai	Khai thác khoáng sản, cung cấp vật liệu xây dựng	9,59	-

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- » Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- » Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- » Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- » Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- » Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Nhóm Công ty là Kế toán máy tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát các công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với các công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối năm với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và hàng hóa
 - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm
 - giá gốc thành phẩm áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Quyền sử dụng đất	6 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Nhóm Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 30 năm
Quyền sử dụng đất	38 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Đất và hạ tầng khu công nghiệp cho thuê	38 năm

Đối với các bất động sản đầu tư cho thuê dài hạn có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ mà doanh thu được ghi nhận một lần cho toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước như được trình bày tại *Thuyết minh số 3.20*, khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư này được ghi nhận toàn bộ một lần cùng thời điểm ghi nhận doanh thu.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến các dự án khu công nghiệp, mỏ đá, mỏ sét mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí đất, chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty, và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Chi phí đền bù và chi phí cấp quyền khai thác

Chi phí đền bù và chi phí cấp quyền khai thác gắn liền với chi phí phát triển phát sinh trong quá trình khai mỏ khoáng vật và được vốn hóa như chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ dựa trên sản lượng khoáng vật được khai thác.

Chi phí hoa hồng

Chi phí hoa hồng môi giới được ghi nhận phù hợp với doanh thu.

Công cụ dụng cụ

Công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ từ 2 đến 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Nhà nước trong thời hạn 48 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá trị hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.13 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Nhóm Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phân thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.16 Các khoản dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Nhóm Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

3.17 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.18 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê ghi nhận hàng kỳ

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cho thuê ghi nhận một lần

Đối với trường hợp cho thuê tài sản có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ và thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Nhóm Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- » Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Nhóm Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- » Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- » Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; và
- » Nhóm Công ty phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.23 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	196.591.318	494.399.351
Tiền gửi ngân hàng	103.551.013.780	111.815.779.086
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
TỔNG CỘNG	103.747.605.098	122.310.178.437

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	174.318.683.092	187.575.318.780
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	15.600.000.000	10.400.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ MDT	15.600.000.000	10.400.000.000
Phải thu từ hoạt động kinh doanh khoáng sản và cung cấp dịch vụ	66.796.359.742	105.860.734.334
Công ty TNHH Ngọc Lợi	16.589.048.007	21.751.905.168
Công ty TNHH MTV Đầu tư Song Lộ	8.476.198.830	8.476.198.830
Các khách hàng khác	41.731.112.905	75.632.630.336
Phải thu từ hoạt động kinh doanh cho thuê khu công nghiệp	91.922.323.350	71.314.584.446
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thái Hòa	17.443.262.500	17.443.262.500
Công ty TNHH Công nghiệp Vantex	8.924.771.805	8.900.465.037
Công ty TNHH Sơn He Huan Shan Paints Nguyễn Thị Đoàn	4.095.404.174	321.969.676
Nguyễn Thị Đoàn	3.995.478.960	-
Các khách hàng khác	57.463.405.911	44.648.887.233
Dài hạn	2.600.000.000	7.800.000.000
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	2.600.000.000	7.800.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ MDT	2.600.000.000	7.800.000.000
TỔNG CỘNG	176.918.683.092	195.375.318.780
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 9)	(45.889.874.219)	(36.564.464.456)
GIÁ TRỊ THUẦN	131.028.808.873	158.810.854.324

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một Thành viên Trí Vinh	1.415.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Bình Nguyễn	1.320.000.000	-
Chùa Bửu Sơn	-	8.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	3.271.769.464	2.449.002.178
TỔNG CỘNG	6.006.769.464	10.449.002.178

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	208.861.089.890	224.861.089.890
Bên liên quan (Thuyết minh số 36)	14.500.000.000	14.500.000.000
TỔNG CỘNG	223.361.089.890	239.361.089.890
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 9)	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	193.361.089.890	209.361.089.890

Chi tiết các khoản cho vay như sau:

	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Tinh Vân (*)	75.000.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	20
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Mercury (*)	52.000.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	20
Các cá nhân khác (*)	49.000.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	20
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Lộc Kim	30.000.000.000	Quá hạn	12
Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn (*)	14.500.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	12
Công ty TNHH Huệ Minh (*)	2.861.089.890	Quá hạn	11
TỔNG CỘNG	223.361.089.890		

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đã thu hồi một phần các khoản cho vay kể trên. Ngoài ra, một phần các khoản phải thu về cho vay này đã được đảm bảo bởi các tài sản của các bên liên quan.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.511.562.472.240	1.496.400.737.629
Phải thu từ hợp đồng ủy thác đầu tư (i)	1.202.220.000.000	1.242.220.000.000
• Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng và các công ty khác	1.032.220.000.000	1.072.220.000.000
• Công ty sở hữu dự án tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	170.000.000.000	170.000.000.000
Phải thu từ thanh lý hợp đồng (ii)	131.579.000.000	131.579.000.000
Tạm ứng đền bù đất (iii)	124.876.671.739	56.678.491.189
Phải thu lãi cho vay (iv)	27.242.685.646	25.262.656.233
Lãi từ ủy thác đầu tư	21.051.993.347	29.621.917.808
Cổ tức	4.500.000.000	8.930.000.000
Khác	92.121.508	2.108.672.399
Dài hạn	1.075.097.524.250	868.604.385.860
Hợp đồng hợp tác đền bù giải phóng mặt bằng (v)	1.037.878.000.000	829.878.000.000
Ký quỹ, ký cược	37.219.524.250	36.455.606.617
Khác	-	2.270.779.243
TỔNG CỘNG	2.586.659.996.490	2.365.005.123.489

Trong đó:

- Phải thu các bên khác 2.578.454.872.490 2.363.040.001.489
 - Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 36) 8.205.124.000 1.965.122.000
- (i) Khoản này thể hiện khoản ủy thác đầu tư cho các cá nhân và công ty để nhận chuyển nhượng cổ phần và vốn góp. Một số cổ phiếu do các cá nhân này nắm giữ đã được dùng để thế chấp các trái phiếu thường trong nước
- (ii) Đây là khoản phải thu từ thanh lý hợp đồng thực hiện đền bù và thi công hạ tầng dự án mở rộng, Khu Công nghiệp Đất Cốc giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Bình Dương ("Dịch vụ Bình Dương"). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đã thu hồi toàn bộ khoản phải thu từ Dịch vụ Bình Dương..
- (iii) Đây là khoản tạm ứng cho nhân viên và quản lý chủ chốt để đền bù đất cho các dự án của Công ty và thực hiện các công việc khác.
- (iv) Một phần của lãi cho vay này đã được đảm bảo bởi các tài sản của một bên liên quan.
- (v) Đây là khoản tạm ứng theo Hợp đồng hợp tác với Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Trí ("Minh Trí") và một cá nhân liên quan đến việc bồi thường giải phóng mặt bằng cho dự án mở rộng, Khu Công nghiệp Đất Cốc. Theo hợp đồng, Nhóm Công ty sẽ thanh toán khoản phí dịch vụ là 2% trên tổng giá trị đất bồi thường thực tế.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

9.1 Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	66.564.464.456	70.051.646.941
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	9.325.409.763	4.606.388.947
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(8.093.571.432)
Số cuối năm	75.889.874.219	66.564.464.456

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi ước tính	Giá trị có thể thu hồi ước tính
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Lộc Kim	30.000.000.000 (30.000.000.000)	-	-	30.000.000.000 (30.000.000.000)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thái Hòa	17.443.262.500	(17.443.262.500)	-	17.443.262.500 (12.210.283.750)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Song Lộc	8.476.198.830	(8.476.198.830)	-	8.476.198.830 (8.476.198.830)
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Phát	4.999.416.150	(4.999.416.150)	-	4.999.416.150 (4.999.416.150)
Công ty TNHH Khoáng Sản Hà Đô	4.594.040.380	(4.594.040.380)	-	4.594.040.380 (3.215.828.266)
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	2.765.064.363	(2.765.064.363)	-	2.765.064.363 (2.765.064.363)
Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng	42.429.100.357	(7.611.891.996)	34.817.208.361	7.581.865.392 (4.897.673.097)
TỔNG CỘNG	110.707.082.580 (75.889.874.219)	34.817.208.361	75.859.847.615 (66.564.464.456)	9.295.383.159

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

10. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm (*)	24.833.695.313	23.900.250.589
Nguyên liệu, vật liệu	3.103.322.325	3.998.322.577
Hàng hóa	365.468.000	215.316.400
Công cụ, dụng cụ	244.983.129	243.466.466
TỔNG CỘNG	28.547.468.767	28.357.356.032

(*) Thành phẩm trị giá 10.000.000.000 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 24.1).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	13.194.357.906	31.006.708.901
Chi phí hoa hồng	8.293.718.347	19.537.934.069
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.221.654.938	7.005.548.337
Khác	678.984.621	4.463.226.495
Dài hạn	202.882.832.285	186.557.096.990
Chi phí thuê đất (*)	59.631.271.599	57.510.797.653
Chi phí đền bù	53.196.163.625	49.696.534.967
Chi phí cấp quyền khai thác (*)	49.348.960.585	38.576.509.705
Khác	40.706.436.476	40.773.254.665
TỔNG CỘNG	216.077.190.191	217.563.805.891

(*) Quyền sử dụng thuộc văn phòng Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB, công ty con, đã được sử dụng để thế chấp cho khoản vay ngân hàng ngắn hạn của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24.1) và một phần của Quyền khai thác mỏ đã được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 24.2).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

Nguyên giá:	Nhà xưởng và vật kiến trúc (*)	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Khác	Tổng cộng
Số đầu năm	100.357.448.898	171.927.061.681	28.770.547.899	5.627.822.611	2.734.136.602	309.354.823.679
Mua mới trong năm	-	-	-	70.000.000	-	70.000.000
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	21.142.793.626	-	-	-	21.142.793.626
Thanh lý trong năm	(1.256.441.869)	(4.277.100.008)	-	-	-	(5.533.541.877)
Số cuối năm	99.038.813.017	188.792.755.299	28.770.547.899	5.697.822.611	2.734.136.602	325.034.075.428
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	28.748.443.884	82.071.272.526	20.839.582.509	3.496.254.017	1.186.409.329	136.341.962.265
Giá trị Khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(63.233.885.754)	(130.153.679.378)	(25.633.200.131)	(4.310.876.154)	(1.758.673.170)	(225.090.314.587)
Khấu hao trong năm	(3.573.710.725)	(10.951.123.921)	(1.116.989.115)	(344.554.050)	(206.606.987)	(16.192.984.798)
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	(10.665.366.441)	-	-	-	(10.665.366.441)
Thanh lý trong năm	1.256.441.869	4.277.100.008	-	-	-	5.533.541.877
Số cuối năm	(65.551.154.610)	(147.493.069.732)	(26.750.189.246)	(4.655.430.204)	(1.965.280.157)	(246.415.123.949)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	37.061.369.132	41.773.382.303	3.137.347.768	1.316.946.457	975.463.432	84.264.509.092
Số cuối năm	33.487.658.407	41.299.685.567	2.020.358.653	1.042.392.407	768.856.445	78.618.951.479

(*) Văn phòng Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB, công ty con của Nhóm Công ty, đã được sử dụng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24.1).

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VND
	Máy móc và thiết bị
Nguyên giá:	
Số đầu năm	21.142.793.626
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(21.142.793.626)
Số cuối năm	-
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	(8.727.276.705)
Khấu hao trong năm	(1.938.089.736)
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	10.665.366.441
Số cuối năm	-
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	12.415.516.921
Số cuối năm	-

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	200.000.000	1.659.582.990	1.859.582.990
<i>Trong đó:</i>			
Đã hao mòn hết	200.000.000	1.659.582.990	1.859.582.990
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	(200.000.000)	(1.573.996.027)	(1.773.996.027)
Khấu hao trong năm	-	(85.586.963)	(85.586.963)
Số cuối năm	(200.000.000)	(1.659.582.990)	(1.859.582.990)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	-	85.586.963	85.586.963
Số cuối năm	-	-	-

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND					
	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Máy móc và thiết bị	Tổng cộng	
Nguyên giá:						
Số đầu năm	23.354.040.227	1.607.721.600	160.632.641.794	13.399.878.485	198.994.282.106	
Mua mới trong năm	-	4.582.729.437	1.527.576.479	-	6.110.305.916	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	54.452.258.255	25.435.046.656	-	79.887.304.911	
Cho thuê lại đất và cơ sở hạ tầng đã ghi nhận doanh thu một lần	-	(59.034.987.692)	(26.962.623.135)	-	(85.997.610.827)	
Số cuối năm	23.354.040.227	1.607.721.600	160.632.641.794	13.399.878.485	198.994.282.106	
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	-	-	-	1.337.866.160	1.337.866.160	
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(7.985.293.689)	(902.083.456)	(54.090.900.526)	(10.636.544.413)	(73.614.822.084)	
Khấu hao trong năm	(1.003.738.368)	(59.077.296.152)	(31.050.705.042)	(1.176.684.852)	(92.308.424.414)	
Cho thuê lại đất và cơ sở hạ tầng đã ghi nhận doanh thu một lần	-	59.034.987.692	26.962.623.135	-	85.997.610.827	
Số cuối năm	(8.989.032.057)	(944.391.916)	(58.178.982.433)	(11.813.229.265)	(79.925.635.671)	
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	15.368.746.538	705.638.144	106.541.741.268	2.763.334.072	125.379.460.022	
Số cuối năm	14.365.008.170	663.329.684	102.453.659.361	1.586.649.220	119.068.646.435	

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày trong Thuyết minh số 28.1 và 29.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này tương đương với giá trị còn lại vào ngày này.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn thể hiện chi phí phát sinh cho các dự án đang trong giai đoạn phát triển, chi tiết như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án mở rộng, Khu Công nghiệp Đất Cuốc (*)	192.742.345.476	272.586.923.114
Dự án mỏ đá Tam Lập	149.388.684.682	145.221.035.560
Dự án mỏ sét Phước Hòa	55.307.268.893	54.903.019.630
Dự án mỏ đá Tân Mỹ	1.708.850.595	18.727.054.236
Khác	33.316.076.430	24.611.637.892
TỔNG CỘNG (**)	432.463.226.076	516.049.670.432

(*) Nhóm Công ty đã dùng các Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án mở rộng, Khu Công nghiệp Đất Cuốc, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương ("KCN Đất Cuốc") để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh Sài Gòn (Thuyết minh số 24.1 và 24.2).

(**) Ngoài ra, bao gồm trong chi phí xây dựng cơ bản dở dang đã được dùng một phần để thế chấp cho khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 24.1).

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 17.1)	-	10.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (*) (Thuyết minh số 17.1)	344.276.248.989	32.647.583.945
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)	-	306.306.000.000
TỔNG CỘNG	344.276.248.989	348.953.583.945

(*) Trong năm, một thành viên chủ chốt của Công ty đã được bổ nhiệm là Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa ("VLB"). Theo đó, Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với VLB mặc dù có tỷ lệ sở hữu ít hơn 20%. Vì vậy, Nhóm Công ty đã phân loại lại khoản đầu tư vào VLB sang đầu tư vào công ty liên kết kể từ ngày Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể trong VLB.

17.1 Đầu tư vào Công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng	Số cuối năm		Số đầu năm	
			% Sở hữu	Giá trị (VND)	% Sở hữu	Giá trị (VND)
VLB (i)	Khai thác khoáng sản, cung cấp vật liệu xây dựng	Đang hoạt động	9,59	309.167.144.594	-	-
Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Cung cấp vật liệu xây dựng	Đang hoạt động	50	35.109.104.395	50	32.647.583.945
TỔNG CỘNG				344.276.248.989		32.647.583.945

(i) VLB là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4704000043 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30 tháng 6 năm 2005, sau đó điều chỉnh thành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3600275107 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của VLB là khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng và cung cấp dịch vụ xây dựng. VLB có trụ sở chính đăng ký tại K4/79C Đường Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, Phường Bửu Hòa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Toàn bộ 4.500.000 cổ phiếu VLB thuộc sở hữu của Nhóm Công ty đã được thế chấp cho khoản vay trái phiếu (Thuyết minh số 24.5).

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày như sau:

	VND		
	Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	VLB	TỔNG CỘNG
Giá trị đầu tư:			
Số đầu năm	53.000.000.000	-	53.000.000.000
Phân loại từ đầu tư khác	-	306.306.000.000	306.306.000.000
Số cuối năm	53.000.000.000	306.306.000.000	359.306.000.000
Phần lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:			
Số đầu năm	(20.352.416.055)	-	(20.352.416.055)
Phần lãi từ công ty liên kết	2.461.520.450	7.361.144.594	9.822.665.044
Cổ tức được chia	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Số cuối năm	(17.890.895.605)	2.861.144.594	(15.029.751.011)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	32.647.583.945	-	32.647.583.945
Số cuối năm	35.109.104.395	309.167.144.594	344.276.248.989

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND	
	Lợi thế thương mại
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	71.406.939.721
Phân bổ lũy kế:	
Số đầu năm	(32.133.122.874)
Phân bổ trong năm	(7.140.693.973)
Số cuối năm	(39.273.816.847)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	39.273.816.847
Số cuối năm	32.133.122.874

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

19.1 Phải trả người bán ngắn hạn

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Grand Castle International	8.920.659.593	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	2.440.172.226	4.440.172.226
Ông Lại Duy Thanh	2.000.000.000	3.500.000.000
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Phát Lợi	183.473.402	21.885.372.121
Khác	9.973.872.560	17.199.223.561
TỔNG CỘNG	23.518.177.781	47.024.767.908

19.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Phát Lợi	63.151.514.570	-
Khác	1.539.564.047	687.441.315
TỔNG CỘNG	64.691.078.617	687.441.315

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND				
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.826.308.614	31.661.964.906	(12.024.252.105)	48.464.021.415
Thuế giá trị gia tăng	28.065.044.693	33.804.747.557	(26.406.443.058)	35.463.349.192
Thuế tài nguyên	4.661.674.160	9.955.550.490	(10.103.559.110)	4.513.665.540
Phí bảo vệ môi trường	1.989.882.026	4.846.067.265	(5.590.453.558)	1.245.495.733
Thuế thu nhập cá nhân	778.019.503	2.558.347.113	(2.283.779.318)	1.052.587.298
Thuế khác	-	18.442.412.900	(17.169.560.136)	1.272.852.764
TỔNG CỘNG	64.320.928.996	101.269.090.231	(73.578.047.285)	92.011.971.942

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	22.486.848.926	33.695.930.068
Khác	3.617.148.429	3.685.792.741
TỔNG CỘNG	26.103.997.355	37.381.722.809

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	17.609.867.280	20.756.639.928
Khoản thu trước tiên cho thuê đất Khu Công nghiệp Đất Cước	17.609.867.280	20.756.639.928
Dài hạn	543.693.201.157	571.087.012.374
Khoản thu trước tiên cho thuê đất Khu Công nghiệp Đất Cước	543.693.201.157	571.087.012.374
TỔNG CỘNG	561.303.068.437	591.843.652.302

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

23. PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	233.146.702.360	367.997.804.237
Nhận đặt cọc hợp đồng cho thuê đất (*)	151.440.676.772	334.959.873.502
Mượn không lãi suất (**)	54.206.620.596	12.000.000.000
Phải trả thù lao, ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị và các ủy ban và thường cán bộ quản lý điều hành	13.004.868.238	11.261.119.234
Khác	14.494.536.754	9.776.811.501
Dài hạn	40.972.791.560	2.978.363.275
Nhận ký cược, ký quỹ	40.972.791.560	2.978.363.275
TỔNG CỘNG	274.119.493.920	370.976.167.512
Trong đó:		
- Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 36)	36.800.000.000	-
- Phải trả các bên khác	237.319.493.920	370.976.167.512

(*) Đây là khoản tiền đặt cọc nhận của khách hàng thuê đất thuộc dự án mở rộng KCN Đất Cước.

(**) Đây là khoản mượn từ các cá nhân nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty.

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Trả nợ vay	Thuê tài chính	Phân loại lại	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Số cuối năm
Ngắn hạn	758.029.979.742	400.443.226.454	(839.018.508.696)	(3.302.235.102)	450.177.313.126	3.173.373.739	769.503.149.263
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 24.1)	139.573.118.379	329.493.264.981	(319.085.772.405)	-	-	-	149.980.610.955
Vay ngắn hạn dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24.2)	443.328.000.000	-	(443.328.000.000)	-	276.764.000.000	-	276.764.000.000
Vay ngắn hạn các bên khác (Thuyết minh số 24.3)	-	70.949.961.473	(6.604.736.291)	-	-	-	64.345.225.182
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24.4)	3.302.235.102	-	-	(3.302.235.102)	-	-	-
Trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 24.5)	175.000.000.000	-	(70.000.000.000)	-	175.000.000.000	-	280.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu (Thuyết minh số 24.5)	(3.173.373.739)	-	-	-	(1.586.686.874)	3.173.373.739	(1.586.686.874)
Dài hạn	357.669.626.261	543.000.000.000	(52.203.000.000)	-	(450.177.313.126)	1.586.686.865	399.876.000.000
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 24.2)	185.843.000.000	543.000.000.000	(52.203.000.000)	-	(276.764.000.000)	-	399.876.000.000
Trái phiếu thường (Thuyết minh số 24.5)	175.000.000.000	-	-	-	(175.000.000.000)	-	-
Chi phí phát hành trái phiếu (Thuyết minh số 24.5)	(3.173.373.739)	-	-	-	1.586.686.874	1.586.686.865	-
TỔNG CỘNG	1.115.699.606.003	943.443.226.454	(891.221.508.696)	(3.302.235.102)	-	4.760.060.604	1.169.379.149.263

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

B09 – DN/HN

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương	79.981.460.776	Từ ngày 20 tháng 2 năm 2024 đến ngày 24 tháng 6 năm 2024	6,80% - 7,10%	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc văn phòng Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB, công ty con tổng giá trị là 103.950.791.000 VND, hàng tồn kho trị giá 10.000.000.000 VND (Thuyết minh số 10)
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh Sài Gòn	20.000.000.000	Từ ngày 21 tháng 6 năm 2024 đến ngày 22 tháng 6 năm 2024	11,40%	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất hoặc sẽ hình thành trong tương lai thuộc dự án mở rộng KCN Đất Cuộc (Thuyết minh số 16).
Ngân hàng TNHH Indovina – Trung tâm Kinh doanh	49.999.150.179	Từ ngày 28 tháng 12 năm 2023 đến ngày 20 tháng 6 năm 2024 (*)	7,00% - 8,00%	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của cá nhân

TỔNG CỘNG

149.980.610.955

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, khoản vay đáo hạn vào ngày 28 tháng 12 năm 2023 đã được thanh toán.

24.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh Sài Gòn	676.640.000.000	Từ ngày 15 tháng 1 năm 2024 đến ngày 15 tháng 10 năm 2026	13,70% - 16,25%	Quyền khai thác mỏ đá xây dựng (Thuyết minh số 11), Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất hoặc sẽ hình thành trong tương lai thuộc dự án mở rộng KCN Đất Cuộc (Thuyết minh số 16).
Trong đó:				
- Vay dài hạn	399.876.000.000			
- Vay dài hạn đến hạn trả	276.764.000.000			

24.3 Vay ngắn hạn các bên khác

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ các bên khác được trình bày như sau:

Bên vay	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
Bà Trần Thị Thủy Phương	60.000.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	12,00%	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động	Vay tín chấp
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	4.345.225.182	Từ ngày 26 tháng 2 năm 2024 đến ngày 31 tháng 5 năm 2024	13,80%	Mua chứng khoán Toàn bộ cổ phiếu quỹ của Công ty (Thuyết minh số 27.2)	

TỔNG CỘNG

64.345.225.182

24.4 Nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	172.403.813	172.403.813	3.499.826.374	197.591.272
				3.302.235.102

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.5 Trái phiếu thường

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (i)	280.000.000.000	350.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(1.586.686.874)	(6.346.747.478)
Số cuối năm	278.413.313.126	343.653.252.522
Trong đó:		
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	278.413.313.126	171.826.626.261
Trái phiếu dài hạn	-	171.826.626.261

(i) Vào ngày 29 tháng 4 năm 2021, Nhóm Công ty đã phát hành 3.500 trái phiếu không chuyển đổi và không kèm chứng quyền với tổng giá trị 350 tỷ VND (mệnh giá 100 triệu đồng/ trái phiếu) với kỳ hạn 3 năm.

Hàng quý sau 18 (mười tám) tháng kể từ ngày phát hành, chủ sở hữu trái phiếu có quyền đề nghị Nhóm Công ty mua lại trước hạn tối đa 10% tổng giá trị mệnh giá trái phiếu phát hành, khoản gốc còn lại sẽ được thanh toán vào ngày đáo hạn.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của Nhóm Công ty.

Các trái phiếu này được đảm bảo bằng:

- Quyền sử dụng đất 42.482 m² đang tồn tại của dự án Khu công nghiệp Đất Cuốc;
- 4.500.000 cổ phiếu VLB thuộc sở hữu của Công ty TNHH Đầu tư KSB, công ty con của Nhóm Công ty (*Thuyết minh số 17.3*); và
- Các cổ phiếu của các cá nhân.

Các trái phiếu này chịu lãi suất 11,5%/năm cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4,5%/năm, trong trường hợp lãi suất tham chiếu nhỏ hơn 6,5%/năm thì lãi suất trái phiếu áp dụng là 11%/năm cho các kỳ tính lãi tiếp theo. Tiền lãi sẽ được trả theo kỳ 6 tháng.

25. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	42.795.627.504	58.953.080.594
Trích lập (<i>Thuyết minh số 27.1</i>)	10.290.268.514	21.478.733.148
Sử dụng quỹ	(15.297.882.648)	(37.636.186.238)
TỔNG CỘNG	37.788.013.370	42.795.627.504

26. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Dự phòng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường	24.966.430.676	204.088.596	(1.670.540.280)	23.499.978.992
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.243.460.000	-	(286.090.000)	2.957.370.000
TỔNG CỘNG	28.209.890.676	204.088.596	(1.956.630.280)	26.457.348.992

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

27.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	736.312.020.000	1.658.500	(3.354.000.000)	169.383.360.103	885.513.374.469	1.787.856.413.072
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	152.083.434.886	152.083.434.886
Phát hành cổ phiếu	30.000.000.000	-	-	-	-	30.000.000.000
Trích lập các quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	15.341.952.250	(15.341.952.250)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(21.478.733.148)	(21.478.733.148)
Thù lao, ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và các ủy ban	-	-	-	-	(5.600.000.000)	(5.600.000.000)
Quỹ khác	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Số cuối năm	766.312.020.000	1.658.500	(3.354.000.000)	184.725.312.353	993.176.123.957	1.940.861.114.810
Năm nay						
Số đầu năm	766.312.020.000	1.658.500	(3.354.000.000)	184.725.312.353	993.176.123.957	1.940.861.114.810
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	73.765.686.756	73.765.686.756
Trích lập các quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	7.350.191.796	(7.350.191.796)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(10.290.268.514)	(10.290.268.514)
Thù lao, ngân sách hoạt động của HĐQT và các Ủy ban (*)	-	-	-	-	(4.600.000.000)	(4.600.000.000)
Quỹ khác (*)	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Số cuối năm	766.312.020.000	1.658.500	(3.354.000.000)	192.075.504.149	1.042.701.350.403	1.997.736.533.052

27.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 9 tháng 6 năm 2023, các cổ đông của Công ty đã thông qua mức trích quỹ đầu tư, phát triển là 10%, quỹ khen thưởng là 7% và quỹ phúc lợi là 7% dựa trên lợi nhuận thuần trong năm 2022, thù lao của Hội đồng quản trị và các Ủy ban khác là 5.600.000.000 VND và quỹ phát triển cộng đồng là 2.000.000.000 VND. Theo đó, Công ty đã trích bổ sung các quỹ trong năm 2023 với số tiền là 1.536.695.488 VND.

Cũng theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên này, các cổ đông của Công ty đã thông qua mức dự tính trích quỹ đầu tư, phát triển là 10%, quỹ khen thưởng, phúc lợi là 14% và thù lao, ngân sách của Hội đồng quản trị và các ủy ban khác là 5.000.000.000 VND. Theo đó, dựa trên lợi nhuận thuần trong năm, Công ty đã trích lập quỹ đầu tư, phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi là 17.640.460.310 VND và thù lao, ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và các ủy ban khác là 5.000.000.000 VND.

27.2 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	76.631.202	76.631.202
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	76.631.202	76.631.202
Số lượng cổ phiếu quỹ (*)		
Cổ phiếu phổ thông	(335.400)	(335.400)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	76.295.802	76.295.802

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Toàn bộ cổ phiếu quỹ của Công ty được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (Thuyết minh số 24.3).

27.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	766.312.020.000	736.312.020.000
Tăng trong năm	-	30.000.000.000
Số cuối năm	766.312.020.000	766.312.020.000

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND		
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu	528.626.774.295	859.149.585.991
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	232.789.507.101	526.702.601.506
Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng ghi nhận một lần (*)	234.890.561.954	274.256.675.863
Doanh thu kinh doanh đất đã phát triển cơ sở hạ tầng ghi nhận phân bổ theo thời gian cho thuê	60.946.705.240	58.190.308.622
Giảm trừ doanh thu	(2.494.000)	(43.190.000)
Hàng bán bị trả lại	(2.494.000)	(43.190.000)
DOANH THU THUẦN	528.624.280.295	859.106.395.991
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	232.787.013.101	526.659.411.506
Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng ghi nhận một lần	234.890.561.954	274.256.675.863
Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng ghi nhận phân bổ theo thời gian cho thuê	60.946.705.240	58.190.308.622

(*) Doanh thu cho thuê là doanh thu ghi nhận một lần đối với các tài sản cho thuê dài hạn có nhận trước tiền thuê của nhiều kỳ và có thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, theo chính sách kế toán được trình bày tại *Thuyết minh số 3.20*. Nếu doanh thu từ việc cho thuê này được ghi nhận theo phương pháp phân bổ theo thời gian cho thuê, thì ảnh hưởng đến doanh thu, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ và lợi nhuận gộp như sau:

VND				
	Năm nay		Năm trước	
	Doanh thu được ghi nhận một lần	Doanh thu được phân bổ theo thời gian cho thuê	Doanh thu được ghi nhận một lần	Doanh thu được phân bổ theo thời gian cho thuê
Doanh thu thuần	234.890.561.954	2.873.764.281	274.256.675.863	8.066.372.820
Giá vốn dịch vụ cung cấp	(80.746.375.089)	(821.352.961)	(144.287.146.573)	(4.243.739.605)
Lợi nhuận gộp	154.144.186.865	2.052.411.320	129.969.529.290	3.822.633.215

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi và cho vay	79.666.413.049	58.442.493.925
Cổ tức	-	35.459.300.000
TỔNG CỘNG	79.666.413.049	93.901.793.925

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm đã bán và dịch vụ cung cấp	188.985.518.009	378.974.283.905
Giá vốn kinh doanh đất đã phát triển cơ sở hạ tầng ghi nhận một lần	80.746.375.089	144.287.146.573
Giá vốn kinh doanh đất đã phát triển cơ sở hạ tầng ghi nhận phân bổ theo thời gian cho thuê	19.796.240.238	18.848.626.587
TỔNG CỘNG	289.528.133.336	542.110.057.065

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	160.592.437.202	135.109.191.567
Khác	18.760.449	-
TỔNG CỘNG	160.611.197.651	135.109.191.567

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	12.979.768.779	40.304.753.828
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.832.171.234	33.785.873.207
Chi phí nhân viên	2.276.781.897	4.230.512.593
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	758.788.620	1.461.414.136
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	106.195.972	648.418.097
Chi phí khác	5.831.056	178.535.795
Chi phí quản lý doanh nghiệp	50.431.304.194	52.948.621.642
Chi phí nhân viên	20.714.460.190	28.804.563.747
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	9.662.466.873	9.486.277.397
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.715.886.379	12.345.176.795
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)	7.572.868.079	(4.540.546.314)
Chi phí khác	4.765.622.673	6.853.150.017
TỔNG CỘNG	63.411.072.973	93.253.375.470

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

32. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định và bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	117.665.779.884	178.488.693.237
Chi phí nguyên vật liệu	110.851.739.282	143.423.777.710
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.950.504.475	186.240.724.076
Chi phí nhân viên	51.698.787.993	61.108.164.108
Chi phí khác	28.576.689.357	66.102.073.404
TỔNG CỘNG	360.743.500.991	635.363.432.535

33. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	38.290.201.461	27.109.932.451
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	20.235.138.000	-
Tiền điện	15.422.703.853	17.088.166.054
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.185.185.185	6.776.705.546
Khác	1.447.174.423	3.245.060.851
Chi phí khác	(37.574.103.752)	(23.341.738.365)
Tiền điện	(14.205.296.245)	(16.461.806.829)
Chi phí khấu hao và phân bổ tài sản không sử dụng	(12.666.529.623)	-
Khác	(10.702.277.884)	(6.879.931.536)
LỢI NHUẬN KHÁC	716.097.709	3.768.194.086

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

34.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN	31.656.863.906	31.278.972.164
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	5.101.000	43.784.082
Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.661.964.906	31.322.756.246
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(148.599.525)	686.319.070
TỔNG CỘNG	31.513.365.381	32.009.075.316

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	105.279.052.137	184.092.510.202
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	21.055.810.427	36.818.502.040
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP (*)	6.174.466.863	-
Chi phí không phục vụ sản xuất kinh doanh	2.533.305.925	-
Lỗ của các công ty con chưa được ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	1.963.293.588	(249.467.171)
Phân bổ lợi thế thương mại	1.428.138.795	1.428.138.794
Chi phí không được trừ	358.599.514	409.078.179
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	5.101.000	43.784.082
(Lãi) lỗ từ công ty liên kết	(1.964.533.009)	442.249.940
Thu nhập cổ tức	-	(7.091.860.000)
Khác	(40.817.722)	208.649.452
Chi phí thuế TNDN	31.513.365.381	32.009.075.316

34.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
	VND			
Phí cải tạo môi trường	4.369.674.589	4.703.782.645	(334.108.056)	(202.880.485)
Trợ cấp thôi việc phải trả	591.474.000	648.692.000	(57.218.000)	(48.610.000)
Khác	(376.024.780)	(915.950.361)	539.925.581	(434.828.585)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.585.123.809	4.436.524.284		
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			148.599.525	(686.319.070)

34.4 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh (*)	Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
2023	2028	30.872.334.317	-	-	30.872.334.317

(*) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

35. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	73.765.686.756	152.083.434.886
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	(10.290.268.514)	(21.291.680.884)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	63.475.418.242	130.791.754.002
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	79.139.638	76.139.638
Lãi trên cổ phiếu		
• Lãi cơ bản (VND/cổ phiếu)	802	1.718
• Lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	802	1.718

(i) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2023 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 9 tháng 6 năm 2023.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được điều chỉnh giảm cho khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2022 được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 9 tháng 6 năm 2023.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa ("VLB")	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần DRH Holdings	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Địa ốc An Phú Long	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bất động sản Đông Sài Gòn	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Thuận Tiến	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Bình Đông	Công ty con của Cổ đông lớn
Ông Phan Tấn Đạt	Chủ tịch Hội đồng quản trị ("HĐQT")
Ông Hoàng Nguyên Bình	Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Trần Đình Hà	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên HĐQT độc lập kiêm thành viên Ủy ban kiểm toán
Ông Trần Hoàng Anh	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Lê Hoài Nam	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Đông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Tố Uyên	Người có quan hệ mật thiết với thành viên chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

VND			
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Lãi cho vay Cho vay	1.740.002.000	1.722.248.000
VLB	Cổ tức	4.500.000.000	2.000.000.000
Bà Vũ Tố Uyên	Mượn không lãi suất	36.800.000.000	-

Một cá nhân và một tổ chức là các bên liên quan đã cam kết đảm bảo cho các khoản phải thu (Thuyết minh số 7 và số 8) bằng tài sản thuộc sở hữu của cá nhân và tổ chức này.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

VND			
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Phải thu khác ngắn hạn			
VLB	Cổ tức	4.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Lãi cho vay	3.705.124.000	1.965.122.000
		8.205.124.000	1.965.122.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Cho vay	14.500.000.000	14.500.000.000
Phải trả khác ngắn hạn			
Bà Vũ Tố Uyên	Mượn không lãi suất	36.800.000.000	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao và tiền lương của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:

VND		
	Năm nay	Năm trước
Thù lao và tiền lương của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	3.956.350.562	7.222.119.948
Ông Phan Tấn Đạt	1.245.364.000	1.802.187.500
Ông Trần Đình Hà	1.088.952.500	1.479.693.500
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	62.730.000	753.435.000
Ông Nguyễn Đình Đông	330.843.591	564.479.631
Ông Lê Hoài Nam	715.511.471	574.000.000
Ông Trần Hoàng Anh	126.000.000	189.000.000
Ông Tôn Thất Diên Khoa	126.000.000	-
Ông Nguyễn Quốc Phòng (đến ngày 9 tháng 6 năm 2023)	160.910.000	1.169.254.499
Ông Đặng Quang Thung (đến ngày 31 tháng 3 năm 2023)	100.039.000	690.069.818
Thù lao Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT	126.000.000	882.000.000
Ông Hoàng Nguyên Bình	126.000.000	441.000.000
Ông Tôn Thất Diên Khoa	-	441.000.000
TỔNG CỘNG	4.082.350.562	8.104.119.948

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

37. CÁC CAM KẾT

Cam kết theo hợp đồng thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động các mỏ đá, mỏ sét và nhà xưởng. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	338.103.800	336.710.333
Từ 1 - 5 năm	1.352.415.200	1.346.841.332
Trên 5 năm	3.177.062.018	3.500.186.048
TỔNG CỘNG	4.867.581.018	5.183.737.713

Ngoài ra, Nhóm Công ty hiện đang cho thuê bất động sản đầu tư theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	77.991.667.701	96.466.253.884
Từ 1 - 5 năm	312.984.083.110	194.396.019.265
Trên 5 năm	445.453.767.302	567.291.171.253
TỔNG CỘNG	836.429.518.113	858.153.444.402

Cam kết các hợp đồng xây dựng

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty có các cam kết hợp đồng cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp với giá trị là 23.624.045.739 VND.

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là hoạt động kinh doanh khoáng sản và hoạt động cho thuê khu công nghiệp. Theo đó, các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm, dịch vụ khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Nhóm Công ty hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính cùng ngày như sau:

	VND			
	Hoạt động kinh doanh khoáng sản	Hoạt động cho thuê khu công nghiệp	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	232.787.013.101	421.647.807.194	(125.810.540.000)	528.624.280.295
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	43.801.495.092	195.294.651.867	-	239.096.146.959
Chi phí không phân bổ				(63.411.072.973)
Doanh thu hoạt động tài chính				79.666.413.049
Chi phí tài chính				(160.611.197.651)
Phần lỗ trong công ty liên kết				9.822.665.044
Lợi nhuận khác				716.097.709
Lợi nhuận thuần trước thuế				105.279.052.137
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(31.661.964.906)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				148.599.525
Lợi nhuận thuần sau thuế				73.765.686.756
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	3.199.909.618.788	1.484.428.332.154	(1.115.866.893.167)	3.568.471.057.775
Tài sản không phân bổ				708.169.350.761
Tổng tài sản				4.276.640.408.536
Công nợ bộ phận	1.800.785.240.486	783.290.235.599	(461.428.934.905)	2.122.646.541.180
Công nợ không phân bổ				156.257.334.304
Tổng công nợ				2.278.903.875.484

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

VND

	Hoạt động kinh doanh khoáng sản	Hoạt động cho thuê khu công nghiệp	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	526.659.411.506	542.050.744.485	(209.603.760.000)	859.106.395.991
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	147.685.127.601	169.311.211.325	-	316.996.338.926
Chi phí không phân bổ				(93.253.375.470)
Doanh thu hoạt động tài chính				93.901.793.925
Chi phí tài chính				(135.109.191.567)
Phần lỗ trong công ty liên kết				(2.211.249.698)
Lợi nhuận khác				3.768.194.086
Lợi nhuận thuần trước thuế				184.092.510.202
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(31.322.756.246)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(686.319.070)
Lợi nhuận thuần sau thuế				152.083.434.886
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	3.563.509.317.960	1.644.028.903.710	(1.402.857.671.705)	3.804.680.549.965
Tài sản không phân bổ				438.091.696.283
Tổng tài sản				4.242.772.246.248
Nợ phải trả bộ phận	1.967.690.114.210	951.396.154.541	(752.507.919.688)	2.166.578.349.063
Nợ phải trả không phân bổ				135.332.790.555
Tổng công nợ				2.301.911.139.618

38. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 3 tháng 1 năm 2024, Nhóm Công ty nhận được Quyết định Số 3697/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 do Ủy Ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án: Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ lộ thiên tại mỏ đá xây dựng Tam Lập 3.

Vào ngày 19 tháng 1 năm 2024, Nhóm Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 10/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 1 năm 2024. Theo đó, Nhóm Công ty đã phát hành Thông báo số 12/2024/TB-KS ngày 22 tháng 1 năm 2024, về việc chào bán 38.147.901 cổ phiếu phổ thông ra công chúng với giá chào bán là 16.000 VND/cổ phiếu. Và vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, toàn bộ 38.147.901 cổ phiếu phổ thông kể trên đã được chào bán thành công theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/2024/NQ-HĐQT.

Vào ngày 13 tháng 3 năm 2024, Nhóm Công ty nhận được Quyết định số 86/QĐ-XPHC ngày 8 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("QĐ số 86") về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán do công bố thông tin không đúng quy định. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đã và đang khắc phục các vi phạm trong QĐ số 86.

Vào ngày 26 tháng 3 năm 2024, Hội đồng quản trị của Nhóm Công ty đã thông qua Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐQT về việc triển khai phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 9 tháng 6 năm 2023 đã được thông qua trước đó. Theo đó, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 3.500.000 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

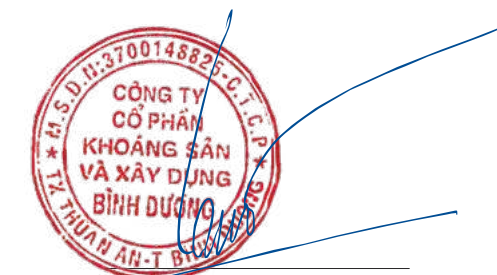
Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.



LƯƠNG TRỌNG TÍN
Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG TÂM
Kế toán trưởng




TRẦN ĐÌNH HÀ
Tổng Giám đốc


Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

 Số 8 Nguyễn Thị Minh Khai, Tổ 9, Khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

 (0274) 3822.602

 info@bimico.com.vn

 (0274) 3823.922

 www.bimico.com.vn